

NGUYỄN THỊ (Chủ biên)

LÊ HỒNG MAI - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

NGUYỄN THỊ HUỆ YÊN



TIẾNG VIỆT

CƠ BẢN

LỚP 2



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN TRÍ (Chủ biên) – LÊ HỒNG MAI
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO – NGUYỄN THỊ HUỆ YÊN

TIẾNG VIỆT CƠ BẢN LỚP 2

(Tái bản lần thứ ba)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Lời nói đầu

“Văn ôn, võ luyện”, đó là phương châm từ nhiều đời nay đã được ông cha ta tổng kết rút ra từ thực tiễn. Nhằm giúp các em học sinh lớp 2 có tài liệu bổ ích, phục vụ cho việc ôn luyện môn Tiếng Việt, chúng tôi biên soạn cuốn **TIẾNG VIỆT CƠ BẢN LỚP 2** thuộc bộ sách *Tiếng Việt cơ bản từ lớp 2 đến lớp 5*.

Sách gồm hai phần :

Phần I : KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN VÀ ĐỀ LUYỆN TẬP

Phần này được viết theo từng tuần học. Ở mỗi tuần, mở đầu là *bảng tóm tắt* các kiến thức, kĩ năng chủ yếu được học và thực hành nhằm giúp các em khắc sâu kiến thức, chú ý tới các kĩ năng sử dụng tiếng Việt. Tiếp theo là *đề luyện tập* cho ba phân môn : *Tập đọc, Luyện từ và câu, Tập làm văn*. Đây là các đề vừa có tính chất ôn tập vừa có tính chất củng cố các kiến thức và kĩ năng đã học nên nội dung bám sát sách giáo khoa *Tiếng Việt 2* nhưng không lặp lại các câu hỏi hoặc đề luyện tập trong sách. Hình thức các đề luyện tập bao gồm các câu hỏi, bài tập trắc nghiệm và tự luận ngắn.

Phần II : GIẢI ĐÁP – GỢI Ý

Phần này nêu nội dung *Giải đáp – Gợi ý* bài làm cũng như cung cấp một số đoạn văn, bài văn tham khảo. Tùy theo từng đề bài cụ thể, các tác giả đưa ra các chỉ dẫn để học sinh tự tìm ra cách làm hoặc đưa ra các gợi ý ngắn gọn và đáp án của đề bài. Tác dụng của phần này giúp học sinh có thể sử dụng sách theo hình thức tự học.

Sách chủ yếu dành cho học sinh lớp 2 nhưng các thầy giáo, cô giáo và các bậc phụ huynh học sinh có thể tham khảo, hướng dẫn các em luyện tập, củng cố, nhằm khắc sâu kiến thức, kĩ năng môn Tiếng Việt lớp 2. Cùng với các môn Toán và Tiếng Anh, sách này rất hữu ích cho việc học buổi 2 ở cấp Tiểu học.

Các tác giả xin chân thành cảm ơn các nhà văn, các em học sinh có bài văn, đoạn văn được trích làm tư liệu tham khảo trong cuốn sách này. Mong nhận được sự góp ý của các thầy giáo, cô giáo, các bậc phụ huynh và cả các em học sinh để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong các lần in sau.

CÁC TÁC GIẢ

Phần I

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN VÀ ĐỀ LUYỆN TẬP

Tuần 1

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– Có công mài sắt, có ngày nên kim là câu chuyện ngụ ngôn khuyên người ta chăm chỉ học tập, rèn luyện tính kiên trì.

– Tự thuật : Bài viết theo mẫu quy định có nội dung giới thiệu những nét khái quát về bản thân.

Qua các bài Tập đọc, HS đọc thành tiếng, đọc đúng các từ ngữ khó, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đọc hiểu một số từ ngữ đơn giản.

② Luyện từ và câu

Từ và câu : Bổ sung vốn từ ngữ về học tập, luyện cách đặt câu đơn giản.

③ Tập làm văn

– Biết tự giới thiệu về bản thân và giới thiệu về người khác.

– Biết kể chuyện theo tranh.

I – TẬP ĐỌC

Có công mài sắt, có ngày nên kim

1. Trước khi gặp bà cụ mài thỏi sắt, cậu bé là người thế nào ? Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.
 - a. Chăm chỉ học tập.
 - b. Chăm chỉ làm việc.
 - c. Làm việc gì cũng mau chán.

2. Câu tục ngữ “Có công mài sắt, có ngày nên kim” khuyên em điều gì ?
 - a. Chăm chỉ học tập, kiên trì rèn luyện thì sẽ thành tài.
 - b. Không có việc gì là không thể làm được.
 - c. Phải chăm chỉ làm việc.

Tự thuật

3. Bản tự thuật có những thông tin nào ?
 - a. Thông tin về cha mẹ, anh em.
 - b. Thông tin về bản thân người viết : họ tên, ngày tháng năm sinh, quê quán, nơi ở, trường lớp,...
 - c. Thông tin về bản thân người viết : sở thích, năng lực đặc biệt.
4. Khi viết tự thuật, dòng “Quê quán” cần ghi thông tin nào của người viết ?
 - a. Nơi sinh.
 - b. Nơi ở hiện tại.
 - c. Nơi gia đình đã sống nhiều đời.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm tên các sự vật có trong tranh vẽ :



2. Giải các câu đố về đồ dùng học tập :
 - a) *Cái mình đo đở*
Cái mỏ nâu nâu

*Xuống tắm ao sâu
Lên cây ruộng cạn ?*

(Là cái gì ?)

b) *Da tôi màu trắng
Bạn cùng bảng đen
Hãy cầm tôi lên
Tôi làm theo bạn ?*

(Là cái gì ?)

3. Đặt câu nói về hai sự vật vừa tìm được ở hai câu đố trên.

4. Nhìn tranh :



a) Tìm từ chỉ con vật trong hai bức tranh.

b) Với mỗi từ vừa tìm được, viết câu tả lại cảnh trong tranh.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Viết một bản giới thiệu về một người bạn thân của em.

2. Viết bốn câu kể lại một chuyện xảy ra ở lớp học của em.

Tuần 2

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Phần thưởng* : Câu chuyện kể về bạn Na – một bạn nhỏ tốt bụng, luôn biết giúp đỡ bạn bè. Cuối năm, Na không được phần thưởng vì học chưa giỏi, nhưng bạn được một phần thưởng đặc biệt vì có tấm lòng thật đáng quý.

– *Làm việc thật là vui* : Tất cả mọi vật đều chăm chỉ làm công việc của mình. Điều đó làm cho cuộc sống luôn tràn đầy niềm vui.

Luyện đọc thành tiếng, đọc đúng từ, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đọc hiểu từ ngữ đơn giản.

② Luyện từ và câu

– Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về học tập*. Biết đặt câu với từ có tiếng *học*, từ có tiếng *tập*.

– *Dấu chấm hỏi (?)* : Dấu chấm hỏi đặt ở cuối mỗi câu hỏi.

③ Tập làm văn

– Chào hỏi : Biết chào hỏi, hỏi và trả lời câu hỏi.

– Biết tự giới thiệu về mình và giới thiệu về người khác.

I – TẬP ĐỌC

Phần thưởng

1. Bạn Na là người thế nào ?

a. Bạn Na chăm chỉ học tập.

b. Bạn Na học giỏi.

c. Bạn Na tốt bụng, hay giúp đỡ các bạn trong lớp.

2. Vì sao khi Na lên nhận phần thưởng, “Mẹ của Na lặng lẽ chấm khăn lên đôi mắt đỏ hoe” ?

a. Mẹ tủi thân vì Na không được nhận phần thưởng học sinh giỏi.

- b. Mẹ hạnh phúc và tự hào vì Na là cô bé ngoan, tốt bụng và được mọi người yêu quý.
- c. Mẹ xúc động vì Na không học giỏi mà vẫn được thưởng.

Làm việc thật là vui

3. Dựa vào bài *Làm việc thật là vui* nối tên các con vật, sự vật với công việc của chúng :

<i>Con vật, sự vật</i>
Đồng hồ
Gà trống
Tu hú
Chim sâu
Cành đào
Bé

<i>Công việc</i>
nở hoa báo xuân về
báo mùa vải chín
báo trời sắp sáng
đi học, chơi với em,...
báo phút, báo giờ
bắt sâu bảo vệ mùa màng

4. Nghĩa của từ *bận rộn* là gì ?
- a. Có nhiều việc để làm.
- b. Có nhiều việc phiền phức.
- c. Phải làm việc quá nhiều.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Hoàn thành ô chữ sau bằng cách tìm các từ ngữ về học tập để điền vào hàng ngang của ô chữ :

Gợi ý : Tất cả các từ đều gồm hai tiếng.

- (a) Tên môn học giúp em học hát, bắt đầu bằng chữ Â, có 6 chữ cái.
- (b) Gồm 7 chữ cái, bắt đầu bằng chữ H, dùng để gọi chung tất cả các em khi ở trường.
- (c) Gồm 7 chữ cái, bắt đầu bằng chữ TR, chỉ hoạt động giúp các em thư giãn và vui học.
- (d) Tên một phân môn của môn Tiếng Việt, bắt đầu bằng chữ T, có 6 chữ cái.

- (e) Tên một phân môn của môn Tiếng Việt giúp em viết chữ đẹp, có 7 chữ cái.
- (g) Gồm 6 chữ cái, bắt đầu bằng chữ B, dùng để chỉ các bài các em phải làm để luyện kĩ nội dung kiến thức đã học.

(a)				H					
(b)				O					
(c)				C					
(d)				T					
(e)				Â					
(g)					P				

2. Nối từ ở cột A với nghĩa phù hợp ở cột B :

A	B
bàn bạc	ý kiến mới và hay
bàn tán	trao đổi ý kiến để tìm ra cách giải quyết một việc nào đó
sáng kiến	trao đổi ý kiến rộng rãi, không có tổ chức và không đi đến kết luận.

3. Chọn từ nào để điền vào chỗ trống trong câu “Muốn hiểu sâu bài học chúng ta phải chăm chỉ làm ... về nhà” ?
- bài tập
 - luyện tập
 - học tập
4. Điền *dấu chấm hỏi* vào cuối câu nào trong các câu sau :
- Quê bạn Lan ở tận Phú Thọ
 - Bạn Lan quê ở Phú Thọ
 - Quê bạn Lan ở Phú Thọ phải không

III – TẬP LÀM VĂN

1. Em hãy đặt *dấu câu* thích hợp vào cuối mỗi câu sau :
 - a) Năm nay, em học lớp mấy
 - b) Em học lớp 2
 - c) Ai đưa em đi học
 - d) Mẹ em đưa em đi học
 - e) Mẹ em tên là gì
 - g) Nhà em ở đâu
 - h) Em thích học môn nào
 - i) Em thích học môn Tiếng Việt
2. Điền câu còn thiếu vào đoạn hội thoại giữa em và Nam khi các em gặp nhau ở công viên.
 - Chào bạn. Tớ là Nam.
 - ...
 - Tớ đi cùng với mẹ. Bạn học lớp mấy ?
 - ...
 - Tớ cũng học lớp 2. Bạn có thích xem truyện tranh không ?
 - ...
 - Thế à ? Chúng mình kết bạn nhé.

Tuần 3

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

- *Bạn của Nai Nhỏ* : Câu chuyện nói về những đức tính đáng quý của bạn của Nai Nhỏ : khoẻ mạnh, thông minh, nhanh nhẹn, dũng cảm, biết vì bạn bè. Câu chuyện của Nai Nhỏ khẳng định rằng : đức tính quý nhất của người bạn là biết sống vì bạn bè, sẵn sàng bảo vệ và giúp đỡ bạn trong lúc gặp khó khăn.
- *Gọi bạn* : Bài thơ thể hiện tình bạn thân thiết, đầy tình thương yêu giữa Bê Vàng và Dê Trắng.

Rèn kĩ năng đọc trơn, đọc đúng các từ khó, đọc liền mạch các từ, cụm từ, đọc đúng giọng điệu của nhân vật.

② Luyện từ và câu

- *Từ chỉ sự vật* : Biết thêm một số từ chỉ sự vật, biết cách dùng từ, đặt câu đơn giản.
- Câu kiểu *Ai là gì ?*
M : ^(*) Ai (hoặc cái gì, con gì) là gì ?

③ Tập làm văn

- Sắp xếp câu trong bài.
- Lập danh sách học sinh.

I – TẬP ĐỌC

Bạn của Nai Nhỏ

1. Hành động nào thể hiện bạn của Nai Nhỏ là người dũng cảm ?
 - a. Gặp hòn đá to, hích vai, hòn đá lăn sang một bên.
 - b. Gặp lão Hổ, kéo Nai Nhỏ chạy như bay.
 - c. Gặp Sói, dùng đôi sừng chắc khoẻ húc Sói ngã ngựa.

(*) M : Mẫu và ví dụ.

2. Lí do nào khiến cha của Nai Nhỏ tin tưởng bạn của con mình ?
- Vì bạn của Nai Nhỏ rất khoẻ mạnh.
 - Vì bạn của Nai Nhỏ rất dũng cảm và sẵn sàng cứu bạn.
 - Vì bạn của Nai Nhỏ rất nhanh nhẹn.

Gọi bạn

3. Em chọn cách ngắt nhịp nào trong ba cách sau ?
- Một năm, trời / hạn hán
Suối / cạn, cỏ / héo khô
Lấy gì nuôi / đôi bạn
Chờ mưa đến / bao giờ ?
 - Một năm, / trời hạn hán
Suối cạn, / cỏ héo khô
Lấy gì / nuôi / đôi bạn
Chờ mưa / đến bao giờ ?
 - Một / năm, trời / hạn hán
Suối cạn, / cỏ héo khô
Lấy gì nuôi / đôi bạn
Chờ / mưa / đến / bao giờ ?
4. Bài thơ *Gọi bạn* nói về chuyện gì ?
- Nói về tình bạn thân thiết giữa Bê Vàng và Dê Trắng.
 - Nói về việc Bê Vàng bị lạc.
 - Nói về chuyện hạn hán.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Gạch dưới các từ chỉ sự vật trong đoạn thơ sau :

Dòng suối thức

*Ngôi sao ngủ với bầu trời
Bé nằm ngủ với à ơi tiếng bà
Gió còn ngủ tận thung xa
Để con chim ngủ la đà ngọn cây
Núi cao ngủ giữa chấn mây
Quả sim béo mọng ngủ ngay vệ đường...*

(Quang Huy)

2. Tìm 5 từ ngữ chỉ sự vật :
- Bắt đầu bằng từ *xe* : xe đạp, ...
 - Bắt đầu bằng từ *cây* : cây tre, ...
 - Bắt đầu bằng từ *con* : con trâu, ...
3. Thêm bộ phận còn thiếu để tạo được câu theo mẫu *Ai là gì ?*
M : *Mẹ em là cô giáo.*
- Bố em ...
 - ... là bạn thân của em.
 - ... là kẻ thù của họ nhà chuột.
 - Sách vở là ...
4. Tìm và gạch dưới các câu thuộc mẫu *Ai là gì ?* trong đoạn văn sau :

Ông em là thợ gốm. Ông là một nghệ nhân. Vào những ngày cuối tuần, bố mẹ thường đưa em về thăm ông. Em rất thích xem ông làm việc. Ông bảo em “Cháu sẽ là một nghệ nhân tương lai của làng gốm này đấy !”. Em cũng mong như thế.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Sắp xếp các câu sau theo trật tự phù hợp để được một đoạn truyện :
- Cô bé mãi hái hoa đuổi bướm mà quên mang bánh đến biếu bà.*
 - Mẹ bảo Khăn Đỏ mang biếu bà một ít bánh.*
 - Bà đã bị lão Sói già ăn thịt.*
 - Gần tối, Khăn Đỏ mới đến nhà bà.*
2. Bạn Nam lập danh sách của tổ bạn ấy như sau. Em hãy chỉ ra chỗ sai của bạn Nam và sửa lại cho đúng.

Số thứ tự	Họ và tên	Nơi ở	Nam / nữ	Ngày, tháng, năm sinh
1	Vũ Minh Anh	Thành Công	Nữ	12 / 3 / 2002
2	Nguyễn Việt Cường	Giảng Võ	Nam	11 / 8 / 2002
3	Lê Tuấn Dương	Ngọc Khánh	Nam	3 / 4 / 2002
4	Nguyễn Hoàng Hà	Tập thể Giao thông	Nữ	20 / 12 / 2002
5	Trần Minh Phương	Trần Huy Liệu	Nữ	27 / 9 / 2002

Tuần 4

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Bím tóc đuôi sam* : Bài học về cách ứng xử với bạn bè : không nên bắt nạt, trêu chọc bạn yếu hơn mình, nhất là các bạn gái.

– *Trên chiếc bè* : Kể chuyện ngao du thú vị trên chiếc bè bèo sen của Dế Mèn và Dế Trũi.

Rèn kĩ năng đọc trôi chảy, đọc diễn cảm, hiểu và nhớ nội dung bài đọc. Biết kể lại câu chuyện đã đọc.

② Luyện từ và câu

– *Từ chỉ sự vật* : Bổ sung thêm vốn từ chỉ sự vật, xác định được các nhóm từ : chỉ người, chỉ đồ vật, chỉ con vật, chỉ cây cối.

– Mở rộng vốn từ : *Ngày, tháng, năm*. Biết đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi về ngày, tháng, năm.

③ Tập làm văn

Cảm ơn, xin lỗi : Rèn thói quen biết nói lời cảm ơn, xin lỗi trong các tình huống giao tiếp.

I – TẬP ĐỌC

Bím tóc đuôi sam

1. Bạn Tuấn đã làm điều gì không đúng với bạn Hà ?
 - a. Kéo bím tóc đuôi sam của Hà khiến Hà bị ngã.
 - b. Xin lỗi bạn Hà.
 - c. Chạy đi mách thầy chuyện bạn Hà khóc.
2. Thầy giáo đã nói với bạn Tuấn điều gì ?
 - a. Phải đến xin lỗi bạn Hà.
 - b. Phải đối xử tốt với các bạn gái.
 - c. Bím tóc của bạn Hà rất đẹp.

Trên chiếc bè

3. Bài văn tả cảnh gì ?
- Cảnh sông nước mùa thu.
 - Cuộc sống của các con vật sống dưới sông.
 - Chuyến ngao du của hai người bạn Đế Mèn và Đế Trũi.
4. Nhóm từ nào dưới đây đều gồm các từ chỉ con vật ?
- Đế Trũi, gọng vó, cua kênh, săn sắt, thầu dầu.
 - gọng vó, cua kênh, thầu dầu, hòn cuội.
 - bèo sen, gọng vó, cua kênh, săn sắt.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm các từ chỉ sự vật trong các bức tranh sau. Chia các từ đó thành bốn nhóm :



- Từ chỉ đồ vật : ...
- Từ chỉ con vật : ...
- Từ chỉ cây cối : ...
- Từ chỉ người : ...

2. Tìm từ chỉ thời gian trong những đoạn thơ sau. Viết vào chỗ trống bên dưới đoạn thơ :

a) *Đầu xuân rét lá
Cuối xuân ấm cành
Hoa roi đốm trắng
Chào Mào reo quanh.*

*Lạ sao hôm qua
Chưa nghe tiếng ngọt
Mà đã sáng nay
Cả cây roi hót.*

(Trần Thanh Dịch)

– Từ chỉ thời gian : ...

b) *Mới vừa nắng quá
Sân đã rực vàng
Bống chiều sẫm lại
Mờ mịt sương giăng.*

*Cây bưởi cây cam
Lấn vào bóng tối
Ngọn cau khóm chuối
Trốn vào màn đêm.*

(Quang Huy)

– Từ chỉ thời gian : ...

3. Tìm từ chỉ thời gian :

- Chỉ khoảng thời gian là 365 ngày : ...
- Chỉ khoảng thời gian là 29, 30 hoặc 31 ngày : ...
- Chỉ khoảng thời gian là 7 ngày : ...
- Chỉ khoảng thời gian là 24 giờ : ...

4. Dòng nào sau đây đã thành câu hoàn chỉnh ?

- a. Nếu trời đang mưa rất to
- b. Trời đang mưa rất to
- c. Dù trời đang mưa rất to

III – TẬP LÀM VĂN

1. Điền vào chỗ trống lời cảm ơn hoặc xin lỗi :

- Cho cháu hỏi thăm đường đến Hồ Gươm ạ ?
- Cháu đi theo đường này nhé. Đi thẳng là tới ngay thôi.
- Dạ,

– Em không cố ý làm rơi đồ của chị. Để em nhặt giúp chị.

– Không sao đâu.

(Gọi điện thoại)

– A lô, ..., cho cháu gặp bạn Lân ạ.

– Cháu chờ máy nhé. Để cô đi gọi Lan.

– Dạ, ...

2. Nhìn tranh, điền vào chỗ trống bên dưới các câu nói phù hợp với bức tranh :



.....



.....

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Chiếc bút mực* : Câu chuyện là bài học về tình bạn trong lớp học. Mai sẵn sàng giúp đỡ và nhường bạn. Mai đã nhường bạn chiếc bút mực dù em cũng rất muốn được viết bút mực.

– *Mục lục sách* : Giúp người xem dễ tìm được bài cần đọc.

Qua các bài tập đọc, rèn kĩ năng đọc trơn toàn bài, đọc thành tiếng, rõ ràng, đọc đúng các từ khó, đọc diễn cảm giọng của các nhân vật, ngắt nghỉ đúng dấu câu.

② Luyện từ và câu

– *Tên riêng và cách viết tên riêng* : Tên riêng của người, sông, núi,... phải viết hoa.

– Câu kiểu *Ai là gì ?*. Biết đặt câu theo mẫu đã học.

③ Tập làm văn

– Rèn kĩ năng trả lời câu hỏi : Khi trả lời phải hiểu rõ, hiểu đúng nội dung câu hỏi để có câu trả lời phù hợp.

– Đặt tên cho bài : Tìm nội dung chính của bài văn, đoạn văn là gì. Tên bài phải giúp người đọc biết bài văn sẽ nói về cái gì, điều gì.

– Luyện tập về mục lục sách : Biết cách tra cứu mục lục sách nhanh, đúng.

I – TẬP ĐỌC

Chiếc bút mực

1. Vì sao khi cô giáo gọi Lan lên lấy mực, Mai lại hồi hộp nhìn cô ?
 - a. Vì Mai mong cô giáo cũng gọi em để em được viết bút mực.
 - b. Vì trong lớp chỉ còn mình em viết bút chì.
 - c. Vì Mai tin em đã viết đẹp, cô giáo sẽ cho em viết bút mực.

2. Em thấy bạn Mai là người thế nào ?
 - a. Mai là bạn học sinh viết chữ rất đẹp.
 - b. Mai là bạn học sinh có ý chí quyết tâm viết chữ đẹp
 - c. Mai là một cô bé ngoan, biết giúp đỡ bạn.

Mục lục sách

3. Mục lục sách cho em biết những thông tin gì ?
 - a. Tên các bài trong cuốn sách.
 - b. Tên và thứ tự các bài trong cuốn sách.
 - c. Tên bài, tác giả, vị trí các bài trong cuốn sách.
4. Mục lục sách được sắp xếp theo thứ tự (nguyên tắc) nào ?
 - a. Theo vần A, B, C của tên tác giả.
 - b. Theo vần A, B, C của tên bài học
 - c. Sắp xếp các bài theo thứ tự từ trang 1 đến hết.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm các tên riêng trong các câu dưới đây. Viết hoa các tên riêng đó.
 - Bạn hoa học giỏi nhất lớp em.
 - Quê nội em ở tận phú thọ. Nơi đó có di tích đền hùng.
2. Tìm các tên riêng trong đoạn thơ sau. Viết hoa các tên đó :

*Sau khi qua đèo gió
Ta lại vượt đèo giàng
Lại vượt đèo cao bắc
Thì ta tới cao bằng.*

(Trúc Thông)

3. Đặt ba câu kiểu Ai (cái gì, con gì) là gì ? kể về gia đình em.
M : Bố em là bác sĩ.
4. Tìm trong đoạn thơ sau các câu kiểu Ai (cái gì, con gì) là gì ?

*Cửa sổ là mắt của nhà
Nhìn lên trời rộng, nhìn ra sông dài
Cửa sổ là bạn của người
Giơ lưng che cả khoảng trời bão mưa.*

(Phan Thị Thanh Nhàn)

III – TẬP LÀM VĂN

1. Chép lại các câu trả lời trong các khổ thơ sau :

*Cốc, cốc, cốc !
– Ai gọi đó ?
– Tôi là Thỏ
– Nếu là Thỏ
Cho xem tai.*

*Cốc, cốc, cốc !
– Ai gọi đó ?
– Tôi là Nai
– Thật là Nai
Cho xem gạc.*

(Võ Quảng)

2. Đặt tên cho đoạn văn sau :

Em có một chú chó con tên là Bi. Nó rất thông minh. Lông nó màu trắng. Hai cái tai dài của nó trông rất đáng yêu. Mỗi khi em đi học về, Bi chạy ra nínu lấy chân em tỏ rõ sự vui mừng. Được yêu chiều nhưng Bi không hư mà trái lại nó rất ngoan. Khi cả nhà em ngồi ăn cơm, nó ngoan ngoãn ngồi ở góc cửa. Chỉ đến khi em mang bát cơm ra cho nó, nó mới ngoáy đuôi tíu tít như cảm ơn rồi vui vẻ ăn hết phần cơm của mình.

Mỗi khi đi đâu xa nhà một hai ngày, em rất nhớ Bi.

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

- *Mẩu giấy vụn* : Bài văn là câu chuyện về ý thức giữ gìn vệ sinh chung.
- *Ngôi trường mới* : Thể hiện tình yêu ngôi trường và niềm vui của các em học sinh khi được học tập dưới một ngôi trường khang trang.

Qua các bài tập đọc, học sinh được rèn kĩ năng đọc trơn toàn bài, đọc diễn cảm lời các nhân vật, đọc đúng các từ khó, ngắt nghỉ đúng dấu câu. Hiểu nội dung của bài văn.

② Luyện từ và câu

- Câu kiểu *Ai là gì ?* : Học sinh nhận biết mẫu câu, biết đặt câu theo mẫu, phân biệt rõ hai thành phần : “Ai” và “là gì ?”.
- *Khẳng định, phủ định* : Hiểu và phân biệt được lời nói khẳng định và lời nói phủ định, biết cách nói lời khẳng định, phủ định theo những cách khác nhau.
- Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về đồ dùng học tập*. Tìm được đồ dùng học tập ẩn trong tranh.

③ Tập làm văn

- Khẳng định, phủ định : Biết nói đúng, rõ ràng ý khẳng định và phủ định.
- Luyện tập về mục lục sách : Rèn kĩ năng sử dụng mục lục sách trong học tập.

I – TẬP ĐỌC

Mẩu giấy vụn

- Chuyện gì đã xảy ra ở lớp học ?
 - Có một mẩu giấy vụn nằm ngay ở lối ra vào.
 - Cả lớp ngạc nhiên vì mẩu giấy biết nói.
 - Một bạn nhỏ đã nghe được tiếng nói của mẩu giấy vụn.
- Vì sao cô giáo yêu cầu cả lớp lắng nghe xem mẩu giấy nói gì ?
 - Vì cô giáo muốn cho các bạn học sinh biết mẩu giấy không biết nói.

- b. Vì cô giáo muốn nhắc nhở các bạn về ý thức giữ gìn vệ sinh trong lớp học.
- c. Vì cô giáo cho rằng các bạn nhỏ có thể nghe được tiếng nói của mẫu giấy vụn.

Ngôi trường mới

3. Ngôi trường có những màu sắc nào ?
 - a. Mái ngói đỏ tươi, cửa sổ màu xanh.
 - b. Tường vàng, tường trắng, cửa sổ xanh, mái ngói đỏ.
 - c. Cửa sổ xanh, mái tôn đỏ tươi, bàn ghế gỗ xoan đào.
4. Điều gì được thể hiện rõ nhất trong bài văn này ?
 - a. Niềm vui của các bạn học sinh khi được học ở ngôi trường mới.
 - b. Một ngôi trường mái ngói được xây dựng thay cho ngôi trường lợp lá.
 - c. Ngôi trường mới rất đẹp.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Phân tích các câu sau theo mẫu *Ai (cái gì, con gì) là gì ?*
 M : Mẹ em / là cô giáo.
 - a) Con mèo nhà em là mèo tam thể.
 - b) Cây hồng xiêm nhà em là giống hồng xiêm Xuân Đình.
 - c) Bạn Quang là bạn thân nhất của em.
2. Đặt ba câu kiểu *Ai là gì ?* để giới thiệu về các bạn trong lớp em.
3. Tìm những câu phủ định trong đoạn thơ sau :
 - Con yêu mẹ bằng ông trời
 Rộng lắm không bao giờ hết.
 - Thế thì làm sao con biết
 Là trời ở những đâu đâu
 Trời rất rộng lại rất cao
 Mẹ mong, bao giờ con tới.

(Xuân Quỳnh)

4. Tìm từ chỉ đồ dùng học tập, biết :

a) Đồ vật này dùng để vẽ nên các đường thẳng.

b) Đồ vật này dùng để đựng các dụng cụ học tập nhỏ như tẩy, bút chì, bút máy,...

c) Đồ vật này dùng để viết chữ lên bảng.

d) Đồ vật này rất cần thiết khi bút chì bị gãy hoặc hết phần chì để viết.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Viết 3 câu khẳng định nói về những điều em biết về lịch sử nước nhà.

M : Hai Bà Trưng quê ở Mê Linh.

2. Viết lại các câu khẳng định dưới đây theo ba cách :

M : Tớ biết bơi.

Cách 1 : Tớ mà không biết bơi à ?

Cách 2 : Sao tớ lại không biết bơi ?

Cách 3 : Không thể có chuyện tớ không biết bơi.

a) Bạn Nam học giỏi nhất lớp

b) Bạn Hoa luôn luôn thuộc bài.

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Người thầy cũ* là câu chuyện về một người học trò gặp lại thầy cũ của mình. Tấm lòng bao dung của người thầy đối với học trò đã trở thành một kỉ niệm đẹp, là bài học quý báu cho người học trò.

– *Thời khoá biểu* : Hiểu được tác dụng của thời khoá biểu.

Rèn kĩ năng đọc trơn, đọc diễn cảm đoạn văn, bài thơ. Hiểu được các từ khó, nắm bắt được nội dung và ý nghĩa của bài học.

② Luyện từ và câu

– Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về các môn học*. Kể tên được các môn em học ở lớp 2.

– Từ chỉ hoạt động : Các từ ngữ chỉ hoạt động ở trường học và việc học tập ở nhà.

③ Tập làm văn

– Kể ngắn theo tranh.

– Luyện tập lập thời khoá biểu.

I – TẬP ĐỌC

Người thầy cũ

1. Bố Dũng tìm đến lớp học của Dũng để làm gì ?

a. Để đón Dũng.

b. Để chào thầy giáo cũ.

c. Để hỏi về tình hình học tập của Dũng.

2. Qua bài học trong câu chuyện, theo em khi học sinh mắc lỗi, thầy cô nên làm gì ?
 - a. Nhắc nhở nhẹ nhàng, phân tích để học sinh nhận ra lỗi và tự giác sửa chữa.
 - b. Phạt thật nặng để học sinh sợ mà lần sau không dám mắc lỗi nữa.
 - c. Không phạt, không nhắc nhở.

Thời khoá biểu

3. Thời khoá biểu dùng để làm gì ?
 - a. Quy định thời gian học trên lớp và học ở nhà.
 - b. Quy định các bài học trong ngày.
 - c. Quy định lịch học các môn học trong tuần.
4. Em cần dùng thời khoá biểu khi nào ?
 - a. Khi chuẩn bị sách vở để đến trường và vào đầu mỗi buổi học, giờ học.
 - b. Vào cuối mỗi buổi học.
 - c. Vào mọi giờ học.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm trong bài thơ *Cô giáo lớp em* các từ chỉ hoạt động của cô giáo và học sinh. Sắp xếp :

– Hoạt động của cô giáo : ... – Hoạt động của học sinh : ...
2. Em hãy tìm tên gọi của môn học tương ứng với hoạt động của học sinh, theo bảng dưới đây :

<i>Hoạt động của học sinh</i>	<i>Luyện đọc</i>	<i>Luyện viết chữ</i>	<i>Thể dục nhịp điệu</i>	<i>Tập hát</i>	<i>Tập làm phép tính</i>
Môn học	Tập đọc				

3. Kể lại nội dung mỗi bức tranh sau. Ở dưới mỗi bức tranh ghi một câu :



4. Đặt dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong các câu sau :

- Hằng ngày mẹ đưa em đến trường bố đón em về.
- Buổi sáng vườn nhà bà nội em luôn ríu rít tiếng chim. Nào là chim sâu chích choè chào mào.

III – TẬP LÀM VĂN

- Đọc lại bài *Cô giáo lớp em*, hãy cho biết khổ thơ nào trong bài có nội dung như tranh minh họa trong sách giáo khoa.
- Kể lại trình tự công việc em phải làm để chuẩn bị sách vở cho ngày hôm sau đi học

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Người mẹ hiền* là câu chuyện kể về hai bạn học sinh trốn học đi chơi bị bác bảo vệ phát hiện. Cách xử lí vừa dịu dàng vừa nghiêm khắc của cô giáo đã khiến hai bạn nhận ra lỗi lầm của mình.

– *Bàn tay dịu dàng* của thầy giáo đã xoa dịu nỗi buồn của An. Cử chỉ của thầy thể hiện tình yêu thương và sự quan tâm ân cần của thầy đối với học trò.

Luyện đọc trơn, đọc đúng các từ khó ; đọc diễn cảm đúng giọng điệu của nhân vật ; thể hiện được tình cảm, tâm trạng của nhân vật trong câu chuyện.

② Luyện từ và câu

– *Từ chỉ hoạt động, trạng thái* : Nhận biết được từ chỉ hoạt động, trạng thái và rèn kĩ năng sử dụng các từ đó trong nói, viết.

– *Dấu phẩy* : Hiểu rõ tác dụng của dấu phẩy là ngăn cách các từ cùng làm một chức năng trong câu và biết đặt dấu phẩy đúng vị trí.

③ Tập làm văn

– *Mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị* : Biết cách nói và viết các câu *mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị* trong các tình huống cụ thể thường gặp hằng ngày.

– *Kể ngắn theo câu hỏi* : Rèn kĩ năng viết các đoạn văn kể về thầy, cô giáo dựa vào các câu hỏi.

I – TẬP ĐỌC

Người mẹ hiền

1. Bạn Nam và bạn Minh đã làm điều gì sai ?

- Vô lễ với bác bảo vệ.
- Mất trật tự trong khi cô giáo giảng bài.
- Định trốn học để ra phố xem xiếc.

2. Những lời nói và việc làm nào của cô giáo cho thấy cô giáo là “người mẹ hiền” ?

Bàn tay dịu dàng

3. Tại sao bạn An chưa làm bài tập ở nhà ?
- Vì bà của An mới mất, An buồn vì nhớ bà.
 - Vì An bị ốm.
 - Vì An vốn lười học.
4. Thầy giáo đã làm gì khi biết An chưa làm bài tập ?
- Thầy yêu cầu bạn An phải hoàn thành ngay bài tập.
 - Thầy “nhẹ nhàng xoa đầu” an ủi và chia sẻ với An.
 - Thầy trách phạt An.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm từ chỉ hoạt động, trạng thái của người, sự vật trong đoạn thơ sau :

*Sáng sớm em ngủ dậy
Cây thêm chiếc nụ xinh
Thế ra suốt cả đêm
Cây thức làm nụ ấy.*

(Vân Long)

2. Điền từ *trèo, mua, hỏi thăm, đi vào* mỗi chỗ trống thích hợp :

*Con Mèo mà ... cây cau
... ... chú Chuột đi đâu vắng nhà
Chú Chuột ... chợ đường xa
Mua mắm, ... muối giỗ cha con Mèo.*

3. Điền dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong các câu sau :
- Mảnh vườn nhỏ của bà tôi có rau hoa giàn dưa chuột.
 - Nhà em có bốn người : bà nội bố mẹ em.
 - Em rất thích đọc truyện vẽ tranh và học Toán.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Hãy nói lời của em trong các tình huống sau :

- a) Ngày mai là sinh nhật của em, em mời người bạn thân đến dự.
- b) Em nhìn thấy một bạn vứt rác ra lớp học, em đề nghị bạn ấy nhặt lên và mang bỏ vào sọt rác.
- c) Em không mở được chiếc cặp của mình, em nhờ bạn bên cạnh mở giúp.
- d) Bạn ngồi cùng bàn em vẽ bậy ra mặt bàn, em nói bạn không được vẽ bậy như thế nữa.

2. Kể về một việc cô giáo đã giúp đỡ em bằng cách trả lời các câu hỏi sau :

- a) Chuyện gì đã xảy ra với em ? (Ví dụ : hỏng bút, quên bút, rách áo, bị ốm, đau bụng,...)
- b) Em đã gặp khó khăn như thế nào vì chuyện đó ?
- c) Cô giáo đã làm gì để giúp em ?
- d) Em cảm thấy thế nào trước sự giúp đỡ của cô giáo ?

Tuần 9

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

Ôn tập các kiến thức và kĩ năng đã học từ tuần 1 đến tuần 8.

Đọc bài thơ sau :

Tháng Giêng của bé

*Đồng làng vương chút heo may
Mầm cây tỉnh giấc, vườn đầy tiếng chim
Hạt mưa mãi miết trốn tìm
Cây đào trước cửa lìm dim mắt cười
Quất gom từng giọt nắng rơi
Làm thành quả trăm mặt trời vàng mơ
Tháng Giêng đến tự bao giờ ?
Đất trời viết tiếp bài thơ ngọt ngào.*

(Đỗ Quang Huân)

Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng :

1. Bài thơ viết về mùa nào trong năm ?
 - a. Mùa xuân.
 - b. Mùa thu.
 - c. Mùa đông.
2. Nhóm từ nào đều gồm những từ chỉ sự vật ?
 - a. mầm cây, cây đào, quất, nắng.
 - b. mầm cây, cây đào, nắng, cười.
 - c. cây đào, quất, nắng, vàng mơ.
3. Nhóm từ nào đều gồm những từ chỉ hoạt động ?
 - a. hạt mưa, cây đào, gom, rơi, heo may, viết.
 - b. giấc, trốn tìm, đến, viết, ngọt ngào.
 - c. tỉnh giấc, trốn tìm, cười, gom, rơi, viết.

4. Nhóm từ nào đều gồm những từ chỉ trạng thái ?
 - a. đầy, mãi miết, ngọt ngào.
 - b. lim dim, đầy, vàng mơ, cười.
 - c. tỉnh giấc, ngọt ngào.
5. Viết 3 câu giới thiệu về các bạn của em.
6. Tìm các từ chỉ đồ dùng học tập có trong bức tranh sau. Ghi các từ tìm được vào chỗ trống dưới tranh.



.....

.....

7. Trong các câu sau, câu nào thuộc kiểu câu *Ai là gì* ?
 - a) Năm nay, ông nội em đã 70 tuổi.
 - b) Ông nội em là thợ gốm.
 - c) Ông nội em rất vui tính.
8. Trả lời các câu hỏi sau :
 - Em tên là gì ?
 - Em sinh ngày, tháng năm nào ?
 - Em học lớp mấy, trường nào ?
 - Em thích làm gì, yêu môn học nào nhất ?
 - Em ước mơ điều gì ?
9. Viết từ 3 – 4 câu giới thiệu về cô giáo dạy em hồi lớp 1.

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Sáng kiến của bé Hà* là câu chuyện về một cô bé ngoan. Hà ngoan ngoãn, học giỏi và có hiếu với ông bà. Sáng kiến “ngày ra ngày của ông bà” của bé Hà thể hiện tấm lòng biết ơn ông bà của bé.

– *Bưu thiếp* là tờ giấy được trang trí, trình bày đẹp dùng để viết lời chúc tốt đẹp của người tặng dành cho người được tặng.

Qua các bài tập đọc, học sinh rèn kĩ năng đọc đúng, đọc hay, đọc diễn cảm, thể hiện tình cảm đối với ông bà, cha mẹ.

② Luyện từ và câu

– Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về họ hàng*. Biết thêm một số từ ngữ về họ hàng.

– *Dấu chấm, dấu chấm hỏi* : Biết cách dùng dấu chấm, dấu chấm hỏi đúng vị trí, đúng hoàn cảnh giao tiếp.

③ Tập làm văn

Kể về người thân : Luyện viết một số câu văn giới thiệu về người thân.

I – TẬP ĐỌC

Sáng kiến của bé Hà

1. Tại sao bé Hà lại có sáng kiến lập ra “ngày ông bà” ?
 - a. Mùa đông rất lạnh, người già cần được chăm sóc.
 - b. Vì bố, mẹ, bé đều có ngày của mình, còn ông bà chưa có ngày lễ nào.
 - c. Vì bé Hà muốn tặng quà cho ông bà.
2. Câu chuyện nhắc nhở em điều gì ?
 - a. Phải kính trọng, lễ phép và biết ơn ông bà, cha mẹ.
 - b. Phải nhớ tặng quà cho ông bà vào ngày lập đông.
 - c. Phải chăm lo sức khỏe cho ông bà vào những ngày mùa đông lạnh giá.

Bưu thiếp

3. Em viết bưu thiếp khi nào ?
 - a. Khi muốn viết thư dài để hỏi thăm bạn ở xa.
 - b. Khi em muốn nhắn tin cho ai đó.
 - c. Khi em muốn gửi lời chúc mừng đến bạn bè hay người thân.
4. Nội dung thông tin trong bưu thiếp cần phải :
 - a. Ngắn gọn, rõ ràng, lịch sự, tình cảm.
 - b. Dài dòng.
 - c. Trình bày rõ lí do viết bưu thiếp.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm các từ chỉ họ hàng theo gợi ý sau :
 - a) Chỉ người là em trai của bố.
 - b) Chỉ người là vợ của em trai bố.
 - c) Chỉ người là em trai mẹ.
 - d) Chỉ người là vợ của em trai mẹ.
 - e) Chỉ người là anh trai của bố hoặc mẹ.
 - g) Chỉ người là em gái của bố.
 - h) Chỉ người là em gái của mẹ.
2. Tìm các từ chỉ họ hàng trong đoạn thơ sau :

*Mừng tuổi ông bà trước
Sống lâu cùng cháu con
Tựa cây đa trường thọ
Bóng ả nghìn cái hôn.*

*Mừng tuổi bố và mẹ
Tóc dài đen suốt đời
Nếp nhăn buồn lặn mắt
Để lại nguyên nụ cười.*

(Trích *Mừng tuổi* – Phạm Đình Ân)

3. Điền dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm vào ô trống rồi chép lại vào vở đoạn văn đã sửa.

Hôm nay em đến nhà bạn Liên chơi ☐ nhà bạn Liên rất đẹp ☐ em bấm chuông, bác làm vườn ra mở cổng ☐ bác hỏi em :

– Cháu hỏi ai □

– Dạ, bác cho cháu gặp bạn Liên.

Bác mở cổng rồi mời em vào nhà. Liên chạy ra tíu tít :

– Ôi, Hoa à ! Cậu đến lâu chưa □ Sao không gọi trước cho mình □

Rồi Liên kéo em lên phòng học của bạn ấy □ cái gì cũng đẹp. Liên bảo :

– Cậu thấy góc học tập của tớ đẹp không □ Tớ có nhiều sách truyện lắm đấy. Cậu thích cuốn nào tớ sẽ tặng cậu cuốn ấy.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Em hãy viết một đoạn văn ngắn kể về bố hoặc mẹ em.

2. Đọc bài thơ sau :

Bà em

Bà em ở làng quê

Lương còng như dấu hỏi

Vẫn hay lam hay làm

Chỉ lo con, cháu đói !

Nào cắt cỏ, mò cua

Nào tưới rau, mót thóc

Nụ cười rất hiền hoà

Chẳng nề chi khó nhọc !

Chỉ một niềm ao ước

Cháu chăm ngoan, học giỏi

Mắt bà sáng niềm vui

Cháu điểm mười đỏ rói !

Lương còng như dấu hỏi

Bà em ở làng quê !

(Phạm Đông Hưng)

Dựa vào bài thơ, hãy đóng vai người cháu, viết từ 3 – 4 câu kể về người bà trong bài thơ.

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Bà cháu* là câu chuyện cổ ca ngợi tình cảm của ba bà cháu. Câu chuyện khẳng định : vàng bạc châu báu, cuộc sống giàu sang không quý giá bằng tình cảm bà cháu.

– *Cây xoài của ông em* là bài văn viết về cây xoài cát. Bài viết vừa giới thiệu giống xoài cát – giống xoài nổi tiếng thơm ngon, vừa thể hiện tấm lòng thơm thảo, lòng kính yêu của con cháu đối với người ông đã mất.

Rèn kĩ năng đọc trơn, đọc đúng. Chú ý kĩ năng đọc diễn cảm, thể hiện được tình cảm của các nhân vật. Câu chuyện vui đọc với giọng vui tươi, hài hước, nhấn mạnh yếu tố bất ngờ ở câu kết của câu chuyện.

② Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về đồ dùng và công việc trong nhà*. Tìm được các đồ vật được vẽ ẩn trong bức tranh, các từ ngữ chỉ những việc làm trong bài thơ *Thỏ thẻ*.

③ Tập làm văn

Chia buồn, an ủi.

I – TẬP ĐỌC

Bà cháu

- Đức tính nổi bật của hai cậu bé trong câu chuyện là gì ?
 - Chăm chỉ
 - Kiên trì
 - Hiếu thảo
- Câu nào trong ba câu sau đây tóm tắt nội dung ý nghĩa của câu chuyện ?
 - Ba bà cháu rau cháo nuôi nhau, tuy vất vả nhưng cảnh nhà lúc nào cũng đầm ấm.

- b. Vàng bạc, châu báu không thay được tình thương ấm áp của bà.
- c. Chúng cháu chỉ cần bà sống lại.

Cây xoài của ông em

3. Ai là người trồng cây xoài cát trước sân ?
 - a. Bố của bạn nhỏ.
 - b. Mẹ của bạn nhỏ.
 - c. Ông của bạn nhỏ.
4. Mẹ của bạn nhỏ đã thể hiện sự kính trọng đối với ông bạn nhỏ như thế nào ?
 - a. Chăm sóc cây xoài.
 - b. Mỗi mùa xoài chín, chọn những quả chín vàng và to nhất bày lên bàn thờ ông.
 - c. Mang xoài biếu anh em họ hàng.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm những từ chỉ công việc trong nhà trong đoạn thơ sau :

Khi mẹ vắng nhà, em luộc khoai
Khi mẹ vắng nhà, em cùng chị giã gạo
Khi mẹ vắng nhà, em thổi cơm
Khi mẹ vắng nhà, em nhổ cỏ vườn
Khi mẹ vắng nhà, em quét sân và quét cổng.

(Trích *Khi mẹ vắng nhà* – Trần Đăng Khoa)

2. Công việc trong nhà là những công việc nào ?
 - a. Học bài, vẽ, bơi, ...
 - b. Nấu cơm, rửa ấm chén, lau bàn ghế, nhặt rau, ...
 - c. Chăm trại, sinh hoạt Đội, trực nhật lớp, ...
3. Em hãy kể tên các đồ dùng trong nhà em theo các nhóm sau :
 - a) Đồ dùng trong bếp.

b) Đồ dùng đi làm.

c) Đồ dùng ở phòng khách và phục vụ các sinh hoạt khác.

4. Nối tên đồ dùng ở cột A với tác dụng của nó ở cột B :

A

(1) Con dao
(2) Cái ấm
(3) Cái tủ
(4) Cái chum
(5) Cái chổi

B

(a) Quét nhà
(b) Thái, gọt thức ăn
(c) Đựng nước
(d) Pha trà
(e) Cát quần áo

III – TẬP LÀM VĂN

1. Em nói lời an ủi của em đối với bạn cùng lớp trong các trường hợp sau :

a) Bạn em bị điểm kém.

b) Bố hay mẹ của bạn bị ốm phải vào bệnh viện.

c) Bạn em bị ốm, em vào bệnh viện thăm bạn.

2. Đóng vai bạn Việt trong bài thơ *Thương ông* (SGK Tiếng Việt 2, tập một, tr. 83), em hãy nói 3 – 4 câu an ủi ông khi ông bị đau chân.

Tuần 12

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Sự tích cây vú sữa* là bài học quý báu cho những cậu bé, cô bé ham chơi, không biết vâng lời cha mẹ. Câu chuyện ca ngợi tình yêu thương vô bờ của người mẹ đối với con.

– *Mẹ* : Bài thơ ca ngợi tình yêu thương của người mẹ đối với con. Vì các con, người mẹ quên đi mọi nỗi vất vả để con có giấc ngủ ngon lành.

Rèn kĩ năng đọc đúng từ khó, đọc diễn cảm.

② Luyện từ và câu

– Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về tình cảm*. Biết ghép các tiếng *yêu, thương, quý, mến, kính* thành từ hai tiếng. (Ví dụ : yêu thương, kính yêu,...)

– *Dấu phẩy*. Biết đặt dấu phẩy trong câu.

③ Tập làm văn

Gọi điện.

I – TẬP ĐỌC

Sự tích cây vú sữa

1. Khi cậu bé trở về nhà, chuyện gì đã xảy ra ?
 - a. Mẹ không mắng mà vui mừng đón cậu.
 - b. Mẹ đã hoá thân thành cây vú sữa.
 - c. Mẹ rất giận nên không ra gặp cậu bé.
2. Viết 3 – 4 câu nói về ý nghĩa của câu chuyện.

Mẹ

3. Bài thơ tả người mẹ đang làm gì ?
 - a. Mẹ nấu cơm.
 - b. Mẹ ru con ngủ.
 - c. Mẹ chăm sóc khi con bị ốm.

4. Câu thơ nào nói lên tình thương yêu của người mẹ đối với con ?
- Kêu cà tiếng văng mẹ ngồi mẹ ru.*
 - Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.*
 - Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.*

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Điền từ *thương, yêu, đùm bọc* vào chỗ trống thích hợp trong các câu sau :
- Nhiều điều phủ lấy giá gương*
Người trong một nước phải ... nhau cùng.
 - Anh em như thể tay chân*
Rách lành dở hay đỡ đần.
 - Muốn sang thì bắc cầu kiều*
Muốn con hay chữ phải ... lấy thầy.
2. Đặt dấu phẩy vào đúng vị trí trong các câu sau :
- Buổi sáng em phải dậy sớm để đi học.
 - Năm em 7 tuổi bố mẹ đã cho em đi chơi ở Tuần Châu.
 - Em có ba người bạn thân là Hằng Thu và Lan.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Khi gọi – nhận điện thoại cần chú ý những điều gì ?
- Lịch sự, thưa gửi rõ ràng, nói ngắn gọn, mạch lạc.
 - Hỏi thăm ân cần, cụ thể, nói có đầu có đuôi.
 - Nói càng nhanh càng tốt.
2. Hãy ghi lại một cuộc điện thoại mà em đã thực hiện rồi nhận xét xem em gọi điện như vậy có được không.

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Bông hoa Niềm Vui* là câu chuyện cảm động về tấm lòng hiếu thảo với bố mẹ của cô bé Chi.

Với bài đọc này, cần ngắt nghỉ hơi sau các dấu chấm, dấu phẩy. Chú ý đọc phân biệt rõ lời của Chi và cô giáo.

– *Quà của bố*, những món quà đơn sơ của quê hương nhưng chứa đựng cả tình yêu thương của người bố dành cho các con của mình.

Bài này chú ý đọc rõ ràng, biết ngắt nghỉ hơi sau các dấu phẩy ở những câu văn dài liệt kê các thứ quà của bố.

② Luyện từ và câu

– Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về công việc gia đình*. Nêu được một số từ ngữ chỉ hoạt động (công việc trong gia đình).

– Câu kiểu *Ai làm gì ?*. Tìm được các bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Ai ? Làm gì ?*. Biết chọn các từ ngữ cho sẵn để sắp xếp thành câu kiểu *Ai làm gì ?*

③ Tập làm văn

– Kể được về gia đình của mình theo gợi ý cho trước.

– Viết được đoạn văn ngắn từ 3 – 4 câu kể về gia đình của mình.

I – TẬP ĐỌC

Bông hoa Niềm Vui

1. Nối nhân vật với các ý phù hợp

Chi

Khen ngợi, khuyến khích học sinh làm việc tốt.

Cảm động trước tấm lòng hiếu thảo với cha mẹ của học trò.

Cô giáo

Một học trò ngoan, lễ phép với cô giáo, hiếu thảo với cha mẹ.

Biết chia sẻ, thông cảm với học trò.

Biết tôn trọng công sức vun trồng chăm sóc hoa của mọi người.

2. Nếu được gặp cô bé Chi trong câu chuyện, em sẽ nói gì ?

Quà của bố

3. Vì sao quà của bố rất đơn sơ mà những người con lại thấy mình "giàu quá" ?
- a. Vì đó là những con vật mà các con rất thích chơi.
 - b. Vì đó là những con vật rất khó kiếm.
 - c. Vì đó là những món quà đặc biệt.
 - d. Vì đó là những món quà chứa đựng cả tình yêu thương của bố.
4. Câu văn "Mở thúng câu ra là cả một thế giới dưới nước" ý nói gì ?
- a. Chỉ các con vật sống ở dưới nước.
 - b. Chỉ số lượng nhiều các con vật sống dưới nước.
 - c. Chỉ sự phong phú về chủng loại và nhiều về số lượng các con vật sống dưới nước.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm các từ chỉ hoạt động (công việc gia đình) trong đoạn văn sau :

Như mọi vật, mọi người, Bé cũng làm việc. Bé làm bài, Bé đi học, Bé quét nhà, nhặt rau, chơi với em đỡ mẹ.

2. Kể tên những công việc mẹ của em thường làm hằng ngày.

M : – quét sân
– cho gà ăn
– đi chợ,...

3. Tìm bộ phận câu trả lời câu hỏi *Ai ? Làm gì ?*

- a) Từ tối tới giờ, chú mèo mướp vẫn ngồi rình con chuột chù trong góc nhà.
- b) Đàn trâu lững thững về chuồng.

c) Bé đang học bài.

d) Học bài xong, hai chị em Hoa cùng quét dọn nhà cửa giúp mẹ.

4. Chọn và xếp các từ sau thành câu theo kiểu *Ai làm gì ?*

1	2	3
Hoa, bà, mẹ	ru em, quét, khâu	áo, nhà, ngủ

M : Hoa quét nhà.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Kể về một người trong gia đình mà em yêu quý.

Gợi ý :

- Nhà em có mấy người ? Đó là những ai ?
- Người em định kể là ai ?
- Người đó như thế nào ?
- Tình cảm của em và người đó ra sao ?

2. Viết một đoạn văn từ 3 – 4 câu ghi lại điều em vừa kể.

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Câu chuyện bó đũa* nói về cách dạy con để hiểu mà sâu sắc của một người cha. Ông đã giúp các con của mình hiểu được : đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh và anh em ruột thịt phải biết đoàn kết, thương yêu nhau.

Với bài đọc này, cần ngắt nghỉ hơi sau các dấu chấm, dấu phẩy, đọc rõ lời đối đáp của người cha và các con.

– *Nhấn tin* : Bài đọc giúp các em hiểu nội dung các mẫu nhấn tin, biết được cách viết nhấn tin.

Cần đọc rõ ràng, gần giống như ngôn ngữ nói. Biết ngắt nghỉ hơi sau các dấu câu.

② Luyện từ và câu

– Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về tình cảm gia đình*. Nêu được các từ ngữ về tình cảm gia đình.

– Biết sắp xếp các từ đã cho thành câu kiểu *Ai làm gì ?*

– Điền đúng *dấu chấm, dấu chấm hỏi* vào ô trống trong đoạn văn.

③ Tập làm văn

– Biết quan sát, trả lời đúng câu hỏi về nội dung tranh

– Viết được một mẫu tin nhắn ngắn gọn, đủ ý.

I – TẬP ĐỌC

Câu chuyện bó đũa

1. Vì sao người cha lại buồn phiền ?

a. Vì các con quá đói nghèo.

b. Vì các con đã lớn nhưng không biết đoàn kết thương yêu nhau.

c. Vì cả bốn người con không ai bẻ gãy được bó đũa.

2. Người cha trong câu chuyện là người thế nào ?
- Rất buồn phiền vì các con không đoàn kết yêu thương nhau.
 - Rất yêu thương con.
 - Rất thông minh, sâu sắc, đã tìm được cách dạy con dễ hiểu mà thấm thía.

Nhắn tin

3. Những ai nhắn tin cho Linh ? Nhắn tin bằng cách nào ? Ghi dấu x vào ô trống trước ý đúng.
- ☐ Chị Nga và bạn Hà nhắn tin cho Linh.
- ☐ Chị Nga và bạn Hà nhắn tin cho Linh. Nhắn tin bằng cách viết ra giấy.
- ☐ Bạn Hà nhắn tin cho Linh qua chị Nga.
4. Bạn Hà nhắn Linh những gì ?
- ☐ Muốn mượn vở bài tập Toán của Linh.
- ☐ Mang cho Linh bộ que chuyền, nhắn Linh mai đi học nhớ mang vở bài hát cho Hà mượn.
- ☐ Mang cho Linh quyển truyện tranh mà Linh thích.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

- Trong các từ sau, từ nào không nói về tình cảm anh chị em :
yêu thương, chăm sóc, nhường nhịn, ngấm ngấm, giúp đỡ, ăn uống.
- Chọn 1 từ nói về tình cảm anh chị em ở bài tập 1 rồi đặt câu với từ đó.
- Tìm các từ khác nói về tình cảm anh chị em trong gia đình có thể thay thế được cho từ gạch chân trong câu sau :

Anh em phải yêu thương nhau.

4. Điền dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi vào các ô trống trong đoạn văn sau :

Xưa có một anh chàng chẳng chịu học hành làm lụng gì cả ☐ Hằng ngày, anh ta cứ nằm dưới gốc cây sung, há miệng ra thật to, chờ cho sung rụng vào thì ăn ☐ Một người đi qua thấy vậy liền hỏi :

- Sao anh lại nằm dưới gốc cây thế □
- Tôi chờ sung rụng vào miệng để ăn mà chẳng có quả nào rụng trúng vào miệng cả □

III – TẬP LÀM VĂN

1. Quan sát tranh dưới đây và trả lời câu hỏi.



Gợi ý :

- a) Bạn gái trong tranh đang làm gì ? Tóc bạn như thế nào ? Bạn mặc quần áo thế nào ?
 - b) Bạn trai đang làm gì ? Bạn mặc quần áo thế nào ?
 - c) Hai bạn nói gì với nhau ? Trông nét mặt bạn trai thế nào ?
2. Em đến thăm một bạn trong lớp bị ốm mà chưa kịp xin phép bố mẹ. Hãy viết lại một tin nhắn để bố mẹ em biết.

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– Hai anh em là câu chuyện kể về tình yêu thương, sự lo lắng, nhường nhịn nhau của hai anh em người nông dân nghèo. Đó là câu chuyện cảm động về tình cảm anh em ruột thịt.

Với bài đọc này, học sinh cần ngắt nghỉ hơi sau các dấu chấm, dấu phẩy, đọc rõ lời diễn tả ý nghĩ của mỗi nhân vật được ghi trong các dấu ngoặc kép.

– Bé Hoa : Câu chuyện về một cô bé ngoan, yêu em, đảm đang, biết chăm sóc em giúp bố mẹ để bố mẹ đỡ vất vả.

Bài này cần đọc rõ ràng, biết ngắt nghỉ hơi sau các dấu chấm, dấu phẩy, đặc biệt cần đọc rõ lời của bức thư Hoa viết cho bố.

② Luyện từ và câu

– Từ chỉ đặc điểm. Nêu được một số từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất của người, vật, sự vật.

– Câu kiểu Ai thế nào ?. Biết sử dụng những từ miêu tả về người, vật, sự vật để đặt thành câu kiểu Ai thế nào ?

③ Tập làm văn

– Biết nói lời chia vui (chúc mừng) phù hợp với tình huống giao tiếp.

– Viết được đoạn văn ngắn 3 – 5 câu về anh chị em của mình.

I – TẬP ĐỌC

Hai anh em

1. Sáng hôm sau, trên cánh đồng của hai anh em đã xảy ra sự kì lạ gì ?
2. Điều gì đã làm nên sự kì lạ ấy ?
 - a. Người anh thương và lo em ít lúa sẽ bị đói.
 - b. Người em thương và lo anh ít lúa sẽ bị đói.
 - c. Hai anh em đều thương nhau và lo lắng cho nhau.

Bé Hoa

3. Tình cảm của chị Hoa với em Nụ thế nào ? Nối các ý cho đúng nội dung bài đọc.

Hoa

thích đưa võng ru em ngủ

hát cho em nghe

bế em đi chơi

rất yêu em

4. Theo em, Hoa đề nghị bố dạy thêm bài hát để làm gì ?
- Để thuộc thêm nhiều bài hát mới.
 - Hoa thích hát để ru em Nụ ngủ.
 - Hoa yêu em Nụ, muốn thuộc thêm nhiều bài hát mới để hát ru em ngủ.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Điền từ : *vàng óng, nhỏ nhắn, đỏ thắm, trắng muốt, đỏ tươi* vào chỗ trống thích hợp :
- Mái tóc của búp bê ...
 - Bà ngoại em có dáng người ...
 - Trong vườn, các loài hoa đua nhau khoe sắc, hoa hồng ..., hoa đồng tiền ..., hoa lay ơn

2. Nối từ chỉ người, vật ở cột A với từ chỉ đặc điểm ở cột B cho phù hợp :

A

tiếng hót của họa mi
cái đuôi của cún con
những ngón tay
ông mặt trời
đôi mắt của mèo mướp
tùng quả nhỏ

B

ngắn ngủn
toả ánh hào quang rực rỡ
du dương, thánh thót
thon dài, xinh xắn
căng mọng, tím ngắt
long lanh, xanh lét

3. Dùng câu hỏi *Ai ?* và *Thế nào ?* để tách mỗi câu sau thành hai bộ phận rồi điền vào bảng :

Em Nụ trông thật đáng yêu. Mặt em trắng hồng, bầu bĩnh. Tóc em mềm mượt, lơ thơ. Môi em đỏ hồng, chúm chím. Mắt em đen láy, trong veo.

<i>Ai ?</i>	<i>Thế nào ?</i>
...	...

III – TẬP LÀM VĂN

- Hãy nói lời chúc mừng một người bạn trong lớp của em nhân ngày sinh nhật.
- Viết từ 3 – 4 câu kể về một người anh chị em ruột hoặc họ hàng mà em yêu quý.

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Con chó nhà hàng xóm* là câu chuyện kể lại tình bạn thân thiết giữa một cô bé với một con chó nhà hàng xóm có tên gọi là Cún Bông. Cún Bông đã mang lại niềm vui cho Bé, giúp Bé mau lành bệnh. Câu chuyện cho thấy các con vật nuôi trong nhà là bạn gần gũi thân thiết của trẻ nhỏ.

Với bài đọc này, cần ngắt nghỉ hơi sau các dấu chấm dấu phẩy, đọc rõ lời đối đáp của các nhân vật trong bài.

– *Thời gian biểu* : Lập thời gian biểu là việc làm cần thiết vì nó giúp ta làm việc có kế hoạch, vừa làm được nhiều việc mà vẫn có thời gian nghỉ ngơi, vui chơi.

Bài này cần đọc chậm, rõ ràng các số chỉ giờ. Ngắt nghỉ hơi sau các dấu, giữa cột.

② Luyện từ và câu

– Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về vật nuôi*. Viết được tên các con vật trong tranh.

– Từ chỉ tính chất. Tìm được từ trái nghĩa với : *tốt, ngoan, nhanh, trắng, cao, khoẻ*.

– Biết đặt câu với mỗi từ trong cặp từ trái nghĩa tìm được theo kiểu *Ai thế nào ?*

③ Tập làm văn

– Nói được câu tỏ ý khen. Kể được một vài câu về một con vật nuôi quen thuộc trong nhà.

– Biết lập được thời gian biểu một buổi trong ngày.

I – TẬP ĐỌC

Con chó nhà hàng xóm

1. Chi tiết nào cho thấy Cún Bông rất hiểu và yêu quý Bé ?

a. Bé ngã, Cún chạy đi tìm người giúp.

b. Bé cười, Cún sung sướng vẫy đuôi rối rít.

- c. Cún muốn chạy nhảy, đi chơi nhưng không đi vì Bé chưa khỏi đau.
- d. Tất cả các chi tiết trên (a, b, c).

2. Vì sao bác sĩ lại nghĩ chính Cún đã giúp Bé mau lành bệnh ?

Thời gian biểu

3. Đọc thời gian biểu của bạn Phương Thảo, em thấy bạn là người thế nào ?
- a. Sống và làm việc rất có kế hoạch.
 - b. Chăm chỉ thể dục rèn luyện sức khỏe.
 - c. Vệ sinh cá nhân sạch sẽ.
 - d. Học tập chăm chỉ.
 - e. Chăm làm việc nhà giúp đỡ cha mẹ.
4. So với bạn Phương Thảo, em thấy cần bổ sung thêm những hoạt động nào trong thời gian biểu của mình ?

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Nối từ ở cột A và B để tạo thành cặp từ trái nghĩa :

A

chăm chỉ
xinh đẹp
cẩn thận
hiền lành
gầy còm

B

cẩu thả
hung dữ
lười biếng
béo tốt
xấu xí

M : chăm chỉ/ lười biếng

2. Tìm từ trái nghĩa với mỗi từ sau : *ngọt, ngoan, khéo léo, dũng cảm.*

M : ngọt/ mặn

3. Chọn một cặp từ em vừa nối ở bài tập 1. Đặt câu với mỗi từ trong cặp từ này theo kiểu *Ai thế nào* ?

M : – Nai là loài thú *hiền lành*.

– Hổ là loài thú *hung dữ*.

4. Nhìn tranh, viết 1 câu theo kiểu *Ai (cái gì) thế nào* ?



.....

.....

III – TẬP LÀM VĂN

1. Kể về một con vật nuôi mà em biết, trong đó có sử dụng ít nhất một câu để tỏ ý khen.
2. Lập thời gian biểu buổi tối của em.

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Tim ngọc* kể lại câu chuyện chó và mèo đi tìm lại viên ngọc cho chủ. Những con vật vừa thông minh, vừa tình nghĩa, thực sự là những người bạn thân thiết với con người.

Với bài đọc này, học sinh cần ngắt nghỉ hơi sau các dấu chấm, dấu phẩy, đọc rõ lời diễn tả suy nghĩ của chó và mèo.

– Gà “tỉ tê” với gà : Loài gà cũng có tình cảm với nhau : gà mẹ che chở, yêu thương, bảo vệ con như con người.

Bài này học sinh cần đọc chậm, rõ ràng, ngắt nghỉ hơi sau các dấu câu.

② Luyện từ và câu

– Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về vật nuôi*. Biết dùng từ chỉ đúng đặc điểm của con vật.

– Câu kiểu *Ai thế nào ?*. Biết viết tiếp các câu kiểu *Ai thế nào ?*.

③ Tập làm văn

– Nói được câu tỏ ý khen. Kể được một vài câu về một con vật nuôi quen thuộc trong nhà.

– Biết lập được thời gian biểu một ngày của em.

I – TẬP ĐỌC

Tim ngọc

1. Nối nhân vật với hoạt động diễn ra trong câu chuyện *Tim ngọc*.

chó

bắt chuột đi tìm ngọc

nhảy tới ngoạm ngọc chạy biến

nằm phơi bụng vờ chết để lừa quạ

mèo

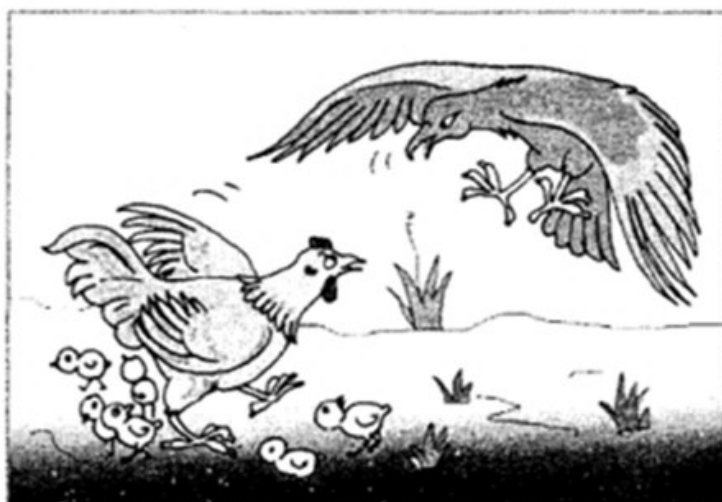
nhảy xổ lên vồ quạ

rình bên sông chờ ai câu được con cá nuốt ngọc thì lấy lại

2. Mèo và chó trong câu chuyện là những con vật như thế nào ?

Gà "tỉ tê" với gà

3. Nối các tín hiệu của gà mẹ với gà con cho phù hợp.



"cúc ... cúc ... cúc"

"cúc, cúc, cúc"

"roóc, roóc"

Tai hoạ đang đến, các con hãy
nấp mau !

Các con ơi, lại đây mau, mỗi
ngon lắm !

Không có gì nguy hiểm đâu, các
con cứ yên tâm mà kiếm mồi.

4. Bài văn giúp em hiểu điều gì ?

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Chọn cho mỗi con vật dưới đây một từ chỉ đặc điểm của nó : *đủng đỉnh*, *leo trèo*, *tinh ranh*, *to*, *chậm*, *nhạy*.



M : *leo trèo*

.....

.....



2. Tìm cách nói so sánh trong đoạn văn sau :

Cậu bé nhìn lên tán lá. Lá một mặt xanh bóng, mặt kia đỏ hoe như mắt mẹ khóc chờ con. Cậu bé oà khóc – cây xoà cành ôm cậu, như tay mẹ âu yếm vỗ về.

3. Điền tên con vật thích hợp vào chỗ trống để so sánh :

- | | |
|----------------|-----------------|
| – chậm như ... | – nhanh như ... |
| – béo như ... | – ranh như ... |
| – hôi như ... | – đen như ... |

4. Chọn một cách nói so sánh trên, rồi đặt một câu với cách nói đó.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Sinh nhật em, một bạn trong lớp tặng em một món quà đựng trong một cái hộp nhỏ rất xinh. Mở hộp ra, em rất ngạc nhiên và thích thú khi thấy một đôi đế trũi đen bóng đang bung càng tanh tách, mắt gương to nhìn em. Em nói như thế nào để thể hiện sự ngạc nhiên và thích thú ấy.
2. Em hãy viết thời gian biểu ngày chủ nhật của mình.

Tuần 18

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

Ôn tập các kiến thức và kĩ năng đã học từ tuần 10 đến tuần 17.

Đọc bài thơ sau :

Đàn gà mới nở

Lông vàng mát dịu
Mắt đen sáng ngời
Ôi ! Chú gà ơi !
Ta yêu chú lắm !

Con mẹ đẹp sao
Những hòn tơ nhỏ
Chạy như lăn tròn
Trên sân, trên cỏ

Mẹ dang đôi cánh
Con biến vào trong
Mẹ ngẩng đầu trông
Bọn diều bọn quạ

Vườn trưa gió mát
Bướm bay dập dờn
Quanh đôi chân mẹ
Một rừng chân con.

(Phạm Hồ)

Bây giờ thông thả
Mẹ đi lên đầu
Đàn con bé tí
Líu ríu chạy sau

1. Những hình ảnh đẹp và đáng yêu của đàn gà con trong bài thơ :
 - a. Lông vàng mát dịu.
 - b. Mắt đen sáng ngời.
 - c. Chạy líu ríu theo sau mẹ.
 - d. Như những hòn tơ nhỏ lăn tròn trên sân, trên cỏ.
 - e. Tất cả những hình ảnh trên (a, b, c, d).

2. Gà mẹ bảo vệ con, âu yếm con như thế nào ?
3. Câu thơ sau ý nói gì ?

*Quanh đôi chân mẹ
Một rùng chân con.*

4. Dùng *dấu chấm* ngắt đoạn văn sau thành 6 câu rồi viết lại cho đúng chính tả :

Thỏ rất khéo tay, biết may quần áo bình thường nếu có ai muốn may quần áo đều đến nhờ Thỏ giúp thoát một cái mùa đông đã đến, mọi người đều tìm Thỏ để may quần áo mùa đông. Khi con muốn may một chiếc áo khoác bông anh Lợn muốn may áo khoác dày tránh nước mưa chị Sóc muốn có một chiếc khăn đẹp.

5. Gạch dưới những từ chỉ hoạt động trong bài văn sau :

Gia đình chim

Một ngày nọ có hai con chim sẻ không biết từ đâu bay đến, đậu trên cành cây và làm tổ ở khu vườn nhà bé Bi. Một con đi tìm rơm, còn con kia ở lại xây tổ. Thấy vậy, bé Bi chạy ra sau nhà lấy mấy cọng rơm để xuống sân. Con chim sẻ kia hình như hiểu bé Bi, nó bay xuống và dùng mỏ gấp mấy cọng rơm, rồi nghiêng cánh cảm ơn. Vài ngày sau con chim sẻ nọ đẻ trứng. Hai quả trứng nho nhỏ. Một tháng trôi qua, hai quả trứng tròn nở thành hai chú chim sẻ dễ thương. Hai chú chim sẻ ngày ấy bây giờ lại là chim sẻ cha và chim sẻ mẹ. Bốn chú chim sẻ làm thành một gia đình hạnh phúc.

6. Ghi lại lời của em khi :
 - a) Bạn ngồi cạnh em đọc truyện tranh trong giờ học. Em nhắc bạn không nên đọc truyện mà phải chú ý nghe cô giảng bài.
 - b) Hai bạn ngồi ở bàn dưới đang thì thầm nói chuyện riêng trong giờ học.
 - c) Trên đường, em gặp một nhóm 3, 4 bạn đang trêu chọc một em nhỏ. Em nhỏ đang khóc. Em sẽ nói gì ?
7. Viết một đoạn văn ngắn khoảng 3 – 4 câu nói về một bạn trong lớp trong đó có sử dụng kiểu câu *Ai là gì ? , Ai làm gì ?*

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Chuyện bốn mùa* là câu chuyện vui và ý nghĩa, giúp ta hiểu được vẻ đẹp, sự độc đáo và ý nghĩa của mỗi mùa đối với cuộc sống.

Với bài đọc này, học sinh cần đọc rõ lời đối đáp của các nàng tiên và bà Đất.

– *Thư Trung thu* là bức thư Bác Hồ gửi cho thiếu niên nhi đồng cả nước nhân dịp Tết Trung thu năm 1952. Bức thư giúp ta cảm nhận sâu sắc tình yêu thương của Bác đối với các cháu là tương lai của đất nước.

Đây là bài thơ 5 chữ, học sinh cần đọc ngắt nhịp các câu thơ.

② Luyện từ và câu

– Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về các mùa*. Biết gọi tên các tháng trong năm và mỗi mùa bắt đầu từ tháng nào, kết thúc vào tháng nào. Nhận biết được đặc điểm cơ bản nhất của mỗi mùa.

– Đặt và trả lời câu hỏi *Khi nào ?*. Nhận biết bộ phận phụ chỉ thời gian để biết đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ *Khi nào ?*.

③ Tập làm văn

– Biết nghe và đáp lại lời chào, lời tự giới thiệu phù hợp với tình huống giao tiếp đơn giản.

– Điền đúng các lời đáp vào chỗ trống trong đoạn đối thoại có nội dung chào hỏi và tự giới thiệu.

I – TẬP ĐỌC

Chuyện bốn mùa

1. Nối tên mùa với đặc điểm phù hợp.

mùa xuân

mùa hạ

cây lá tươi tốt

học trò được nghỉ hè

cây cối đâm chồi nảy lộc

cho trái ngọt hoa thơm

2. Những chi tiết nào dưới đây đúng với mùa thu ? Đánh dấu x vào ô trống trước ý trả lời đúng :

- ☐ cây lá đâm chồi nảy lộc
- ☐ có buổi chín vàng
- ☐ có trời xanh cao
- ☐ học sinh nhớ ngày tựu trường
- ☐ áp ủ mầm sống để xuân về cây cối đâm chồi nảy lộc
- ☐ cho trái ngọt hoa thơm

Thư Trung thu

3. Câu thơ của Bác Hồ cũng là một câu hỏi :

Ai yêu các nhi đồng

Bằng Bác Hồ Chí Minh ?

Câu hỏi đó nói lên điều gì ?

4. Cuối thư Bác viết lời chào các cháu như thế nào ? Hãy nói suy nghĩ của em về lời chào đó của Bác.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Viết tên mùa ứng với các tháng sau :

.....	→	tháng giêng, tháng hai, tháng ba
.....	→	tháng tư, tháng năm, tháng sáu
.....	→	tháng bảy, tháng tám, tháng chín
.....	→	tháng mười, tháng mười một, tháng mười hai

2. Nối tên mùa với từ chỉ đặc điểm nổi bật của từng mùa.

nóng nực,
oi bức, hay
mưa rào

rét buốt, ít
mưa rào, cây
cối trụi lá

mùa xuân

mùa hạ

mùa thu

mùa đông

ấm áp, dễ
chịu, trăm
hoa đua nở

mát mẻ, dễ
chịu, nhiều
loại quả chín

3. Đặt câu hỏi với cụm từ *Khi nào* cho các ý sau :

- a) Tết Trung thu.
- b) Tết của thiếu nhi.
- c) Khai giảng năm học.
- d) Học sinh được nghỉ hè.

4. Viết câu trả lời cho mỗi câu sau :

- a) Hoa phượng nở khi nào ?
- b) Hoa đào (hoa mai) nở khi nào ?

- c) Khi nào trẻ em rước đèn phá cỗ ?
- d) Trường em chào cờ khi nào ?
- e) Khi nào em sẽ được đeo khăn quàng đỏ ?

III – TẬP LÀM VĂN

1. Có một bạn bước vào sân nhà em, tự giới thiệu : "Chào bạn ! Mình là Tuấn. Nhà mình mới chuyển về đây hôm qua". Em sẽ nói thế nào với bạn ?

Gợi ý :

- Em chào lại bạn, xưng tên.
- Hỏi bạn ở đâu chuyển về.
- Bạn học trường nào ? Lớp mấy ? Có cùng trường với em không ?
- Em rất vui khi có gia đình bạn chuyển về cùng phố.

2. Viết lời đáp của em vào chỗ trống

- Chào em ! Cho anh hỏi đây có phải là xóm 3, thôn Đan không ?
- ...
- May quá ! Em có biết nhà bác An ở xóm này không ?
- ...
- Anh là Sơn, cháu bác An.
- ...
- Cảm ơn em nhé. Anh rất vui vì đã gặp em.

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– Ông Mạnh thắng Thần Gió : Ông Mạnh đã chiến thắng Thần Gió nhờ sự thông minh, dũng cảm và quyết tâm cao độ. Ông Mạnh tượng trưng cho con người. Thần Gió tượng trưng cho thiên nhiên. Con người chiến thắng thiên nhiên nhưng không chống lại mà kết bạn, sống thân ái, hoà thuận với thiên nhiên.

Với bài đọc này, học sinh cần đọc phân biệt lời người dẫn chuyện và lời nhân vật (ông Mạnh, Thần Gió).

– Mùa xuân đến là bài văn ca ngợi vẻ đẹp của mùa xuân. Mùa xuân đến làm cho cảnh sắc thiên nhiên và vạn vật thay đổi trở nên tươi đẹp bội phần.

Bài này cần đọc rõ ràng, biết ngắt nghỉ hơi sau các dấu câu ; đọc với giọng vui, nhấn giọng ở một số từ gợi tả gợi cảm (đâm chối, nảy lộc, nổng nần, nhanh nhẩu, dỏm dáng, sáng ngời,...).

② Luyện từ và câu

– Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về thời tiết*. Nhận biết được một số từ ngữ chỉ đặc điểm thời tiết từng mùa.

– Đặt và trả lời câu hỏi *Khi nào ?*. Biết dùng các cụm từ chỉ thời gian như *Bao giờ ? Lúc nào ? Tháng mấy ? , Mấy giờ ?* thay cho cụm từ *Khi nào ?* để hỏi về thời điểm.

– Điền đúng dấu câu (dấu chấm, chấm than) trong đoạn văn.

③ Tập làm văn

– Đọc và trả lời đúng câu hỏi về nội dung bài văn ngắn *Xuân về*.

– Dựa vào gợi ý viết được 3 – 4 câu về mùa hè.

I – TẬP ĐỌC

Ông Mạnh thắng Thần Gió

1. Ông Mạnh đã làm gì để chiến thắng Thần Gió ?

Ông Mạnh

quyết định dựng một ngôi nhà
thật vững chãi

vào rừng chặt củi

vào rừng đẵn những cây gỗ lớn nhất làm cột

chọn những viên đá thật to để làm tường

2. Hành động kết bạn với Thần Gió của ông Mạnh cho thấy ông là người thế nào ?

- a. Ông là người nhân hậu, biết tha thứ.
- b. Ông là người dũng cảm.
- c. Ông là người khôn ngoan biết sống thân thiện với thiên nhiên.
- d. Ông là người nhân hậu thông minh biết bỏ qua chuyện cũ để đối xử thân thiện với Thần Gió.

Mùa xuân đến

3. Khi mùa xuân đến, cảnh vật thay đổi thế nào ?

Khi mùa xuân đến

Bầu trời thêm xanh, nắng vàng rực rỡ.

Vườn cây đâm chồi, nảy lộc, đơm hoa.

Vườn cây bắt đầu rụng lá.

Vườn cây tràn ngập tiếng chim
và bóng chim bay nhảy.

4. Điền từ vào chỗ trống phù hợp với nội dung bài *Mùa xuân đến* :

Hoa bưởi ..., hoa nhãn ..., hoa cau ... Những thím chích choè ..., những chú khướu ..., những anh chào mào ..., những bác cu gáy

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Viết tên mùa vào ô trống cho phù hợp :



Bé Hoa đang hơ bàn tay lạnh cóng bên bếp lửa hồng.



Suốt cả ngày ngọt ngào, oi nồng. Cơn đông sắp tới.



Thỉnh thoảng những cơn gió nhẹ man mát đã mang theo một chút hơi ẩm lành lạnh.



Trời bắt đầu ấm dần lên, những cánh xoan khẳng khiu trở trụi suốt mùa đông giờ bắt đầu nảy lộc.

2. Thay cụm từ *Khi nào* bằng cụm từ khác hỏi về thời gian trong những câu hỏi sau :

- *Khi nào* lớp bạn đi thăm lăng Bác ?
- *Khi nào* lớp bạn được nghỉ hè ?
- Bạn mua quyển sách này *khi nào* ?

3. Đặt câu hỏi cho bộ phận gạch dưới

- Mỗi khi tôi được điểm 10, mẹ tôi rất vui.
- Tháng 6 năm ngoái, tôi được bố cho về quê thăm ông bà nội.
- Ngày mai, lớp tôi sẽ đi thăm lăng Bác.
- Đến Tết này là chú mèo mướp nhà tôi tròn 3 tuổi.

4. Điền *dấu chấm* hoặc *dấu chấm than* vào từng ô trống cho phù hợp rồi viết lại vào vở đoạn văn đã sửa :

Cô giáo bước vào lớp, mỉm cười :

- Lớp ta hôm nay sạch sẽ quá ☐ thật đáng khen ☐ nhưng các em có nhìn thấy mẫu giấy đang nằm giữa cửa kia không ?
- Có ạ ☐ – Cả lớp đồng thanh đáp ☐
- Nào ☐ các em hãy lắng nghe và cho cô biết mẫu giấy đang nói gì nhé ☐ – cô giáo nói tiếp ☐

III – TẬP LÀM VĂN

1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi :

Mùa nước nổi

Mùa này, người làng tôi gọi là mùa nước nổi, không gọi là mùa nước lũ, vì nước lên hiền hòa. Nước mỗi ngày một dâng lên. Mưa dầm dề, mưa suốt suốt suốt ngày này qua ngày khác.

Rồi đến rằm tháng bảy. "Rằm tháng bảy nước nhảy lên bờ". Dòng sông Cửu Long đã no đầy, lại tràn qua bờ. Nước trong ao hồ, trong đồng ruộng của mùa mưa hoà lẫn với nước của dòng sông Cửu Long.

a) Em hiểu thế nào là mùa nước nổi ?

b) Bài văn tả mùa nước nổi ở vùng nào ?

2. Hãy viết một đoạn văn từ 3 – 4 câu nói về mùa đông (hoặc mùa khô) trong năm.

Gợi ý :

- Mùa đông (hoặc mùa khô) bắt đầu từ tháng nào trong năm ?
- Mặt trời mùa đông (hoặc mùa khô) thường thế nào ?
- Cây cối trong mùa đông (hoặc mùa khô) như thế nào ?

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Chim sơn ca và bông cúc trắng* là câu chuyện về số phận của chú chim sơn ca bị nhốt trong lồng. Chim bị chết vì đói và khát nhưng vẫn không dưng đến bông hoa cúc. Câu chuyện muốn gửi tới các bạn nhỏ lời khuyên : hãy để cho chim được tự do ca hát bay lượn, để cho hoa được tự do tắm nắng mặt trời.

Với bài đọc này, cần ngắt nghỉ hơi sau các dấu chấm, dấu phẩy, thay đổi giọng đọc cho phù hợp với nội dung từng đoạn (đoạn 1 : giọng vui ; đoạn 2 : ngạc nhiên, đoạn 3 : buồn, đoạn 4 : trách móc).

– *Về chim* : Bài về nói về một số loài chim cũng có đặc điểm, tính nết giống như con người.

Bài này cần đọc đúng nhịp câu về với giọng vui nhí nhảnh.

② Luyện từ và câu

– Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về chim chóc*. Xếp được tên một số loài chim theo nhóm thích hợp dựa theo hình dáng, tiếng kêu hoặc cách kiếm ăn của chúng.

– Nhận biết bộ phận phụ chỉ địa điểm của câu, biết đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ *Ở đâu ?*.

③ Tập làm văn

– Biết đáp lại lời cảm ơn trong tình huống giao tiếp đơn giản.

– Nhận biết được câu văn miêu tả (hình dáng, hoạt động) của một loài chim. Viết 2 – 3 câu về một loài chim.

I – TẬP ĐỌC

Chim sơn ca và bông cúc trắng

1. Nối *chim sơn ca* và *bông cúc* với những hình ảnh trước khi chúng bị bỏ vào lồng.

chim sơn ca

cúc trắng

sống tự do bên bờ rào giữa đám cỏ dại

tự do bay nhảy ca hát véo von

tươi tắn xoè những cánh trắng đón
ánh mặt trời

sống trong tình yêu bao la của bầu trời

sung sướng khôn tả khi nghe sơn ca hát
ca ngợi vẻ đẹp của mình

2. Sơn ca đã chết, bông cúc bị héo khô vì sự vô tình của hai cậu bé.
Em muốn nói gì với sơn ca và cúc trắng ?

Về chim

3. Nối tên loài chim với đặc điểm của nó theo nội dung bài về :

sáo

chìa vôi

liều diều

chèo bẻo

sẻ

tu hú

chim khách

nói linh tinh

hay chao đón mỗi

vừa đi vừa nhảy

hay nghịch hay tếu

hay mách lẻo

nhặt lân la

giục hè đến mau

4. Trong các loài chim được kể trong bài về, em đã biết những loài chim nào (kể cả biết trong sách báo, ti vi) ?

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Xếp tên chim với cách gọi tên loài chim đó cho phù hợp theo mẫu sau :
chim lợn, quạ, cuốc, tu hú, chim khách, gõ kiến, chim sâu, chích choè, cú mèo, chim cánh cụt.

<i>Dựa theo hình dáng</i>	<i>Dựa theo tiếng kêu</i>	<i>Dựa theo cách kiếm ăn</i>
...	...	...

2. Trả lời các câu hỏi sau :
- Trường học của em ở đâu ?
 - Trong lớp, em ngồi ở đâu ?
 - Bố em làm việc ở đâu ?
 - Gia đình em sống ở đâu ?
3. Gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi *Ở đâu ?* trong các câu sau :
- Chiều nay lớp tôi lao động ở vườn trường.
 - Chị Mai làm việc ở Công an quận.
 - Ngày mai, ông nội đi họp ở uỷ ban xã.
 - Con trâu đang đằm dưới ao.
4. Đặt câu hỏi có cụm từ *Ở đâu ?* trong mỗi câu sau :
- Đơn vị của bố tôi đóng quân ở huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An.
 - Mẹ tôi dạy học ở Trường Tiểu học Bạch Đằng.
 - Ông bà nội tôi sống ở Nghệ An.
 - Chú Tư của em làm việc ở Thành phố Hồ Chí Minh.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Đáp lại lời cảm ơn trong những trường hợp sau :

- a) Một bác chở một xe đạp hoa quả đi bán bị đổ xe, các loại quả vung vãi trên đường. Em giúp bác nhặt hết quả vào sọt. Bác cảm ơn em rồi rít : "Bác cảm ơn cháu, may quá, nếu không có cháu, bác không biết xoay sở thế nào".
- b) Một em bé bị vấp ngã trên đường. Em chạy vội tới đỡ em bé dậy, dỗ dành để em nín khóc. Mẹ em bé từ xa chạy vội lại, ôm bé vào lòng và nói : "Cô cảm ơn cháu. Cô sợ ý để em bé đi xa quá. Nếu không có cháu chắc em bé sợ lắm".

2. Đọc bài văn sau và làm bài tập :

Một chú chim gáy sà xuống chân ruộng vừa gặt. Cổ chú điểm những đốm cườm trắng rất đẹp. Chú nhả nha nhặt thóc rơi bên từng gốc rạ. Thỉnh thoảng, chú cất tiếng gáy "cúc cù ... cu" làm cho cánh đồng quê thêm yên ả.

- a) Tìm những câu tả hình dáng của chú chim gáy.
- b) Tìm những câu tả hoạt động của chú chim gáy.
- c) Viết 2 – 3 câu về một loài chim mà em thích.

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Một trí khôn hơn trăm trí khôn* là câu chuyện kể về sự kiêu căng của Chồn : khoe khoang trí thông minh của mình, nhưng khi hoạn nạn lại chẳng nghĩ được mẹo gì. Câu chuyện muốn nói với các bạn nhỏ : khó khăn, hoạn nạn thử thách trí thông minh của mỗi người. Chớ kiêu căng, xem thường người khác.

Với bài đọc này, cần ngắt nghỉ hơi sau các dấu chấm, dấu phẩy, đọc rõ lời của mỗi nhân vật.

– *Cò và Cuốc* là câu chuyện kể về những rắc rối và lời giải đáp của đôi bạn Cò và Cuốc cùng kiếm ăn trên đồng ruộng. Câu chuyện hàm chứa một lời khuyên : phải lao động, vất vả mới có lúc thanh thoi, sung sướng.

Bài này cần đọc rõ ràng, phân biệt lời của các nhân vật.

② Luyện từ và câu

– Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về loài chim*. Nhận biết đúng tên một số loài chim vẽ trong tranh.

– Điền đúng tên loài chim đã cho vào chỗ trống trong thành ngữ.

– *Dấu chấm, dấu phẩy* : Đặt đúng dấu chấm, dấu phẩy trong đoạn văn.

③ Tập làm văn

– Biết đáp lời xin lỗi trong tình huống giao tiếp đơn giản.

– Tập sắp xếp các câu đã cho thành đoạn văn hợp lí.

I – TẬP ĐỌC

Một trí khôn hơn trăm trí khôn

1. Đánh số thứ tự vào ô trống trước các chi tiết sau cho đúng với nội dung bài :

☐ Người thợ săn lôi Gà Rừng ra khỏi hang.

☐ Gà Rừng vùng chạy.

- ☐ Gà Rừng giả chết người cứng đờ.
- ☐ Người thợ săn vội đuổi theo Gà Rừng.
- ☐ Người thợ săn quăng Gà Rừng xuống đám cỏ.
- ☐ Chồn thừa cơ lao ra khỏi hang, chạy biến vào rừng.

2. Em thích nhân vật nào trong câu chuyện ? Vì sao ?

Cò và Cuốc

3. Vì sao Cuốc lại hỏi Cò : "Chị bắt tép vất vả thế, chẳng sợ bùn bắn bắn hết áo trắng sao ? "
- a. Vì Cuốc luôn thấy Cò trắng phau, đẹp dễ.
 - b. Vì Cuốc không sống gần Cò.
 - c. Vì Cuốc ngạc nhiên khi thấy Cò trắng phau, đẹp dễ mà phải lội bùn lấm lem.
 - d. Vì Cuốc thương Cò vất vả.
4. Em hãy đặt cho câu chuyện một cái tên khác.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Hãy kể tên các loài chim và xếp vào các nhóm theo mẫu :

<i>Chim ăn thóc</i>	<i>Chim ăn sâu</i>	<i>Chim ăn quả</i>	<i>Chim ăn thịt</i>	<i>Chim có giọng hót hay</i>	<i>Chim có bộ lông sặc sỡ</i>
...	...	...	...	...	...

2. Viết tên loài chim thích hợp vào mỗi chỗ trống
- a) Quang quác như ...
 - b) Đen như ...
 - c) Nói như ...

3. Chọn *dấu chấm* hoặc *dấu phẩy* điền vào ô trống trong đoạn văn sau rồi chép lại vào vở cho đúng chính tả.

Nơi đây cất lên những tiếng chim ríu rít □ chim đại bàng chân vàng mỏ đỏ đang chao lượn □ bóng che rợp mặt đất □ bầu trời nga trắng muốt đang bơi lội □ những con chim kơ púc mình đỏ chót và nhỏ như quả ớt □ cổ rướn cặp mỏ thanh mảnh của mình hót lên lanh lảnh nghe như tiếng sáo □

III – TẬP LÀM VĂN

- Em đáp lại lời xin lỗi trong các trường hợp sau thế nào ?
 - Bạn hứa mang trả em quyển sách nhưng hai hôm rồi bạn toàn quên không mang. Bạn nói : "Tớ xin lỗi vì sai lời hứa với bạn. Mai nhất định tớ sẽ nhớ".
 - Trong giờ chính tả, bạn ngồi cạnh mượn em cái thước nhưng vô ý chạm vào tay em đang viết bài làm chữ em bị nguệch ngoạc. Bạn vội nói : "Mình xin lỗi, mình không cố ý đâu".
- Những câu dưới đây tả về tính cách của con chim đại bàng. Hãy sắp xếp lại thứ tự của chúng để tạo thành đoạn văn :
 - Đại bàng có thể cặp những chú khỉ con lên cao rồi thả xuống đất hoặc dùng móng nhọn xé thân khỉ con cho chết.
 - Vũ khí của nó là cặp mỏ nhọn, sải đầu cánh và móng nhọn.
 - Người ta đã chứng kiến cảnh chim đại bàng đánh bại bầy khỉ định kéo nhau đến phá tổ.
 - Đại bàng rất hiền lành nhưng khi bị kẻ thù xâm phạm thì nó cũng chiến đấu rất quyết liệt.
 - Với sức khỏe tung hoành trên trời cao, đại bàng xứng đáng được gọi là "vệ sĩ của rừng xanh".

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Bác sĩ Sói* là câu chuyện kể về cuộc đấu trí giữa hai con vật : một con Sói gian ngoan định bày mưu lừa Ngựa để ăn thịt, không ngờ bị Ngựa thông minh trị lại.

Với bài đọc này, cần ngắt nghỉ hơi sau các dấu chấm, dấu phẩy, đọc rõ lời đối đáp của Sói và Ngựa.

– *Nội quy Đảo Khỉ* : Qua bài đọc, học sinh biết nội quy là những điều quy định mà mọi người phải tuân theo.

Bài này cần đọc rõ ràng, rành mạch từng điều trong bản nội quy.

② Luyện từ và câu

– Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về muông thú*. Xếp được tên một số con vật theo nhóm thích hợp.

– Đặt và trả lời câu hỏi *Như thế nào ?*. Biết đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ *Như thế nào ?* để tìm hiểu về đặc điểm, trạng thái của người, vật, con vật.

③ Tập làm văn

– Biết đáp lời khẳng định phù hợp với tình huống giao tiếp, thể hiện thái độ lịch sự.

– Đọc và chép lại được 2 – 3 điều trong nội quy của trường.

I – TẬP ĐỌC

Bác sĩ Sói

1. Vì sao Ngựa lại giả vờ đau ở chân sau ?
2. Chú Ngựa trong câu chuyện là con vật thế nào ? Đánh dấu x vào ô trống trước ý trả lời đúng.
 - ☐ Nhận định tình hình rất nhanh và chính xác "biết mình cuống lên thì chết".
 - ☐ Rất thông minh, nghĩ ngay ra mưu kế lợi hại để trị lại Sói.
 - ☐ Giả đau giống như thật khiến Sói không hề nghi ngờ gì.

- ☐ Bình tĩnh đợi Sói đến đúng tầm mới đá một cú trời giáng.
- ☐ Tất cả các ý trả lời trên.

Nội quy Đảo Khỉ

3. Nối từng điều trong Nội quy ở Đảo Khỉ với phần giải thích.

Mua vé tham quan trước khi lên Đảo Khỉ	Để Đảo Khỉ luôn sạch đẹp, không bị ô nhiễm, hấp dẫn khách tham quan
Không trêu chọc thú trong chuồng	Vì có thể làm thú mắc bệnh ốm hoặc chết
Không cho thú ăn các loại thức ăn lạ	Ai cũng phải mua vé. Có vé mới được lên đảo
Giữ vệ sinh chung trên đảo	Vì sẽ làm chúng tức giận lồng lộn trong chuồng hoặc làm chúng bị thương, thậm chí có thể bị nguy hiểm

4. Sau khi đọc bài này, em muốn nói gì với các chú khỉ trên Đảo Khỉ ?

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

- Hãy kể tên những loài thú nguy hiểm và không nguy hiểm sống trong rừng mà em biết.
- Dựa vào hiểu biết của em về các con vật, trả lời những câu hỏi sau :
 - Con ngựa phi như thế nào ?
 - Con thỏ chạy như thế nào ?
 - Con sư tử trông như thế nào ?
 - Con nai trông như thế nào ?
- Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được gạch dưới trong các câu sau :
 - Chú khỉ nâu chuyển thoăn thoắt từ cành cây này sang cành cây khác.
 - Con cáo rất tinh ranh.

- c) Con hổ trông rất hung dữ.
- d) Con hươu trông rất hiền lành, đáng yêu.
- e) Con lợn lòi trông rất dữ tợn.

4. Đọc bài thơ sau :

Sư Tử xuất quân

Voi vận tải trên lưng quân bị
 Vào trận sao cho khoẻ như voi.
 Công đồn, Gấu phải kịp thời,
 Cáo nhiều mưu kế tính bài quân cơ.
 Mèo lừa địch, phải nhờ chú Khỉ...
 Bỗng có người nảy ý tâu Vua :
 "Người ta bảo gốc như Lừa
 Nhất như Thỏ Đế, xin chưa vội dùng."
 "Không ! – Vua phán. – Trẫm dùng cả chứ !
 Loại họ ra, đội ngũ không yên
 Anh Lừa lo chuyện gạo tiền,
 Giấy tờ Thỏ chạy giao liên tài tình."
 Đã rằng khiến tướng, điều binh
 Nhìn người giao việc cho tình mới tài.

(Phỏng theo La Phông-ten)

Theo em, các con vật trong bài thơ được phân nhiệm vụ có phù hợp không ? Vì sao ?

III – TẬP LÀM VĂN

1. Nói lời đáp của em :

- Cô ơi, trong rừng có rắn không hả cô ?
- Có chứ. Trong rừng sâu có rất nhiều các loại rắn khác nhau.
- Có cả rắn độc nữa cô nhỉ.
- Tất nhiên rồi.

.....

2. Viết lại 2 – 3 điều trong bản nội quy của lớp em.

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Quả tim khi* kể chuyện Khi đã kết bạn và đối xử chân thành với Cá Sấu. Cá Sấu lợi dụng lòng tốt của Khi để thực hiện âm mưu xảo quyệt. Sự bội bạc của Cá Sấu mãi là bài học răn đe những kẻ giả dối và lừa gạt bạn bè.

– *Voi nhà* là câu chuyện nói về các chiến sĩ lái xe khi được voi cứu nạn. Chú voi rừng được nuôi dạy, được thuần dưỡng thành voi nhà đã làm được nhiều việc có ích giúp con người.

Qua các bài tập đọc, học sinh rèn kĩ năng đọc rành mạch toàn bài, biết ngắt nghỉ hơi đúng ; đọc đúng lời nhân vật trong truyện.

② Luyện từ và câu

– Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về loài thú*. Biết các từ ngữ chỉ tên, đặc điểm của các loài vật

– *Dấu chấm, dấu phẩy*. Biết đặt dấu chấm, dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong đoạn văn.

③ Tập làm văn

– Biết đáp lời phù hợp trong tình huống giao tiếp đơn giản.

– Nghe kể, trả lời đúng câu hỏi về một mẫu chuyện vui.

I – TẬP ĐỌC

Quả tim khi

1. Trước lời đề nghị của Cá Sấu, Khi đã chọn cách ứng xử nào ?
 - a. Khi giả vờ sẵn sàng giúp đỡ.
 - b. Khi từ chối giúp Cá Sấu.
 - c. Khi sẵn sàng giúp Cá Sấu.

2. Viết tên con vật đúng với tính cách của chúng :

Người bạn tốt, thông minh	→	
Kẻ bội bạc, lừa dối	→	

Voi nhà

3. Khi thấy con voi đến gần xe ô tô, mọi người lo lắng như thế nào ?
- Sợ voi đập tan xe.
 - Sợ voi quật chết người.
4. Chi tiết nào dưới đây cho thấy mọi người nghĩ là mình đã gặp voi nhà.
- Con voi quặp chặt vòi vào đầu xe, co mình lôi mạnh chiếc xe qua vũng lầy.
 - Hươ vùi về phía lùm cây.
 - Lững thững đi về hướng bản Tun.
 - Tất cả các ý trên (a, b, c).

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Chọn cho mỗi con vật trong tranh sau một từ chỉ đúng đặc điểm của nó :
thông minh, tò mò, nhút nhát, hiền lành, dũng mãnh, giả dối.

A



.....

B



.....

C



.....

D



.....

E



.....

G



.....

2. Chỉ ra đặc điểm của mỗi loài vật trong đoạn thơ sau :

Vào trận sao cho khoẻ như voi.

Công đồn, Gấu phải kịp thời,

Cáo nhiều mưu kế tính bài quân cơ.

Mèo lừa địch, phải nhờ chú Khỉ...

“Người ta bảo ngốc như Lừa

Nhát như Thỏ Đẻ, xin chưa vội dùng.”

3. Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào ô trống rồi viết lại vào vở cho đúng chính tả :

Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm □ chẳng bao lâu tôi đã trở thành một chàng đế thanh niên cường tráng □ đôi càng tôi mẫm bóng □ những cái vuốt ở chân □ ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt □

III – TẬP LÀM VĂN

1. Nói lời đáp của em :

a) – Cô làm ơn cho cháu hỏi nhà bạn Hạnh Uyên ở đâu ạ ?

– Rất tiếc, cô không biết vì cô mới chuyển về ở đây.

.....

b) – Mẹ có mua được cặp sách cho con không ạ ?

– Mẹ chưa mua được đâu.

.....

2. Trả lời câu hỏi sau khi được nghe kể câu chuyện *Vì sao ?* (SGK Tiếng Việt 2, tập hai, tr. 58)

a) Truyện có mấy nhân vật ? Hãy kể tên các nhân vật.

b) Khoanh tròn vào chữ cái trước cách trả lời phù hợp với nội dung câu chuyện :

a. Bò không có sừng vì nhiều lí do lắm. Có con bị gãy sừng. Có con còn non, chưa có sừng. Riêng con này không có sừng vì nó là... con ngựa.

b. Đây là con ngựa nên nó không có sừng.

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN**① Tập đọc**

– *Sơn Tinh, Thủy Tinh* : Câu chuyện nhằm giải thích nạn lũ lụt ở nước ta là do Thủy Tinh ghen tức Sơn Tinh gây ra ; đồng thời phản ánh việc nhân dân ta đắp đê chống lụt.

– *Bé nhìn biển* là cái nhìn thế giới qua cặp mắt trẻ thơ : bé thấy biển to, rộng mà ngộ nghĩnh như trẻ con.

Qua các bài tập đọc, học sinh biết đọc ngắt nghỉ hơi đúng ; đọc rõ lời nhân vật trong câu chuyện ; bước đầu biết đọc rành mạch bài thơ, thể hiện giọng vui tươi, hóm hỉnh.

② Luyện từ và câu

– Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về sông biển*. Tìm được các từ ngữ có tiếng *biển*.

– Đặt và trả lời câu hỏi *Vì sao ?*. Biết đặt câu hỏi có cụm từ *Vì sao ?* và trả lời được các câu hỏi trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*.

③ Tập làm văn

– Cách đáp lời đồng ý trong tình huống giao tiếp thông thường.

– Quan sát tranh và trả lời câu hỏi về cảnh trong tranh.

I – TẬP ĐỌC**Sơn Tinh, Thủy Tinh**

1. Viết tên các vị thần cho đúng với hành động của họ được nói đến trong bài :

– hô mưa gọi gió, dâng nước lên cuộn cuộn.

– đuổi sức đàn ông phải rút lui.

– hoá phép bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi chặn dòng nước lũ.

– lại nâng đồi núi lên cao.

2. Chi tiết nào cho thấy trí tưởng tượng phong phú của người xưa ?
- Lễ vật kén rẻ cho công chúa.
 - Tài phép của hai vị thần.
 - Tinh thần chống lụt của nhân dân.

Bé nhìn biển

3. Nối từ ở cột A với từ ở cột B cho phù hợp :

A

BIỂN RỘNG

BIỂN GIỐNG
TRẺ CON

B

Bãi giăng với sóng
Chơi trò kéo co
Nghìn con sóng khỏe
Lon ton lon ton

Tưởng rằng biển nhỏ
Mà to bằng trời
Như con sông lớn
Chỉ có một bờ

4. Hãy chọn khổ thơ em thích ? Ghi lại lí do em chọn.

KHỔ 1
Biển rất rộng

KHỔ 2
Biển như trẻ con,
thích kéo co

KHỔ 3
Biển sống động

KHỔ 4
Những con sóng
chạy lon ton...

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Sắp xếp các từ sau vào từng nhóm trong bảng : chim biển, cá biển, gió biển, biển cả, biển biếc, tôm biển, bờ biển, biển khơi, biển xanh, rong biển, biển.

A. Từ ngữ chỉ sự vật trên mặt biển	B. Từ ngữ chỉ sự vật trong lòng biển	C. Từ ngữ gọi tên (biển)
...	...	...

2. Đặt câu hỏi cho phần được gạch dưới trong câu sau :

a) Tôi là Cá Sấu. Tôi khóc vì chả ai chơi với tôi.

b) Đọc xong nội quy Đảo Khi, Khi Nâu cười khành khạch tỏ vẻ khoái chí.

3. Trả lời câu hỏi sau :

a) Vì sao trẻ em không được tắm ở ao, hồ ?

b) Vì sao mọi người phải mặc áo phao khi đi đò qua sông ?

III – TẬP LÀM VĂN

1. Nói lời đáp trong các đoạn đối thoại sau :

a) – Nam cho tớ mượn quả bóng nhé ?

– Ừ.

.....

b) Em cho chị mượn con búp bê này nhé ?

– Vâng.

.....

2. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi :

*Có cô rong xanh
Đẹp như tơ nhuộm
Giữa hồ nước trong
Nhẹ nhàng uốn lượn.*

(Phạm Hổ)

Cảnh hồ nước trong đoạn thơ trên có gì đẹp ?

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN**① Tập đọc**

– *Tôm Càng và Cá Con* : Bài thơ ca ngợi tình bạn giữa hai con vật. Cá Con và Tôm Càng đều có tài riêng. Tôm cứu được bạn qua cơn nguy hiểm. Tình bạn của họ vì vậy càng trở nên khăng khít.

– *Sông Hương* : Bài thơ miêu tả vẻ đẹp thơ mộng của dòng sông Hương, một đặc ân của thiên nhiên dành cho Huế.

Qua các bài tập đọc, học sinh rèn ngắt nghỉ hơi đúng ; bước đầu biết đọc trôi chảy được toàn bài.

② Luyện từ và câu

– Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về sông biển*. Nhận biết được một số loài cá nước mặn, nước ngọt ; kể tên được một số con vật sống ở dưới nước.

– *Dấu phẩy* : Biết đặt dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong câu.

③ Tập làm văn

– Cách đáp lời đồng ý trong tình huống giao tiếp đơn giản cho trước.

– Viết được những câu trả lời về cảnh biển.

I – TẬP ĐỌC**Tôm Càng và Cá Con**

1. Nối đuôi và vẩy của Cá Con ở cột A với tác dụng của nó ở cột B cho phù hợp :

A

vẩy

đuôi

B

là áo giáp bảo vệ cơ thể cho Cá Con

là mái chèo cho Cá Con bơi lội

là bánh lái cho Cá Con bơi đúng hướng

2. Hành động của Cá Con cứu Tôm Càng được thể hiện như thế nào ?
 - a. Một con cá to mắt đỏ ngầu nhằm con Cá Con lao tới.
 - b. Tôm Càng búng càng, vọt tới, xô bạn vào một ngách đá nhỏ.
 - c. Cú xô làm Cá Con bị va vào vách đá.
 - d. Tất cả các ý trên (a, b, c).

Sông Hương

3. Viết từ chỉ thời điểm cho đúng với đặc điểm của dòng sông được miêu tả ở trong bài.

Dòng sông là một đường trắng lung linh, dát vàng.	
Dòng sông thành dải lụa đào ửng hồng cả phố phường.	

4. Em thích nhất câu văn nào trong bài ? Hãy ghi lại lí do mà mình yêu thích.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Gạch chân dưới những từ chỉ tên các loài cá trong đoạn thơ sau :

Cá nhụ, cá chim cùng cá đé

Cá song lấp lánh đuốc đen hồng.

(Huy Cận)

2. Kể tên các con vật sống ở dưới nước có trong tranh.



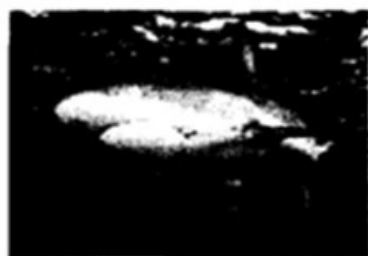
M : cá chim



.....



.....



3. Câu 1 và câu 2 trong đoạn văn sau đây còn thiếu dấu phẩy. Em hãy tìm và đặt dấu phẩy vào cho đúng :

Thủy Tinh đến sau không lấy được Mị Nương dùng dùng tức giận, cho quân đuổi đánh Sơn Tinh. Thủy Tinh hô mưa gọi gió, dâng nước lên cuộn cuộn. Nhà cửa ruộng đồng chìm trong biển nước. Sơn Tinh hoá phép bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi chặn dòng nước lũ.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Nói lời đáp của em trong các trường hợp sau :
 - a) Em rủ bạn đi xem phim ở rạp. Bạn nhận lời : “Ừ, đợi tớ xin phép mẹ đã”.
 - b) Em mời bạn dự sinh nhật. Bạn nhận lời : “Tớ sẽ sang ngay”.
2. Viết lại câu trả lời của em ở bài tập làm văn tuần trước (cảnh hồ nước).

Tuần 27

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

Ôn tập các kiến thức và kĩ năng đã học từ tuần 19 đến tuần 26.

1. Ghi lại tên những bài tập đọc đã học từ tuần 19 đến tuần 26.

Số thứ tự	Tên bài	Tác giả
1	Chuyện bốn mùa	Từ Nguyên Tĩnh
2	Thư Trung thu	Hồ Chí Minh
3	Ông Mạnh thắng Thần Gió	A-nhông
4	...	...

2. Ghi lại một đoạn thơ đã học mà em yêu thích :

.....

.....

.....

.....

3. Bài thơ *Thư Trung thu* thể hiện tình cảm của Bác Hồ với thiếu niên nhi đồng như thế nào ?

4. Bài học được rút ra từ câu chuyện *Một trí khôn hơn trăm trí khôn*, *Quả tim khỉ* là gì ?

.....

.....

.....

5. Đọc bài thơ sau và ghi lại những sự vật được nói tới trong mùa xuân.

*Mùa xuân gọi dậy chồi non
Gọi bông hoa nở xoe tròn trên cây
Gọi cơn nắng ấm tràn đầy
Gọi con sáo vỗ cánh bay tìm đàn
Gọi cho con én bay sang
Gọi cơn gió thoảng mơ màng tiếng xuân.*

(Mùa xuân – Dương Khâu Luông)

.....
.....
.....
.....

6. Mở rộng vốn từ về chim chóc, muông thú và gia cầm.

a) Nói đặc điểm con vật trong câu đố :

*Con gì đuôi ngắn, tai dài
Mắt hồng lông mượt
Có tài chạy nhanh ?*

(Là con gì ?)

b) Nói động tác con vật trong câu đố :

*Con gì kêu “Vít ! Vít !”
Theo mẹ ra bờ ao
Chẳng khác mẹ tí nào
Cũng lạch bà, lạch bạch ?*

(Là con gì ?)

7. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm :

a) ***Trên cành cây***, mấy con chim đang làm tổ.

- b) Mùa hè, hoa gạo nở *đỏ rực một vùng*.
- c) *Cá Sấu tên tò*, lặn sâu xuống nước, lủi mất.
8. Tìm bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Ở đâu ? Làm gì ? Vì sao ?*
- a) Bên bờ rào, giữa đám cỏ dại, có một bông cúc trắng.
- b) Hương Giang bỗng thay chiếc áo xanh hàng ngày thành dải lụa đào ửng hồng cả phố phường.
- c) Thuỷ Tinh đuối sức, đành phải rút lui.
9. Nói lời đáp của em trong những trường hợp sau :
- a) Khi bạn cảm ơn em đã nâng bạn dậy khi bị ngã.
- b) Khi bạn xin lỗi vì đã trách lầm em.
- c) Cô giáo cho biết em đạt học sinh giỏi.
- d) Bố mẹ đồng ý cho em về quê nghỉ hè.
10. Viết một đoạn văn ngắn (3 – 4 câu) nói về một loài chim (loài cây) mà em biết.

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Kho báu* : Câu chuyện là bài học quý về tính chăm chỉ, sự cần mẫn trong lao động. Ai chăm chỉ lao động thì người đó có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

– *Cây dừa* : Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của cây dừa trong sự gắn bó mật thiết với đất trời, với thiên nhiên.

Qua các bài tập đọc, học sinh rèn kĩ năng đọc rành mạch toàn bài, biết ngắt nhịp thơ hợp lí khi đọc các câu lục bát.

② Luyện từ và câu

– Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về cây cối*. Nêu được một số từ về cây cối.

– Đặt và trả lời câu hỏi *Để làm gì ?*. Luyện tập đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ *Để làm gì ?*.

– *Dấu chấm, dấu phẩy* : Biết điền dấu chấm, dấu phẩy vào chỗ trống trong đoạn văn.

③ Tập làm văn

– Biết đáp lại lời chia vui trong tình huống giao tiếp cụ thể.

– Tả ngắn về cây cối (Đọc và trả lời được các câu hỏi về bài văn miêu tả ngắn ; viết được một phần các câu trả lời về bài văn miêu tả đó).

I – TẬP ĐỌC

Kho báu

1. Đánh dấu x vào ô trống trước ý em cho là đúng về lời dặn của ông bố với hai người con trai.

☐ Ruộng nhà mình có nhiều đồ quý hiếm.

☐ Ruộng nhà mình có chôn một hũ vàng.

☐ Ruộng nhà mình có một kho báu.

2. Vì sao hai người con có được mấy vụ liền lúa bội thu ?
- Vì đất đai phì nhiêu.
 - Vì đào bới nhiều để tìm kho báu nên đất được làm kĩ.
 - Vì chăm sóc lúa tốt.

Cây dừa

3. Nối các bộ phận của cây dừa với các hình ảnh so sánh trong bài đọc cho phù hợp :

Tàu dừa	bàn tay dang ra trước gió như chiếc lược chải vào mây xanh
Thân dừa	đàn lợn con nằm trên cao như hũ rượu bao quanh cổ dừa
Ngon dừa	bạc phếch thẳng năm đứng canh trời đất
Quả dừa	gật đầu gọi trăng

4. Dòng nào sau đây nói đúng nhất về sự gắn bó của cây dừa với thiên nhiên trong bài thơ :
- Gió, trăng, mây, nắng, đàn cò.
 - Gió, mưa, trăng, sao.
 - Gió, trăng, mây, nắng, đàn bướm.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Kể tên một số loài cây có nhiều ở địa phương em theo các nhóm dưới đây :

<i>Cây lương thực, thực phẩm</i>	<i>Cây ăn quả</i>	<i>Cây lấy gỗ</i>	<i>Cây bóng mát</i>	<i>Cây hoa</i>
M : cây sắn	M : cây vú sữa	M : cây pơ mu	M : cây kơ-nia	M : hoa mai

2. Dựa vào kết quả bài tập 1, em hãy đặt câu hỏi và tự trả lời theo mẫu :

M : – Người ta trồng cây phượng để làm gì ?
 – Người ta trồng cây phượng để lấy bóng mát và làm đẹp.

3. Gạch dưới những từ chỉ tên các loài hoa trong bài sau :

*Ruộng vườn trồng đủ thứ hoa
 Hoa đào, hoa lí, hoa trà, hoa mai
 Nhất thơm hoa huệ, hoa mai
 Hoa lan, hoa cúc ai mà chẳng ưa.*

4. Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào ô trống rồi viết lại vào vở đoạn văn đã sửa ;
 Cây có tuổi thọ cao nhất là một cây thông ở Nhật Bản ☐ ước tính ☐
 nó đã sống trên 7000 năm ☐ còn ở nước ta ☐ trong Vườn Quốc gia
 Cúc Phương ☐ có cây chò khoảng 1000 tuổi.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Ghi lại lời đáp của em khi các bạn chúc mừng em đoạt giải nhất cuộc thi vẽ tranh toàn trường.

.....

2. Nói về một loại quả :



*Trông như quả bóng màu xanh
 Dung đưa trên cành chờ Tết Trung thu*

- a) Ghi câu trả lời về hình dáng bên ngoài của quả bưởi vào ô trống :

Quả bưởi hình gì ?	...
Quả to bằng chừng nào ?	...
Vỏ màu gì ?	...

- b) Ghi câu trả lời về ruột và mùi vị của quả bưởi :

Ruột quả bưởi có màu gì ?	...
Các múi bưởi như thế nào ?	...
Bưởi có vị gì ?	...

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Những quả đào* : Câu chuyện là bài học quý về tình cảm yêu thương nhường nhịn của các cháu khi bạn ốm ; đồng thời ca ngợi sự quan tâm, chăm sóc của người ông đối với các cháu.

– *Cây đa quê hương* : Bài văn cho thấy vẻ đẹp của cây đa quê hương và tình cảm của tác giả đối với quê hương.

Qua các bài tập đọc, học sinh rèn kĩ năng đọc rành mạch toàn bài, biết ngắt nghỉ hơi đúng sau dấu câu ; bước đầu biết đọc phân biệt được lời kể chuyện với lời nhân vật.

② Luyện từ và câu

– Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về cây cối*. Nêu được một số từ chỉ cây cối.

– Đặt và trả lời câu hỏi *Để làm gì ?*. Dựa vào tranh biết đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ *Để làm gì ?*.

③ Tập làm văn

– Biết đáp lời chia vui trong tình huống giao tiếp cụ thể.

– Nghe kể chuyện và trả lời được các câu hỏi về nội dung câu chuyện *Sự tích hoa dạ lan hương*.

I – TẬP ĐỌC

Những quả đào

1. Nối lời nhận xét của người ông ở cột A với từng cháu ở cột B :

A

Ôi, cháu của ông còn thơ dại quá !
Cháu là người có tấm lòng nhân hậu !
Mai sau cháu sẽ làm vườn giỏi.

B

Bé Xuân
Bé Vân
Bé Việt.

2. Món quà quý nhất của người ông dành cho ba cháu trong câu chuyện là gì ?
 - a. Những quả đào.
 - b. Tình cảm yêu thương của ông dành cho các cháu.
 - c. Lời nhận xét của ông về ba người cháu.

Cây đa quê hương

3. Vẻ đẹp của quê hương được nói tới qua những hình ảnh nào ?
 - a. Cây đa.
 - b. Lúa vàng gợn sóng.
 - c. Đàn trâu lững thững.
 - d. Ánh nắng chiều.
 - e. Tất cả các ý trên (a, b, c, d).
4. Qua bài văn, em thấy tình cảm của tác giả đối với quê hương như thế nào ?

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm từ chỉ thời điểm kết trái của loài cây (quả) được nói tới trong đoạn thơ sau :

Sinh ra quả cam
Lại nhằm mùa rét
Sinh ra quả mít
Lại nhằm mùa hè.

(Huy Cận)

2. Ghi tên các loài cây mà em biết vào các ô trống dưới đây :

<i>Cây lương thực</i>	<i>Cây ăn quả</i>	<i>Cây lấy gỗ</i>
cây lúa,...	cây cam,...	cây lim,...

3. Dựa vào bài *Cây đa quê hương*, nối tên các bộ phận của cây với đặc điểm của chúng.

thân cây
cành cây
ngọn cây
rễ cây

những hình thú quái dị, những con rắn hổ mang giận dữ
chót vót giữa trời xanh
toà nhà cổ kính
lớn hơn cột đình

4. Đặt câu hỏi có cụm từ *Để làm gì ?* để hỏi về công việc của người nông dân trong bức tranh dưới đây :



.....

III – TẬP LÀM VĂN

- Nói lời đáp của em trong những trường hợp sau :
 - Bạn tặng quà sau chuyến đi biển về.
 - Bạn gọi điện chúc mừng sinh nhật của em.
 - Bố mẹ tổ chức liên hoan mừng em đạt học sinh giỏi.
- Hãy trả lời câu hỏi sau khi nghe cô giáo kể câu chuyện *Sự tích hoa dạ lan hương* :
 - Thấy cây hoa bị vứt ven đường, ông lão đã làm gì ?
 - Vì sao hoa lại xin Trời cho đổi vẻ đẹp thành hương thơm ?
 - Hãy nói về tình cảm của em với hoa dạ lan hương.

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Ai ngoan sẽ được thưởng* : Câu chuyện cảm động về tình cảm yêu quý của Bác Hồ đối với thiếu nhi. Thiếu nhi phải thật thà, dũng cảm xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ.

– *Cháu nhớ Bác Hồ* là bài thơ viết về tình cảm đẹp đẽ của thiếu nhi Việt Nam đối với Bác Hồ kính yêu.

Qua các bài tập đọc, học sinh rèn kĩ năng đọc trơn toàn bài ; đọc diễn cảm bài thơ, lời các nhân vật trong câu chuyện ; đọc đúng các từ khó, ngắt nghỉ đúng dấu câu ; hiểu nội dung của bài văn, bài thơ.

② Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về Bác Hồ*. Củng cố kĩ năng đặt câu (biết đặt câu với từ tìm được, ghi lại được hoạt động vẽ trong tranh bằng một câu ngắn).

③ Tập làm văn

- Nghe kể chuyện và trả lời được các câu hỏi về nội dung câu chuyện.
- Viết được câu trả lời cho câu hỏi.

I – TẬP ĐỌC

Ai ngoan sẽ được thưởng

1. Qua những câu hỏi của Bác Hồ hỏi thăm thiếu nhi, em thấy Bác Hồ là người thế nào ?
 - a. Bác rất quan tâm đến cuộc sống của thiếu nhi.
 - b. Bác rất lo lắng cho thiếu nhi.
 - c. Bác rất yêu thương và luôn quan tâm đến cuộc sống của thiếu nhi.
2. Hành động nhận lỗi của Tộ cho thấy bạn đã thực hiện tốt lời dạy nào của Bác :
 - a. Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào
 - b. Học tập tốt, lao động tốt
 - c. Đoàn kết tốt, kỉ luật tốt
 - d. Giữ gìn vệ sinh thật tốt
 - e. Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm.

Cháu nhớ Bác Hồ

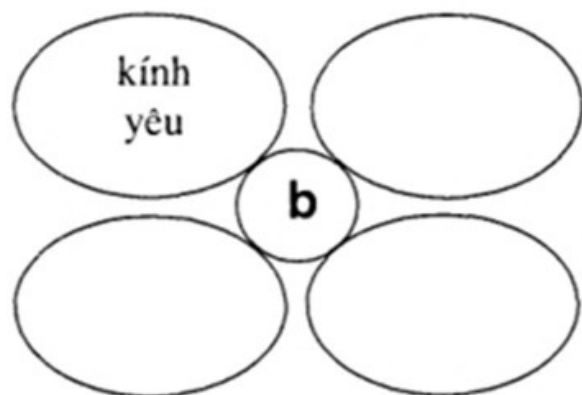
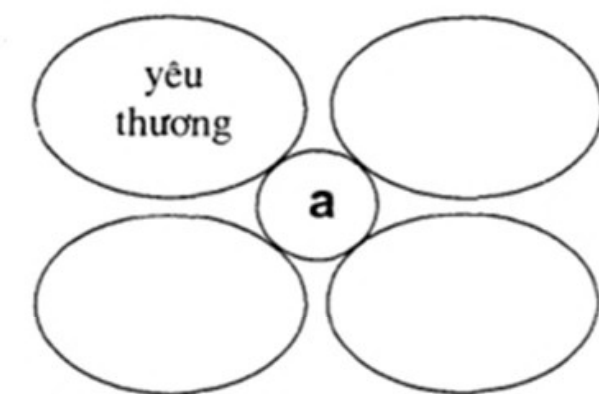
3. Ghi lại những từ ngữ miêu tả hình ảnh Bác Hồ có trong bài thơ.

<i>Đôi má</i>	...
<i>Mái tóc</i>	...
<i>Đôi mắt</i>	...
<i>Vầng trán</i>	...

4. Qua câu chuyện của bạn nhỏ trong bài thơ, em thấy được tình cảm của thiếu nhi đối với Bác Hồ như thế nào ?

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Sắp xếp các từ ngữ cho sẵn vào các ô trống ở hai hình dưới đây cho phù hợp : *yêu thương, chăm sóc, kính yêu, yêu quý, quan tâm, tôn kính, nhớ ơn, kính trọng.*



2. Đặt hai câu với hai từ tìm được ở bài tập 1. (Lưu ý đặt một câu với một từ ở nhóm a và một câu với một từ ở nhóm b.)

M : – Bác Hồ rất *yêu thương* các cháu thiếu nhi.

– Các cháu thiếu nhi rất *kính yêu* Bác Hồ.

3. Dựa vào bài tập đọc *Ai ngoan sẽ được thưởng* để viết tiếp câu sau :

Bác Hồ khen bạn Tộ ngoan vì

.....

III – TẬP LÀM VĂN

1. Nghe kể và nhớ lại nội dung câu chuyện *Qua suối* để trả lời các câu hỏi sau :

a) Hai câu văn dưới đây là lời của ai ?

– Chú ngã có đau không ?

– Ta nên kê lại để người khác qua suối không bị ngã nữa.

b) Điền dấu × vào ô trống mà em cho là phù hợp với nhận xét sau :

Câu chuyện *Qua suối* thể hiện sự quan tâm của Bác Hồ đối với anh chiến sĩ và đối với mọi người.

☐ đúng

☐ sai

2. Hai câu nói của Bác Hồ ở câu a trong bài tập 1 cho em thấy điều gì ?

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Chiếc rế đa tròn* là câu chuyện cảm động kể về tình yêu thương bao la của Bác Hồ đối với mọi người, mọi vật.

– *Cây và hoa bên lăng Bác* cho thấy những loài cây và hoa đẹp nhất khắp miền đất nước tụ hội bên lăng Bác, thể hiện lòng tôn kính của toàn dân với Bác.

Qua các bài tập đọc, học sinh được rèn kĩ năng đọc trơn toàn bài ; biết nghỉ hơi đúng sau các dấu câu và cụm từ, đọc rõ lời các nhân vật trong câu chuyện ; hiểu nội dung của bài văn.

② Luyện từ và câu

– Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ về Bác Hồ*. Tìm được từ ngữ cho trước để điền đúng vào đoạn văn, tìm được một số từ ngữ ca ngợi Bác Hồ.

– *Dấu chấm, dấu phẩy* : Biết điền dấu chấm, dấu phẩy vào đoạn văn.

③ Tập làm văn

– Đáp lại được lời khen ngợi.

– Quan sát ảnh Bác Hồ, trả lời đúng các câu hỏi về ảnh Bác.

– Viết được một đoạn văn ngắn từ 3 – 4 câu về ảnh Bác Hồ.

– Viết được câu trả lời cho câu hỏi.

I – TẬP ĐỌC

Chiếc rế đa tròn

1. Bác Hồ đã hướng dẫn chú cán vụ trồng chiếc rế đa như thế nào ?

a. Chú cuốn rế này lại.

b. Chú trồng cho nó mọc tiếp.

c. Chú cuốn rế này lại, rồi trồng cho nó mọc tiếp nhé !

2. Qua câu chuyện trên, em thấy Bác Hồ là người thế nào ?

Cây và hoa bên lăng Bác

3. Nối các loài cây và hoa ở cột A với đặc điểm của chúng ở cột B :

A	B
mười tám cây vạn tuế	dâm chồi, khoe sắc, toả ngát hương thơm
cây và hoa khắp miền đất nước	tượng trưng cho hàng quân danh dự đứng trang nghiêm
những đoá hoa ban	nở lúa đầu
hoa nhài, hoa mộc, hoa ngâu	khỏe khoắn vươn lên, reo vui
cành đào Sơn La	kết chùm đang toả hương ngào ngạt

4. Qua bài văn, em hiểu tình cảm của người dân Việt Nam đối với Bác Hồ như thế nào ?

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm từ ngữ ca ngợi Bác Hồ trong đoạn thơ sau :

*Hồ Chí Minh,
Người là con sông lớn
Người là mặt trời
Người là mặt trăng.*

(Mak – Dân tộc Châu Ro)

2. Chọn từ yêu, nhớ thương, nhớ nhung điền vào chỗ trống thích hợp :

a) *Bác ... các cháu muôn vàn
Bác gửi các cháu một ngàn cái hôn.*

(Hồ Chí Minh)

b) *Trung thu trăng sáng như gương
Bác Hồ ngắm cảnh nhi đồng.*

c) *Sau đây Bác viết mấy dòng
Gửi cho các cháu tỏ lòng*

(Hồ Chí Minh)

3. Tìm và ghi lại những từ ngữ ca ngợi Bác Hồ mà em biết vào dòng trống dưới đây :

M : thương dân,

4. Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào ô trống rồi viết lại vào vở hai đoạn văn đã sửa :

Trên quảng trường Ba Đình lịch sử □ lăng Bác uy nghi mà gần gũi □ cây và hoa khắp miền đất nước về đây tụ hội □ đâm chồi □ phôi sắc □ toả ngát hương thơm.

Ngay thềm lăng □ mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một hàng quân danh dự đứng trang nghiêm □ hướng chính lăng □ cạnh hàng dầu nước thẳng tắp □ những đoá hoa ban đã nở lứa đầu.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Viết lời đáp của em trong các trường hợp sau :

<i>Trường hợp</i>	<i>Lời đáp</i>
a) Em đạt học sinh giỏi được cô giáo khen.	
b) Em dắt một cụ già qua đường được mọi người khen.	
c) Em nhường phần quà của mình cho em bé nên được bố mẹ khen.	

2. Quan sát ảnh Bác Hồ treo trong lớp học, trả lời các câu hỏi sau :

a) Ảnh Bác Hồ được treo ở đâu ?

b) Ghi lại những điều mà em quan sát được về Bác :

<i>đôi mắt</i>	...
<i>vầng trán</i>	...
<i>bộ râu</i>	...
<i>mái tóc</i>	...

- c) Dựa vào những câu trả lời trên, viết một đoạn văn từ 3 – 4 câu về ảnh Bác Hồ.

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

- *Chuyện quả bầu* là truyện cổ dân gian nhằm giải thích nguồn gốc các dân tộc trên đất nước Việt Nam : cùng là anh em một nhà, có chung một tổ tiên.
- *Tiếng chổi tre* : Bài thơ ca ngợi chị lao công lao động vất vả để giữ cho đường phố luôn sạch đẹp.

Qua các bài tập đọc, học sinh được rèn kĩ năng đọc mạch lạc toàn bài ; biết nghỉ hơi đúng khi đọc các dấu câu, cụm từ trong bài văn, các câu thơ theo thể tự do ; hiểu nội dung của bài văn.

② Luyện từ và câu

- *Từ trái nghĩa* : Bước đầu làm quen với khái niệm từ trái nghĩa, biết xếp các từ có nghĩa trái ngược nhau theo từng cặp.
- *Dấu chấm, dấu phẩy* : Biết điền dấu chấm, dấu phẩy vào đoạn văn.

③ Tập làm văn

- Đáp lời từ chối của người khác với thái độ lịch sự, nhã nhặn.
- Đọc và nói lại nội dung một trang sổ liên lạc.

I – TẬP ĐỌC

Chuyện quả bầu

1. Chuyện lạ gì đã xảy ra với hai vợ chồng người đi rừng ?

- a. Người vợ sinh ra một quả bầu.
- b. Người vợ sinh ra một bọc trứng.
- c. Nghe thấy tiếng cười đùa ở trong bếp, tiếng lao xao ở trong quả bầu.
- d. Tất cả các ý trên (a, b, c).

2. Câu chuyện nói lên điều gì ?

.....

Tiếng chổi tre

3. Ghi lại những câu thơ ca ngợi vẻ đẹp của chị lao công :

.....
.....
.....

4. Ghi lại khổ thơ em thích nhất trong bài ? Vì sao ?

.....
.....

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Chỉ ra cặp từ trái nghĩa trong các câu sau :

a) *Con gì đuôi ngắn tai dài
Mắt hồng lông mượt
Có tài chạy nhanh.*

b) *Bướm con về mách mẹ
Hoa hồng cắn con đau
Mẹ bảo hoa hiền lắm
Chẳng độc ác thế đâu.*

(Phạm Hồ)

2. Xếp các từ dưới đây thành từng cặp từ có nghĩa trái ngược nhau (từ trái nghĩa).

a) rộng, cong, thẳng, sáng, tối, ngắn, hẹp, dài.

b) khóc, cười, chết, ngủ, thức, sống.

c) hiền, trong, ngoan, tốt, dữ, đục, hư, xấu.

3. Tìm từ trái nghĩa với các từ sau : già, sạch, cao, đêm, lạnh, yêu, lên.

M : yêu – ghét

4. Điền *dấu chấm* hoặc *dấu phẩy* vào ô trống rồi viết lại vào vở đoạn văn đã sửa :

Lạ thay ☐ từ trong quả bầu ☐ những con người nhỏ bé nhảy ra ☐ người Khơ-mú nhanh nhẩu nhảy ra trước, dính than nên hơi đen ☐ tiếp đến ☐ người Thái ☐ người Mường, người Dao ☐ người Hmông ☐ người Ê-đê ☐ người Ba-na, người Kinh ☐... lần lượt ra theo.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Nói lời đáp của em trong những trường hợp sau :
 - a) Em xin đi chơi cùng bạn. Mẹ bảo : “Con ở nhà học bài chứ”.
 - b) Em nhờ mẹ làm giúp em bài tập tiếng Việt. Mẹ bảo : “Mẹ đang bận, 30 phút nữa mẹ vào với con nhé !”.
 - c) Em rủ bạn đi xem phim. Bạn bảo : “Mình còn bận học bài”.

2. Viết từ 2 đến 3 câu nói về quyển sổ liên lạc của em.

Gợi ý :

- Quyển sổ liên lạc như thế nào ?
- Nó được dùng để làm gì ?
- Em giữ gìn quyển sổ liên lạc ra sao ?

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN**① Tập đọc**

– *Bóp nát quả cam* : Câu chuyện ca ngợi người thiếu niên anh hùng Trần Quốc Toản tuổi nhỏ, chí lớn, giàu lòng yêu nước, căm thù giặc.

– *Lượm* là bài thơ viết về một chú bé liên lạc đưa thư qua các mặt trận trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Chú bé Lượm trong bài thơ thật ngộ nghĩnh, đáng yêu và dũng cảm.

Qua các bài tập đọc, học sinh được rèn kĩ năng đọc mạch lạc toàn bài ; biết nghỉ hơi đúng sau các dấu câu trong bài văn, sau mỗi khổ thơ ; hiểu nội dung bài văn, bài thơ.

② Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ : *Từ ngữ chỉ nghề nghiệp*. Biết được những từ chỉ nghề nghiệp, những từ nói lên phẩm chất của nhân dân Việt Nam. Biết đặt câu với những từ tìm được.

③ Tập làm văn

– Biết đáp lời an ủi trong tình huống giao tiếp đơn giản.

– Viết được một đoạn văn ngắn kể về một việc tốt của em hoặc của bạn em.

I – TẬP ĐỌC**Bóp nát quả cam**

1. Trần Quốc Toản xin gặp Vua để làm gì ?

- Gặp Vua để thoả chí tò mò của một cậu thiếu niên.
- Gặp Vua để gặp các quan lại trong triều.
- Gặp Vua để nói hai tiếng “xin đánh” quân Nguyên.

2. Trần Quốc Toản vô tình bóp nát quả cam vì điều gì ?

- Bị Vua xem như trẻ con.

- b. Lòng căm giận khi nghĩ đến quân Nguyên.
- c. Được Vua khen ngợi.

Lượm

3. Ghi lại những nét ngộ nghĩnh, đáng yêu của Lượm ở hai khổ thơ đầu :

.....

.....

.....

4. Lượm làm nhiệm vụ gì ?

- a. Lượm đi tìm các chú bộ đội.
- b. Lượm vui chơi trên cánh đồng lúa.
- c. Lượm đưa thư khẩn cho các chú bộ đội đang chiến đấu ở ngoài mặt trận.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Ghi lại những từ chỉ phẩm chất của nhân dân ta trong các câu thơ sau :

- a) *Dân ta gan dạ, anh hùng*
Trẻ làm đuốc sống, già xông lửa đồn.

- b) *Ôi Việt Nam xứ sở lạ lùng*
Đến em thơ cũng hoá những anh hùng.

.....

.....

2. Đặt một câu với một trong số các từ em vừa tìm được ở bài tập 2.

.....

.....

III – TẬP LÀM VĂN

1. Nói và ghi lại lời đáp của em trong các trường hợp sau :

<i>Trường hợp</i>	<i>Lời đáp</i>
Em rất tiếc vì rơi mất chiếc bút viết. Bạn em nói : “Đừng buồn, có thể bạn nào đó nhặt được đang tìm người trả lại”.	...
Em đang buồn vì bị ốm không đi học được. Bạn đến thăm và nói : “Đừng buồn, bạn cố gắng ăn được, uống sữa, uống thuốc là sẽ mau khỏi thôi !”	...
Em buồn vì kết quả học kì I chưa được tốt. Cô giáo an ủi : “Đừng buồn, nếu cố gắng, học kì II em sẽ đạt kết quả tốt”.	...

2. Hãy viết một đoạn văn ngắn (3 – 4 câu) kể một việc tốt của em (hoặc của bạn em).

Gợi ý : – Chép bài giúp bạn khi bạn bị ốm.

– Giúp bạn giải bài toán khó.

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

① Tập đọc

– *Người làm đồ chơi* : Bài văn cho thấy tấm lòng nhân hậu, tình cảm quý trọng của bạn nhỏ đối với bác hàng xóm làm nghề nặn đồ chơi.

– *Đàn bê của anh Hồ Giáo* : Qua bài đọc, thấy được hình ảnh rất đẹp, rất đáng kính trọng của Anh hùng Lao động Hồ Giáo.

Qua các bài tập đọc, học sinh được rèn kĩ năng đọc mạch lạc toàn bài ; biết nghỉ hơi đúng sau các dấu câu trong bài văn ; hiểu nội dung của bài văn, bài thơ.

② Luyện từ và câu

– *Từ trái nghĩa* : Biết giải nghĩa từ bằng từ trái nghĩa với nó.

– *Mở rộng vốn từ* : *Từ ngữ chỉ nghề nghiệp*. Biết ghép từ chỉ nghề nghiệp với công việc tương ứng.

③ Tập làm văn

– Biết kể ngắn về người thân.

– Viết lại được những điều đã kể thành một đoạn văn ngắn.

I – TẬP ĐỌC

Người làm đồ chơi

1. Ghi lại những từ ngữ cho thấy các bạn nhỏ rất thích đồ chơi của bác Nhân :

.....

.....

.....

.....

2. Bạn nhỏ đã làm gì để bác Nhân vui trong buổi bán hàng cuối cùng ?

a. Lấy tiền tiết kiệm trong lợn đất mua đồ chơi của bác.

- b. Lấy tiền tiết kiệm trong lợn đất nhờ các bạn trong lớp mua đồ chơi của bác.
- c. Ngắm nghía các con vật ngộ nghĩnh được nặn bằng bột màu.

Đàn bê của anh Hồ Giáo

3. Những từ ngữ nào dưới đây cho thấy cảnh bầu trời mùa xuân trên đồng cỏ Ba Vì rất đẹp :
 - a. Bầu trời cao vút, trập trùng, những đám mây trắng.
 - b. Bầu trời trong xanh, cao lồng lộng.
 - c. Bầu trời xanh ngắt, mây trắng bông bênh.
4. Những từ ngữ, hình ảnh nào thể hiện tình cảm của đàn bê với anh Hồ Giáo :
 - a. Đàn bê cứ quần vào chân anh Hồ Giáo.
 - b. Dụi mõm vào người anh nũng nịu.
 - c. Có con còn sấn vào lòng anh, quơ quơ đôi chân lên như là đòi bế.
 - d. Tất cả các ý trên (a, b, c).

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Dựa vào nội dung bài *Đàn bê của anh Hồ Giáo*, tìm từ trái nghĩa với từ ở cột A, rồi điền vào cột B :

A	B
những con bê cái	những con bê...
những bé gái	những bé...
rụt rè	...
(ăn) nhỏ nhẹ, từ tốn	(ăn)

2. Tìm từ trái nghĩa với các từ sau :

<i>Từ</i>	<i>Từ trái nghĩa</i>
đầu tiên	...
kính trọng	...
dũng cảm	...
hiền lành	...
biến mất	...

3. Gạch dưới những từ trái nghĩa trong các câu thơ sau :

- a) *Cua ngoi lên bờ*
Mẹ em xuống cấy.

(Trần Đăng Khoa)

- b) *Con mong mẹ khoẻ dần dần*
Ngày ăn ngon miệng, đêm nằm ngủ say.

(Trần Đăng Khoa)

III – TẬP LÀM VĂN

1. Hãy kể về người thân của em (bố, mẹ, chú, dì,...) theo các câu hỏi gợi ý sau :

- a) Bố (mẹ,...) của em làm nghề gì ?
b) Hằng ngày, bố (mẹ,...) làm những việc gì ?
c) Những việc làm ấy có lợi ích như thế nào ?

2. Viết lại những điều em đã kể ở bài tập 1 vào vở.

Tuần 35

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

Ôn tập các kiến thức và kĩ năng đã học từ tuần 28 đến tuần 34.

1. Ghi lại tên những bài tập đọc đã học từ tuần 28 đến tuần 34.

Số thứ tự	Tên bài	Tác giả
1	...	...

2. Ghi lại một đoạn thơ hoặc bài thơ mà em thích trong các bài trên.

3. Dựa vào các bài tập đọc trên, hãy trả lời các câu hỏi sau :

- Truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* nhằm giải thích hiện tượng gì trong thiên nhiên ?
- Truyện ngụ ngôn *Kho báu* khuyên chúng ta điều gì ?
- Bài thơ *Cháu nhớ Bác Hồ* nói lên tình cảm của bạn nhỏ miền Nam đối với Bác như thế nào ?

4. Xếp các bài văn, bài thơ đã được ghi ra ở bài tập 1 vào ô trống thích hợp trong bảng sau :

<i>Ca ngợi tinh thần lao động quên mình vì công việc</i>	<i>Ca ngợi những con người giàu lòng yêu nước, thương dân</i>
...	...

5. Tìm các từ chỉ màu sắc trong đoạn thơ dưới đây :

Hoa cà tím tím

Hoa mướp vàng vàng

Hoa lựu chói chang

Đỏ như đóm lửa

Hoa vòng nho nhỏ

Hoa đỗ xinh xinh

Hoa mạn trắng tinh

Rung rinh trong gió

Này các bạn nhỏ

Đừng hái hoa tươi

Hoa yêu mọi người

Nên hoa kết trái.

(Thu Hà)

6. Sắp xếp các từ dưới đây thành từng cặp từ trái nghĩa :
thấp, trong, trên, nhiều, ít, dưới, ngoài, cao.

7. Đặt câu hỏi có cụm từ *Ở đâu ? Như thế nào ?* cho những câu sau :

a) Hồ Hoàn Kiếm là một thắng cảnh nổi tiếng ở Hà Nội.

b) *Con yêu mẹ bằng ông trời
Con yêu mẹ bằng trường học*

(Xuân Quỳnh)

8. Đặt câu hỏi có cụm từ *Vì sao ? Để làm gì ?* cho những câu sau :

a) Thuỷ Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh vì ghen tức.

b) *Hàm răng là để mà cười
Cái tai là để nghe lời rao kem
Cái đầu để đội mũ len
Đôi mắt để thấy người quen mà chào
Má tròn để mẹ thơm vào
Bàn tay để biết bạn nào sạch hơn !*

(Vương Trọng)

9. Điền dấu câu đã học vào những ô trống cho thích hợp :

Mùa xuân ☐ phượng ra lá ☐ Lá xanh um ☐ mát rượi ☐ ngon lành
như lá me non ☐ Lá ban đầu xếp lại ☐ còn e ấp ☐ dần dần xoè ra
cho gió đưa đẩy ☐ Lòng học trò phơi phới làm sao ☐ Cậu chăm lo học
hành ☐ rồi lâu cũng vô tâm quên màu lá phượng ☐

Một hôm ☐ bỗng đâu trên những cành cây báo ra một tin thầm : mùa
hoa phượng bắt đầu ☐ Đến giờ chơi ☐ học trò ngạc nhiên nhìn trông :
hoa nở lúc nào mà bất ngờ dữ vậy ☐

(Xuân Diệu)

10. Ghi lại lời đáp của em trong những trường hợp sau :

a) Các bạn trong lớp chúc mừng em đạt học sinh giỏi.

b) Em định trèo cây ổi hái quả. Bạn em bảo : “Bạn không nên trèo. Ngã đấy !”.

c) Em bị vấp ngã. Bạn chạy đến đỡ em dậy. Bạn nói : “Bạn đau lắm
phải không ?”.

d) Em hát cho bố mẹ nghe. Bố em khen : “Con hát hay, múa dẻo quá !”.

Phần II

GIẢI ĐÁP – GỢI Ý

Tuần 1

I – TẬP ĐỌC

1. c ; 2. a ; 3. b ; 4. c.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tên các sự vật : cô bé ; gấu bông, đôi giày, quả bóng, cái ô, đèn bàn, bức tranh, cái kệ ; quyển vở, cặp sách, bút chì, cục tẩy, bút chì màu, thước kẻ, hộp bút,...

2. a) bút mực b) phấn trắng

3. a) Mẹ mua cho em một chiếc bút mực màu đỏ.

b) Phấn trắng dùng để viết chữ lên bảng.

4. a) con cò / con mèo

b) Con cò đang bay. / Con mèo nằm cạnh chum nước.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Cần đảm bảo đầy đủ nội dung của một bản tự thuật theo mẫu đã học.

2. Ví dụ : Chuyện một bạn làm đổ lọ hoa trên bàn của cô giáo.

Hôm nay, trên bàn cô giáo có một lọ hoa hồng rất đẹp. Bạn Lan cứ đứng ngắm lọ hoa. Đột nhiên bạn Tùng chạy đến, mất đà xô vào bạn Lan. Bạn Lan ngã, va vào bàn làm lọ hoa bị đổ. Hai bạn đã rất buồn vì sợ cô giáo mắng.

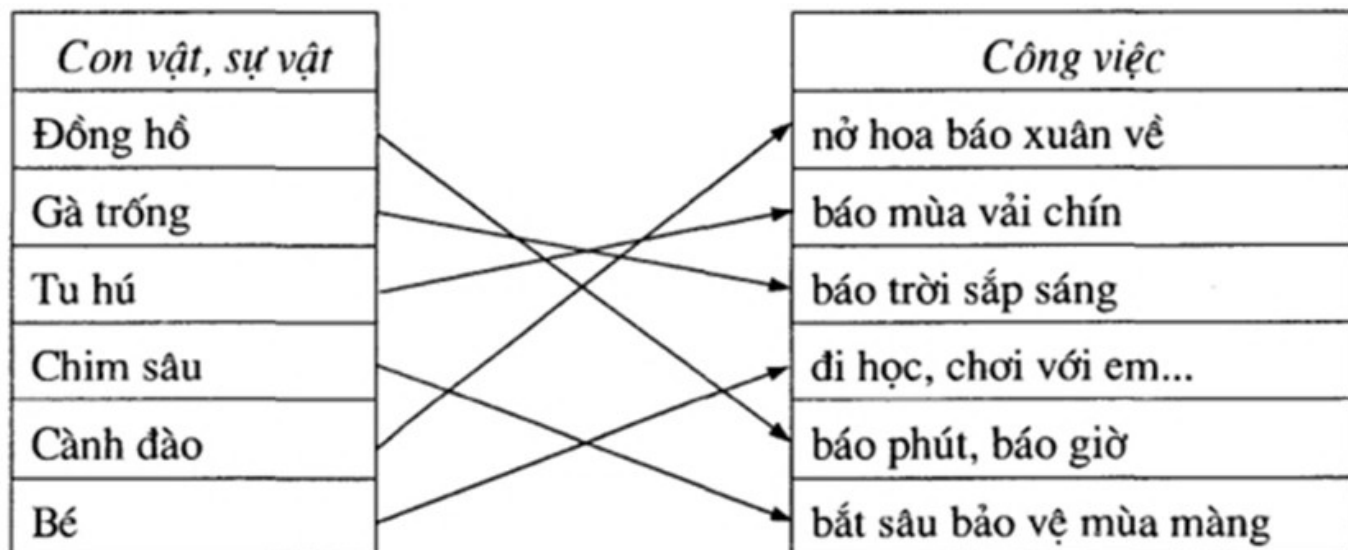
Tuần 2

I – TẬP ĐỌC

1. c ;

2. b.

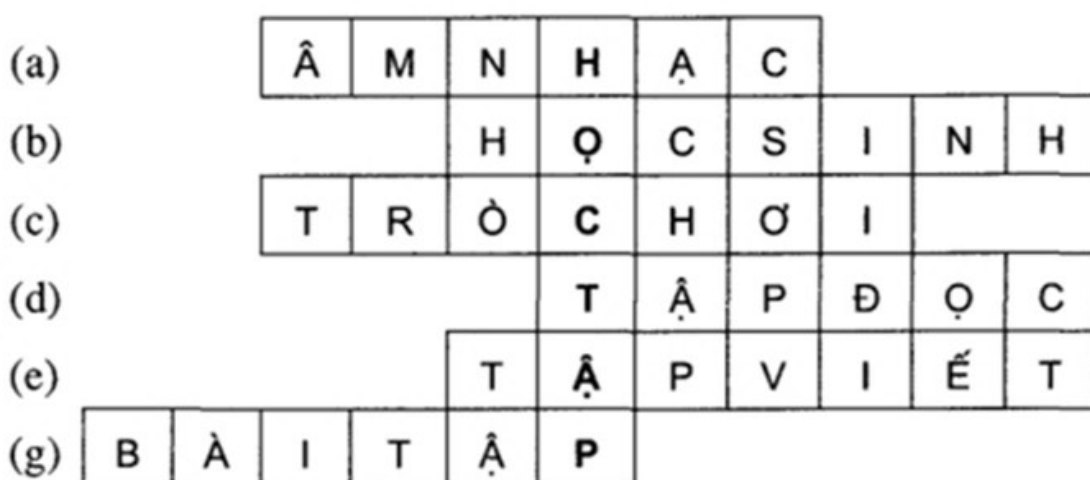
3.



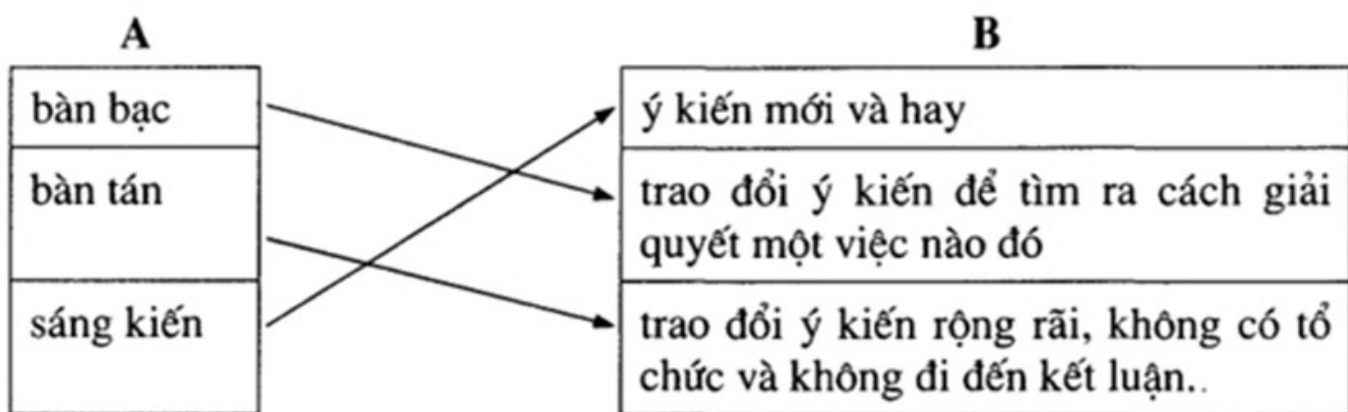
4. a.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1.



2.



3. a ;

4. c.

III – TẬP LÀM VĂN

1. a) Năm nay, em học lớp mấy ?

b) Em học lớp 2.

c) Ai đưa em đi học ?

d) Mẹ em đưa em đi học.

e) Mẹ em tên là gì ?

g) Nhà em ở đâu ?

h) Em thích học môn nào ?

i) Em thích học môn Tiếng Việt.

2. – Chào bạn. Tớ là Nam.

– *Chào bạn. Tớ tên là Long.*

– Tớ đi cùng với mẹ. Bạn học lớp mấy ?

– *Tớ học lớp 2.*

– Tớ cũng học lớp 2. Bạn có thích xem truyện tranh không ?

– *Có chứ ? Tớ rất thích.*

– Thế à ? Chúng mình kết bạn nhé.

Tuần 3

I – TẬP ĐỌC

1. c ;

2. b ;

3. b ;

4. a.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. ngôi sao, bầu trời, bé, bà, gió, thung (thung lũng), con chim, ngọn cây, núi, chăn mây, quả sim, vệ đường.

2. a) xe đạp, xe máy, xe lam, xe bò, xe trâu, xe ngựa.

b) cây tre, cây lúa, cây lau, cây ngô, cây mít, cây mía.

c) con trâu, con bộ ngựa, con lợn, con gà, con chuồn chuồn, con vượn.

3. a) Bố em là bác sĩ.

b) Nam là bạn thân của em.

c) Mèo là kẻ thù của họ nhà chuột.

d) Sách vở là bạn thân của học sinh.

4. Ông em là thợ gốm. Ông là một nghệ nhân. Cháu sẽ là một nghệ nhân tương lai của làng gốm này đây.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Thứ tự sắp xếp đúng là : (2) – (1) – (4) – (3).

(2) Mẹ bảo Khăn Đỏ mang biếu bà một ít bánh.

(1) Cô bé mãi hái hoa đuổi bướm mà quên mang bánh đến biếu bà.

(4) Gần tối, Khăn Đỏ mới đến nhà bà.

(3) Bà đã bị lão Sói già ăn thịt.

2. Bạn Nam đã sắp xếp sai các cột thông tin. Thứ tự đúng là : Số thứ tự – Họ và tên – Ngày, tháng, năm sinh – Nam/ nữ – Nơi ở.

Tuần 4

I – TẬP ĐỌC

1. a ; 2. b ; 3. c ; 4. a.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. – Từ chỉ đồ vật : cái búa, con dao, cái ô, cái gùi.

– Từ chỉ con vật : con vịt, con cào cào, con chuồn chuồn, con chim, con gà.

– Từ chỉ cây cối : cây trầu, cây cỏ.

– Từ chỉ người : em bé, cô gái, cậu bé.

2. a) đầu xuân, cuối xuân, hôm qua, sáng nay. b) chiều, tối, đêm.

3. năm, tháng, tuần, ngày.

4. b.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Điền vào chỗ trống lời cảm ơn hoặc xin lỗi :

- *Xin lỗi.* Cho cháu hỏi thăm đường đến Hồ Gươm ạ !
- Cháu đi theo đường này nhé. Đi thẳng là tới ngay thôi.
- Dạ, cháu cảm ơn bác ạ.
- *Xin lỗi chị.* Em không cố ý làm rơi đồ của chị. Để em nhặt giúp chị.
- Không sao đâu. *Cảm ơn em.*

(Gọi điện thoại)

- A lô, *cháu chào cô ạ*, cho cháu gặp bạn Lan ạ.
 - Cháu chờ máy nhé. Để cô đi gọi Lan.
 - Dạ, *cháu cảm ơn cô.*
2. – Cháu xin bà. Cháu cảm ơn bà ạ.
- Dạ, em xin thầy ạ. Em cảm ơn thầy.

Tuần 5

I – TẬP ĐỌC

1. a ; 2. c ; 3. c ; 4. c.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Hoa, Phú Thọ, Đền Hùng.
2. Đèo Gió, Đèo Giàng, Cao Bắc, Cao Bằng.
3. – Mẹ em là cô giáo.
 - Anh trai em là sinh viên.
 - Ông nội em là cựu chiến binh.
4. – Cửa sổ là mắt của nhà.
 - Cửa sổ là bạn của người.

III – TẬP LÀM VĂN

1. – Tôi là Thỏ.
 - Tôi là Nai.
2. Ví dụ : Chó Bi của em.

Tuần 6

I – TẬP ĐỌC

1. a ; 2. b ; 3. b ; 4. a.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. a) Con mèo nhà em / là mèo tam thể.
b) Cây hồng xiêm nhà em / là giống hồng xiêm Xuân Đình.
c) Bạn Quang / là bạn thân nhất của em.
2. – Khánh Linh là lớp trưởng lớp em.
– Bạn Quang là học sinh học giỏi nhất lớp.
– Bạn Lan là lớp phó học tập.
3. – Thế thì làm sao con biết / Là trời ở những đâu đâu.
4. a) thước kẻ ; b) hộp bút ; c) phấn ; d) gọt bút chì.

III – TẬP LÀM VĂN

1. – Vua Quang Trung được gọi là anh hùng áo vải.
– Chị Võ Thị Sáu là người nữ anh hùng của miền đất đỏ.
– Lê Lợi là người đã đứng lên lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
2. M : *Tớ biết bơi.*
Cách 1 : Tớ mà không biết bơi à ?
Cách 2 : Sao tớ lại không biết bơi ?
Cách 3 : Không thể có chuyện tớ không biết bơi.
a) – Trong lớp, không ai học giỏi hơn bạn Nam.
– Làm gì có ai trong lớp học giỏi hơn bạn Nam.
– Không bao giờ bạn Nam đứng thứ nhì trong lớp.
b) – Không bao giờ bạn Hoa không thuộc bài.
– Không có chuyện bạn Hoa không thuộc bài.
– Bạn Hoa mà không thuộc bài à ?

Tuần 7

I – TẬP ĐỌC

1. b ; 2. a ; 3. c ; 4. a.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1.

- Hoạt động của cô giáo : đến, mỉm cười, dạy, giảng, cho.
- Hoạt động của học sinh : đến, chào, tập viết, học bài, ngắm.

2.

<i>Hoạt động của học sinh</i>	<i>Luyện đọc</i>	<i>Luyện viết chữ</i>	<i>Thể dục nhịp điệu</i>	<i>Tập hát</i>	<i>Tập làm phép tính</i>
Môn học	Tập đọc	Tập viết	Thể dục	Âm nhạc	Toán

3.

- Bạn gái đang nhảy dây.
- Em vẽ tranh.
- Bạn trai đang đọc sách.

4.

- a) Hằng ngày, mẹ đưa em đến trường, bố đón em về.
- b) Buổi sáng, vườn nhà bà nội em luôn ríu rít tiếng chim. Nào là chim sâu, chích choè, chào mào.

III – TẬP LÀM VĂN

1.

*Sáng nào em đến lớp
Cũng thấy cô đến rồi
Đáp lời : “Chào cô ạ !”
Cô mỉm cười thật tươi.*

2. (1) Đọc thời khoá biểu của hôm sau xem có những môn học nào.
(2) Soạn sách giáo khoa của các môn học theo thời khoá biểu.

- (3) Soạn các cuốn vở viết của các môn học theo thời khoá biểu.
- (4) Soạn đồ dùng học tập của các môn học theo thời khoá biểu.
- (5) Soạn đủ đồ dùng học tập chung : bút mực, bút chì, thước kẻ, bảng đen, phấn,...

Tuần 8

I – TẬP ĐỌC

1. c ; 2. Cô giáo nói với bác bảo vệ nhẹ tay ; ...
3. a ; 4. b.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Từ chỉ hoạt động, trạng thái của người, sự vật : *ngủ dậy, thêm, xinh, thức.*
2. Con Mèo mà *trèo* cây cau
Hỏi thăm chú Chuột đi đâu vắng nhà
 Chú Chuột *đi* chợ đường xa
 Mua mắm, *mua* muối giỗ cha con Mèo.
3. Điền dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong các câu sau :
 - a) Mảnh vườn nhỏ của bà tôi có rau, hoa, giàn dưa chuột.
 - b) Nhà em có bốn người : bà nội, bố, mẹ, em.
 - c) Em rất thích đọc truyện, vẽ tranh và học Toán.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Hãy nói lời của em trong các tình huống sau :
 - a) Mai cậu đến dự sinh nhật tớ cho vui nhé !
 - b) Bạn ơi, bạn đừng vứt rác bừa bãi như thế. Bạn mang bỏ vào sọt rác đi.
 Chỉ cần chịu khó một chút thôi mà lớp mình sẽ sạch hơn.
 - c) Bạn mở giúp tớ cái cặp với. Tớ mở mãi mà không được. Tớ cảm ơn cậu.
 - d) Sao bạn lại vẽ bậy ra bàn như vậy. Chúng mình phải giữ cho bàn ghế luôn sạch đẹp chứ. Bạn hãy vẽ lên giấy nhé.
2. Học sinh chọn một câu chuyện và kể lại theo yêu cầu của đề bài.

Tuần 9

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

1. a ; 2. a ; 3. c ; 4. a.
5. – Bạn Lan hát rất hay.
– Bạn Quang học rất giỏi.
– Bạn Thu là bạn thân của em.
6. cặp sách, bút chì, bút chì màu, thước kẻ, quyển vở, ê ke.
7. b.
8. *Gợi ý* : – Em tên là gì ? – Em tên là Vũ Phương Nam.
– Em sinh ngày, tháng, năm nào ? – Em sinh ngày 4 tháng 10 năm 2002.
– Em học lớp mấy, trường nào ? – Em học lớp 2C, Trường Tiểu học Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội.
– Em thích xem phim hoạt hình, xem kênh VTV2, đọc sách, đi bơi. Em thích học môn Tự nhiên và Xã hội
– Em ước mơ được trở thành bác sĩ.
9. Học sinh tự viết. *Gợi ý* :
– Cô giáo dạy em hồi lớp 1 tên là gì ?
– Cô bao nhiêu tuổi ?
– Cô giáo đối với các em ra sao ? Em nhớ lại những cử chỉ, lời nói ân cần mà cô đã dành cho các em (an ủi em những ngày đầu tiên đi học ; dạy em đọc, viết ; dạy em lời thưa gửi, nhắc em giữ gìn vệ sinh,...).

Tuần 10

I – TẬP ĐỌC

1. b ; 2. a ; 3. c ; 4. a.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. a) chú ; b) thím ; c) cậu ; d) mợ ; e) bác ; g) cô ; h) dì.
2. ông bà, cháu con, bố, mẹ.

3. Hôm nay em đến nhà bạn Liên chơi. Nhà bạn Liên rất đẹp. Em bấm chuông, bác làm vườn ra mở cổng. Bác hỏi em :

– Cháu hỏi ai ?

– Dạ, bác cho cháu gặp bạn Liên.

Bác mở cổng rồi mời em vào nhà. Liên chạy ra tíu tít :

– Ôi, Hoa à ! Cậu đến lâu chưa ? Sao không gọi trước cho mình ?

Rồi Liên kéo em lên phòng học của bạn ấy. Cái gì cũng đẹp. Liên bảo :

– Cậu thấy góc học tập của tớ đẹp không ? Tớ có nhiều sách truyện lắm đấy. Cậu thích cuốn nào tớ sẽ tặng cậu cuốn ấy.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Học sinh tự viết.

2. Học sinh tự viết.

Ví dụ : Năm nay, bà em đã già. Lưng bà đã còng rồi vì bà từng phải làm việc rất vất vả. Bà em vẫn sống ở quê. Bà rất hiền. Bà mong muốn em chăm ngoan, học giỏi. Em rất thương bà.

Tuần 11

I – TẬP ĐỌC

1. c ; 2. b ; 3. c ; 4. b.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. luộc khoai, giã gạo, thổi cơm, nhổ cỏ vườn, quét sân và quét cổng.

2. b.

3. a) nồi, chảo, bát, đĩa, chậu, ấm,... ; b) mũ bảo hiểm, cặp, túi xách, cày, cuốc,... ; c) ấm chén, bàn ghế, lọ hoa,...

4. 1 – b ; 2 – d ; 3 – e ; 4 – c ; 5 – a.

III – TẬP LÀM VĂN

1. a) Bạn đừng buồn. Bài sau bạn hãy làm bài cẩn thận hơn, học bài kĩ hơn.

b) Ban đừng buồn. Mẹ bạn sẽ nhanh khỏi thôi.

c) Ban có mệt lắm không ? Chiu khó ăn uống nhé. Sẽ nhanh khỏi thôi mà.

2. Ông ơi, ông có đau lắm không ? Chắc sẽ nhanh khỏi ông nhỉ ? Khi nào đau quá ông nói “Không đau, không đau” là hết đau ngay thôi. Ông đừng làm việc nặng nhé. Có việc gì cần ông gọi cháu nhé.

Tuần 12

I – TẬP ĐỌC

1. b.

2. Học sinh tư viết.

3. b :

4. c.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. a) thương ; b) đùm bọc ; c) yêu.

2. a) Buổi sáng, em phải dậy sớm để đi học.

b) Năm em 7 tuổi, bố mẹ đã cho em đi chơi ở Tuần Châu.

c) Em có ba người bạn thân là Hằng, Thu và Lan.

III – TẬP LÀM VĂN

1. a.

2. Học sinh tự làm.

Tuần 13

I – TẬP ĐỌC

1. Nhân vật *Chi* nối với ý thứ 3 và thứ 5. Nhân vật *cô giáo* nối với 3 ý còn lại.

2. Điều muốn nói với Chi : là sự cảm phục, chia sẻ với một học trò ngoan, một người con hiếu thảo.

3. d ;

4. c.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Các từ chỉ hoạt động (công việc gia đình) trong đoạn văn : làm việc, làm bài, đi học, quét nhà, nhặt rau, chơi với em.
2. Kể được một vài công việc chính mẹ thường làm hằng ngày.
3. Bộ phận câu trả lời câu hỏi *Ai ? Làm gì ?*

<i>Ai ?</i>	<i>Làm gì ?</i>
Chú mèo mướp	ngồi rình con chuột chù trong góc nhà
Đàn trâu	lững thững về chuồng
Bé	đang học bài
Hai chị em Hoa	cùng quét dọn nhà cửa giúp mẹ

4. Có thể ghép được nhiều hơn 2 câu dưới đây :

- a) Mẹ ru em ngủ.
- b) Bà khâu áo.

III – TẬP LÀM VĂN

Em có thể dựa vào câu hỏi gợi ý, trả lời câu hỏi, sau đó viết lại các câu trả lời đó ở bài tập 2.

Tuần 14

I – TẬP ĐỌC

1. b ;
2. c.
3. Chị Nga và bạn Hà nhắn tin cho Linh. Nhắn tin bằng cách viết ra giấy.
4. Mang cho Linh bộ que chuyền ; nhắn Linh mai đi học nhớ mang vở bài hát cho Hà mượn.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Từ : *ngấm ngấm, ăn uống.*
2. Đặt câu : Ví dụ : Anh em ruột thịt phải yêu thương nhau.

3. Từ chỉ tình cảm anh chị em có thể thay thế cho nhau :

Anh em phải yêu thương nhau.

Anh em phải nhường nhịn nhau.

4. Điền dấu câu : ô trống số 1 : dấu chấm ; số 2 : dấu chấm ; số 3 : dấu chấm hỏi ; số 4 : dấu chấm.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Trả lời câu hỏi :

Bạn gái trong tranh đang ngồi học bài. Bạn giơ tay chào một bạn trai đeo cặp sách đi qua cửa. Tóc bạn gái buộc thành hai bím rất xinh. Bộ quần áo bạn mặc rất đẹp. Bạn trai đi qua cửa nhà cười tươi chào bạn gái. Hai bạn chào nhau rất vui vẻ.

2. Tin nhắn để bố mẹ biết :

Bố mẹ ơi, con và các bạn ở lớp đến nhà bạn Nam thăm bạn ấy bị ốm. 4 giờ chiều con sẽ về ạ.

Tuần 15

I – TẬP ĐỌC

1. Sáng hôm sau, trên cánh đồng, hai anh em vẫn thấy hai đồng lúa bằng nhau.

2. c ; 3. d ; 4. c.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Từ cần điền theo thứ tự : vàng óng, nhỏ nhắn, đỏ thắm, đỏ tươi, trắng muốt.

2. Nói :

Tiếng hót của Hoa Mi *nối* với du dương, thánh thót.

Cái đuôi của cún con *nối* với ngắn ngủn.

Những ngón tay *nối* với thon dài, xinh xắn.

Ông mặt trời *nối* với toả ánh hào quang rực rỡ.

Đôi mắt của mèo mướp *nổi* với long lanh, xanh lét.

Từng quả nho *nổi* với căng mọng, tím ngắt.

3. Tách mỗi câu thành hai bộ phận vào bảng :

<i>Ai ?</i>	<i>Thế nào ?</i>
Em Nu	trông thật đáng yêu
Mặt em	trắng hồng, bầu bĩnh
Tóc em	mềm mượt, lơ thơ
Môi em	đỏ hồng, chúm chím
Mắt em	đen láy, trong veo

III – TẬP LÀM VĂN

1. Ví dụ : Chúc mừng bạn nhân ngày sinh nhật. Chúc bạn học giỏi.

2. Viết được từ 3 – 4 câu kể về một người anh chị em ruột hoặc họ hàng.

Tuần 16

I – TẬP ĐỌC

1. d.

2. Vì Cún đã làm Bé vui mà quên đi cái đau nên mau lành bệnh.

3. a.

4. Đối chiếu với bạn Phương Thảo, em bổ sung thêm hoạt động trong thời gian biểu của mình.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. *Nổi* xinh đẹp với xấu xí ; cẩn thận với cẩu thả ; hiền lành với hung dữ ; gầy còm với béo tốt.

2. Cặp từ trái nghĩa : ngoan/ hư ; khéo léo/ vụng về ; dũng cảm/ hèn nhát.

3. Đặt câu. Ví dụ : Ong là con vật *chăm chỉ*. Ve là con vật *lười biếng*.

4. Viết 1 câu theo kiểu *Ai (cái gì, con gì) thế nào ?*

Ví dụ : Quả bí vừa to vừa đẹp.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Miu cũng sạch sẽ lắm đấy. Nó rất chăm rửa mặt. Những lúc ăn xong hoặc cả những lúc rỗi rãi, Miu ta liếm vào hai bàn chân rồi xoa lên khắp mặt. Chắc nó nghĩ như thế là sạch lắm. Mỗi lần ngắm nó rửa mặt như vậy, tôi lại buồn cười và nhớ đến lời bài hát "meo meo meo rửa mặt như mèo, xấu xấu lắm chẳng được mẹ yêu...".
2. Em hãy liệt kê các công việc em làm trong buổi tối rồi sắp xếp theo thời gian để lập thành thời gian biểu buổi tối của mình.

Tuần 17

I – TẬP ĐỌC

1. *Chó* nối với ý thứ 5 ; Các ý còn lại nối với *mèo*.
2. *Mèo* và *chó* trong câu chuyện là những con vật vừa thông minh vừa tình nghĩa, thực sự là những người bạn quý của con người.
3. Nối các tín hiệu "*cúc ... cúc ... cúc*" với *Không có gì nguy hiểm đâu, các con cứ yên tâm mà kiếm mồi.*
"*cúc, cúc, cúc*" với *Các con ơi, lại đây mau, mồi ngon lắm !*
"*roóc, roóc*" với *Tai họa đang đến, các con hãy nấp mau !*
4. Bài văn giúp em hiểu các con vật cũng có tình cảm với nhau như con người. Gà mẹ cũng yêu thương bảo vệ các con của mình.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Leo trèo như khỉ ; tinh ranh như chuột ; đứng đỉnh như trâu nhai cỏ ; to như bò ; chậm như rùa ; nhanh như sóc.
2. Cách nói so sánh trong đoạn văn :
Lá một mặt xanh bóng, mặt kia đỏ hoe như mắt mẹ khóc chờ con. Cây xoà cành ôm cậu, như tay mẹ âu yếm vỗ về.

3. Điền tên con vật thích hợp vào chỗ trống để so sánh :

- | | |
|-----------------------|------------------------|
| – chậm như <i>rùa</i> | – nhanh như <i>cắt</i> |
| – béo như <i>lợn</i> | – ranh như <i>cáo</i> |
| – hôi như <i>cú</i> | – đen như <i>quạ</i> |

4. Đặt câu. Ví dụ : Anh Tuấn chê em An *chậm như rùa*.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Ví dụ : Ôi ! Hai chú đế trũi đen sì. Chúng đang nhìn mình này. Đẹp quá. Cảm ơn bạn nhiều.
2. Em viết các công việc thường làm vào ngày chủ nhật rồi sắp xếp theo thời gian để lập thời gian biểu chủ nhật của mình.

Tuần 18

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

1. e.
2. Khi yên bình, mẹ thong thả dẫn đàn con đi kiếm mồi. Vừa thoáng thấy bọn diều bọn quạ, gà mẹ đã dang rộng đôi cánh cho con trốn biến vào trong và ngẩng cao đầu trông chừng kẻ thù. Khi các con đã no nê, gà mẹ lại dang cánh che chở cho bầy con ngủ yên.
3. Ý nói cả đàn gà con núp dưới cánh mẹ, nhìn chỉ thấy chân. Đàn gà rất đông, xúm xít bên nhau trong đôi cánh mẹ.
4. Ngắt đoạn văn sau thành 6 câu rồi viết lại cho đúng chính tả :

Thỏ rất khéo tay, biết may quần áo. Bình thường, nếu có ai muốn may quần áo đều đến nhờ Thỏ giúp. Thoắt một cái mùa đông đã đến, mọi người đều tìm Thỏ để may quần áo mùa đông. Khi con muốn may một chiếc áo khoác bông. Anh Lợn muốn may áo khoác dày tránh nước mưa. Chị Sóc muốn có một chiếc khăn đẹp.

5. Những từ chỉ hoạt động trong bài văn :

Gia đình chim

Một ngày nọ có hai con chim sẽ không biết từ đâu bay đến, đậu trên cành cây và làm tổ ở khu vườn nhà bé Bi. Một con đi tìm rơm, còn con kia ở lại xây tổ. Thấy vậy, bé Bi chạy ra sau nhà lấy mấy cọng rơm để xuống sân. Con chim sẽ kia hình như hiểu bé Bi, nó bay xuống và dùng mỏ gấp mấy cọng rơm, rồi nghiêng cánh cảm ơn. Vài ngày sau con chim sẽ nọ để trứng. Hai quả trứng nho nhỏ. Một tháng trôi qua, hai quả trứng tròn nở thành hai chú chim sẽ dễ thương. Hai chú chim sẽ ngày ấy bây giờ lại là chim sẽ cha và chim sẽ mẹ. Bốn chú chim sẽ làm thành một gia đình hạnh phúc.

6. Ghi lại lời của em :

- Cô giáo đang giảng bài đấy, bạn đừng làm việc riêng nữa.
- Các bạn đừng nói chuyện nữa.
- Các bạn ơi, sao lại trêu em như vậy. Thôi, em nín đi, các anh ấy chỉ đùa em một chút thôi mà. Để anh đưa em về nhé.

7. Viết đoạn văn :

An là lớp trưởng của lớp tôi. An rất gương mẫu trước các bạn cùng lớp. Hằng ngày, An còn làm rất nhiều việc để giúp đỡ cha mẹ như làm việc nhà, trông em,...

Tuần 19

I – TẬP ĐỌC

- Nối *Mùa xuân* với các ý thứ 1, 3 ; *Mùa hạ* nối với 2 ý còn lại.
- Những chi tiết đúng với mùa thu : ý thứ 2, 3, 4.
- Câu thơ của Bác Hồ cũng là một câu hỏi. Ý nói : Bác Hồ yêu nhi đồng nhất, không ai yêu bằng.
- Cuối thư Bác viết : Hôn các cháu/ Hồ Chí Minh. Lời chào đó của Bác tràn đầy tình cảm yêu thương, âu yếm như tình cảm cha con, ông cháu.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tên mùa : mùa xuân ; mùa hạ ; mùa thu ; mùa đông.
2. Nối tên mùa với từ chỉ đặc điểm nổi bật của từng mùa :
Mùa xuân *nối với* ấm áp, dễ chịu, trăm hoa đua nở.
Mùa hạ *nối với* nóng nực, oi bức, hay mưa rào.
Mùa thu *nối với* mát mẻ, dễ chịu, nhiều loại quả chín.
Mùa đông *nối với* rét buốt, ít mưa rào, cây cối trụi lá.
3. Đặt câu hỏi với từ *Khi nào*.
 - a) Khi nào là Tết Trung thu ?
 - b) Khi nào là Tết của thiếu nhi ?
 - c) Khi nào khai giảng năm học ?
 - d) Khi nào học sinh được nghỉ hè ?
4. Viết câu trả lời :
 - a) Hoa phượng nở vào mùa hè.
 - b) Hoa đào (hoa mai) nở vào mùa xuân.
 - c) Tết Trung thu trẻ em rước đèn phá cỗ.
 - d) Trường em chào cờ vào thứ hai hằng tuần.
 - e) Khi được vào Đội, em sẽ được đeo khăn quàng đỏ.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Ví dụ : – Chào bạn. Mình là An. Thế thì chúng mình là hàng xóm của nhau rồi.
2. Viết lời đáp :
 - Chào em ! Cho anh hỏi đây có phải là xóm 3, thôn Đan không ?
 - Vâng ạ. Đây chính là xóm 3 đấy anh ạ.
 - May quá ! Em có biết nhà bác An ở xóm này không ?
 - Nhà bác An ở đằng kia anh ạ.
 - Anh là Sơn, cháu bác An.
 - Thế ạ. Em chưa gặp anh bao giờ.
 - Cảm ơn em nhé. Anh rất vui vì đã gặp em.

Tuần 20

I – TẬP ĐỌC

1. Ông Mạnh đã làm gì để chiến thắng Thần Gió ?

Nối ô chữ Ông Mạnh với các ý, trừ ý vào rùng chật củi.

2. d.

3. Nối ý Khi mùa xuân đến với các ý, trừ ý Vườn cây bắt đầu rụng lá.

4.

Hoa bưởi nồng nàn, hoa nhài ngọt, hoa cau thoảng qua. Những thím chích choè nhanh nhẩu, những chú khướu lắm điều, những anh chào mào đỏm dáng, những bác cu gáy trầm ngâm.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Viết tên mùa vào ô trống theo thứ tự : mùa đông ; mùa hạ ; mùa thu ; mùa xuân.

2. Có thể thay cụm từ *khi nào* bằng cụm từ *bao giờ*.

3. Đặt câu hỏi cho bộ phận gạch dưới.

– Khi nào mẹ bạn vui ?

– Bạn được bố cho về quê thăm ông bà nội bao giờ ?

– Bao giờ lớp bạn sẽ đi thăm lăng Bác ?

– Khi nào chú mèo mướp nhà bạn tròn 3 tuổi ?

4. Điền dấu chấm hoặc dấu chấm than vào từng ô trống trong đoạn văn sau cho phù hợp và viết lại cho đúng chính tả : ô trống số 1 : dấu chấm than ; số 2 : dấu chấm than ; số 3 : dấu chấm than ; số 4 : dấu chấm ; số 5 : dấu chấm than ; số 6 : dấu chấm than ; số 7 : dấu chấm.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Trả lời câu hỏi :

a) Mùa nước nổi là mùa có nước sông dâng lên từ từ, hiền hoà.

b) Bài văn tả mùa nước nổi ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Dựa vào các câu hỏi gợi ý để trả lời rồi viết lại các câu trả lời vào vở.

Ví dụ : Mùa đông bắt đầu từ tháng 10. Thời tiết mùa đông rất lạnh. Ai cũng phải mặc áo ấm. Cây cối trong mùa đông cũng trơ trụi, khẳng khiu vì rụng hết lá.

Tuần 21

I – TẬP ĐỌC

1. Nối *chim sơn ca* với ý thứ 2, 4 ; các ý còn lại nối với *bông cúc*.
2. Sơn ca đã chết, bông cúc bị héo khô vì sự vô tình của hai cậu bé. Em hết sức xót thương cho số phận của chim sơn ca, bông cúc và trách giận hai bạn nhỏ. Cái chết của sơn ca và cúc trắng đã cảnh tỉnh những bạn nhỏ vô tình kia rồi. Mong các bạn của sơn ca và cúc trắng sẽ không phải chịu đau thương, bất hạnh như thế.
3. Em đọc bài thơ để nối tên loài chim với đặc điểm của nó.
4. Kể tên các loài chim em biết (kể cả biết trong sách báo, ti vi).

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

<i>Dựa theo hình dáng</i>	<i>Dựa theo tiếng kêu</i>	<i>Dựa theo cách kiếm ăn</i>
chim lợn, chim cánh cụt, cú mèo	quạ, cuốc, tu hú, chim khách, chích choè	gõ kiến, chim sâu

2. Em cần trả lời theo những gì em biết.
3. – Chiều nay lớp tôi lao động ở vườn trường.
 - Chị Mai làm việc ở Công an quận.
 - Ngày mai, ông nội đi họp ở uỷ ban xã.
 - Con trâu đang đằm dưới ao.
4. – Bố bạn đóng quân ở đâu ?
 - Mẹ bạn làm việc ở đâu ?
 - Ông bà nội của bạn sống ở đâu ?
 - Chú Tư của bạn làm việc ở đâu ?

III – TẬP LÀM VĂN

1. a) Không có gì đâu bác ạ. Ai cũng sẽ làm như cháu thôi.
b) Không có gì đâu cô ạ.
2. a) Câu tả hình dáng của chú chim gáy : Cổ chú điểm những đốm cườm trắng rất đẹp.
b) Những câu tả hoạt động của chú chim gáy : Một chú chim gáy sà xuống chân ruộng vừa gặt. Chú nhả nha nhặt thóc rơi bên từng gốc rạ. Thỉnh thoảng, chú cất tiếng gáy “cúc cù ... cu” làm cho cánh đồng quê thêm yên ả.
c) Em cần chọn một loài chim mà em thích, rồi viết 2 – 3 câu về nó.

Tuần 22

I – TẬP ĐỌC

1. Đánh số thứ tự 1; 4; 2; 5; 3; 6.
2. Chọn nhân vật em thích trong câu chuyện và giải thích vì sao.
3. c.
4. Có thể đặt cho câu chuyện một cái tên khác. Ví dụ : Điều ngạc nhiên/ Điều giản dị/ Chuyện của Cò và Cuốc.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1.

<i>Chim ăn thóc</i>	<i>Chim ăn sâu</i>	<i>Chim ăn quả</i>	<i>Chim ăn thịt</i>	<i>Chim có giọng hót hay</i>	<i>Chim có bộ lông sắc sỡ</i>
chim sẻ	chim sâu	chim sáo	đại bàng	hoạ mi	thiên đường

2. a) Quang quác như quạ khoang.
b) Đen như quạ.
c) Nói như vẹt.

3. Các dấu câu cần điền là : ô trống số 1 : dấu chấm ; số 2 : dấu phẩy ; số 3 : dấu chấm ; số 4 : dấu chấm ; số 5 : dấu phẩy ; số 6 : dấu chấm.

III – TẬP LÀM VĂN

1. a) Thôi được rồi nhưng mai bạn nhớ đừng có quên thêm một lần nữa đấy nhé.
b) Mình biết bạn không cố ý nhưng lần sau bạn phải cẩn thận hơn đấy.
2. Thứ tự của các câu văn : d, c, b, a, e.

Tuần 23

I – TẬP ĐỌC

1. Ngựa lại giả vờ đau ở chân sau vì đá hậu vốn là miếng đá hiểm, là sở trường của ngựa.
2. Tất cả các ý trả lời trên.
3. Em cần đọc lại nội quy để nối cho đúng.
4. Sau bài đọc này, em muốn nói với các chú khỉ trên Đảo Khỉ rằng : các chú Khỉ hãy yên tâm vì nội quy đã quy định rất rõ ràng. Các điều trong nội quy đều bảo vệ các bạn.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Loài thú nguy hiểm như : hổ, báo, gấu, ...
Loài thú không nguy hiểm : hươu, nai, sóc, khỉ, ...
2. a) Con ngựa phi như bay.
b) Con thỏ chạy như tên bắn.
c) Con sư tử trông rất dữ tợn.
d) Con nai trông rất đáng yêu.
3. a) Chú khỉ nâu chuyển từ cành cây này sang cành cây khác như thế nào ?
b) Con cáo là con vật như thế nào ?
c) Con hổ trông như thế nào ?
d) Con hươu trông như thế nào ?
e) Con lợn lòi trông như thế nào ?

4. Theo em, các con vật trong bài thơ được phân nhiệm vụ rất phù hợp. Voi và Gấu là những con vật to khỏe phải làm việc nặng. Cáo lăm mưu phải nghĩ kế. Khỉ tinh nhanh rất khéo lừa địch. Lừa thật thà lo chuyện gạo tiền. Thỏ chạy nhanh được giao cho làm giao liên.

III – TẬP LÀM VĂN

1. – Cô ơi, trong rừng có rắn không hả cô ?
 - Có chứ. Trong rừng sâu có rất nhiều các loại rắn khác nhau.
 - Có cả rắn độc nữa cô nhỉ.
 - Tất nhiên rồi.
 - *Thế ạ. Vào rừng gặp rắn thì sợ lắm cô nhỉ !*
2. Học sinh tự làm.

Tuần 24

I – TẬP ĐỌC

1. a.
2. Khi nổi với Người bạn tốt, thông minh ; Cá Sấu nổi với Kẻ bội bạc, lừa dối.
3. a ; 4. d.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. A : thông minh ; B : giả dối ; C : dũng mãnh ; D : hiền lành ; E : tò mò ;
G : nhút nhát.
2. Chỉ ra đặc điểm của mỗi loài vật trong đoạn thơ :
Voi : khoẻ
Gấu : chậm chạp
Cáo : mưu mẹo
Khỉ : thông minh
Lừa : ngu dốt
Thỏ : nhút nhát

3. Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào ô trống :

Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Nói lời đáp của em :

a) Dạ, cháu xin lỗi cô.

b) Thế ạ ! Cặp của con vẫn dùng được. Hôm khác mẹ mua cho con cũng được !

2. Trả lời câu hỏi sau khi được nghe kể lại câu chuyện *Vì sao ?*

a) Truyện có 2 nhân vật : *Em bé gái và người anh họ.*

b) a. (Phù hợp với nội dung và sự phát triển của câu chuyện.)

Tuần 25

I – TẬP ĐỌC

1. Nói :

– Thuỷ Tinh : Hô mưa gọi gió, dâng nước lên cuộn cuộn. Đuối sức đành phải rút lui.

– Sơn Tinh : Hoá phép bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi chặn dòng nước lũ. Lại nâng đồi núi lên cao.

2. a, b.

3. Nói :

– BIỂN RỘNG :

Tưởng rằng biển nhỏ / Mà to bằng trời

Như con sông lớn / Chỉ có một bờ

– BIỂN GIỐNG TRẺ CON :

Bãi giằng với sóng / Chơi trò kéo co

Nghìn con sóng khoẻ / Lon ton lon ton

4. Học sinh tự chọn một khổ thơ trong bài.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Sắp xếp các từ sau vào từng nhóm :

A

chim biển, gió biển,
bờ biển

B

cá biển, tôm biển,
rong biển

C

biển, biển cả,
biển khơi, biển xanh,
biển biếc

2. Đặt câu :

- a) Vì sao Cá Sấu lại khóc ?
- b) Vì sao Khỉ Nâu lại cười khành khạch tỏ vẻ khoái chí ?

3. Trả lời câu hỏi sau :

- a) Trẻ em chưa biết bơi nên dễ bị tai nạn.
- b) Mọi người cần mặc áo phao khi qua sông để đề phòng tai nạn rủi ro.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Nói lời đáp trong đoạn đối thoại sau :

- a) Cảm ơn bạn. Tối sẽ trả bạn ngay sau giờ học thể dục.
- b) Cảm ơn em. Chơi xong chị sẽ trả lại cho em.

2. Trả lời câu hỏi :

Có những cô rong xanh tuyệt đẹp, nhơn nhơ uốn lượn trong hồ nước trong.

Tuần 26

I – TẬP ĐỌC

1. Nói :

- Vây : là áo giáp bảo vệ cơ thể cho Cá Con.
- Đuôi : là mái chèo cho Cá Con bơi lội ; là bánh lái cho Cá Con bơi đúng hướng.

2. d.

3. Nói :

- Mùa hè : Dòng sông thành dải lụa đào ửng hồng cả phố phường
- Đêm trăng : Dòng sông là một đường trăng lung linh, dát vàng

4. Học sinh ghi lại câu văn mình thích nhất trong bài.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Từ chỉ tên các loài cá : nhụ, chim, đế, song.
2. Các con vật sống ở dưới nước có trong tranh : cá chim, cá mập, cá trắm, cá rô, cá trê, tôm.
3. Thủy Tinh đến sau, không lấy được Mị Nương, dùng dùng tức giận, cho quân đuổi đánh Sơn Tinh. Thủy Tinh hô mưa, gọi gió, dâng nước lên cuộn cuộn. Nhà cửa ruộng đồng chìm trong biển nước. Sơn Tinh hoá phép bốc từng quả đồi, dời từng quả núi chặn dòng nước lũ.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Nói lời đáp của em :

- a) Thế nhé ! Tớ đợi bạn rồi hai đứa mình cùng đi nhé !
- b) Cảm ơn bạn đã nhận lời. Bạn sang dự cùng mình cho vui nhé.

2. Viết đoạn văn :

Dựa vào những từ ngữ miêu tả cảnh đẹp ở bài tập làm văn tuần 25, em viết thành đoạn văn từ 2 – 3 câu.

Tuần 27

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

1. Học sinh liệt kê các bài tập đọc đã học (8 tuần 16 bài, mỗi tuần học 2 bài).
2. Học sinh có thể chọn 1 đoạn thơ trong các bài thơ đã học sau đây :
 - Thư Trung thu (Hồ Chí Minh)
 - Về chim (Về dân gian)
 - Bé nhìn biển (Trần Mạnh Hảo)

3. Bài thơ thể hiện tình cảm yêu thương và sự quan tâm của của Bác với thiếu niên nhi đồng.
4. Bài học : Khó khăn, hoạn nạn thử thách trí thông minh của mỗi người ; chớ kiêu căng xem thường người khác
5. Những sự vật trong mùa xuân : *chồi non, bông hoa nở, nắng, con sáo, con én, cơn gió.*
6. a) Con thỏ ; b) Con vịt.
7. Đặt câu hỏi :
 - a) Máy con chim đang làm tổ ở đâu ?
 - b) Mùa hè, hoa gạo nở như thế nào ?
 - c) Vì sao Cá Sấu lặn sâu xuống nước và lủi mất ?
8. Tìm bộ phận câu trả lời câu hỏi :
 - a) bên bờ rào, giữa đám cỏ dại
 - b) bỗng thay chiếc áo xanh hàng ngày thành dải lụa đào ửng hồng cả phố phường
 - c) đuổi sức
9. Nói lời đáp của em :
 - a) Chúng mình là bạn bè thì phải giúp đỡ nhau chứ.
 - b) Bạn cũng có muốn thế đâu.
 - c) Em cảm ơn cô đã giúp đỡ em nhiều. Em hứa với cô, em sẽ cố gắng để khỏi phụ lòng cô ạ !
 - d) Con cảm ơn bố mẹ. Con sẽ nghe lời ông bà ạ !
10. Viết một đoạn văn ngắn nói về một loài chim (loài cây) mà em biết.
 - a) Loài chim : tên gọi, đặc điểm về màu sắc, hình dáng, điệu bộ, giọng hót, ích lợi.
 - b) Loài cây : loại cây, đặc điểm cây (thân, lá, cành, ngọn,... hoa, quả,...), ích lợi trong cuộc sống.

Tuần 28

I – TẬP ĐỌC

1. Ruộng nhà mình có một kho báu.
2. b.

3. Nói : *Tàu dừa – bàn tay...*

Thân dừa – bạc phéch...

Ngọn dừa – gọi trắng...

Quả dừa – đàn lợn con...

4. a.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Kể tên một số loài cây :

Cây ngô, cây khoai, cây bơ, cây táo mèo, cây pơ mu, hoa mai,....

2. – Hỏi : Người ta trồng cây bàng để làm gì ?

– Trả lời : Người ta trồng cây bàng để lấy bóng mát.

3. Từ ngữ chỉ tên các loài hoa : đào, lí, trà, mai, huệ, lan, cúc.

4. Cây có tuổi thọ cao nhất là một cây thông ở Nhật Bản. Ước tính, nó đã sống trên 7000 năm. Còn ở nước ta, trong Vườn Quốc gia Cúc Phương, có cây chò khoảng 1000 tuổi.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Ghi lại lời đáp :

Cảm ơn các bạn đã chia vui. Tớ vẽ tranh về lớp chúng mình đây.

2. Nói về quả bưởi :

a) Hình dáng bên ngoài

– Quả bưởi hình tròn.

– Quả to bằng quả bóng con.

– Vỏ màu xanh hoặc màu vàng nhẹ.

b) Ruột và múi bưởi :

– Ruột quả bưởi có màu trắng, đỏ hồng.

– Các múi bưởi có nhiều tép, mọng nước.

– Bưởi có vị ngọt hoặc chua.

Tuần 29

I – TẬP ĐỌC

1. Nói : *Mai sau cháu sẽ làm vườn giỏi* – bé Xuân

Cháu là người có tấm lòng nhân hậu ! – bé Việt

Ôi, cháu của ông còn thơ dại quá ! – bé Vân

2. b.
3. e.
4. Tác giả thể hiện sự gắn bó và tình cảm yêu mến quê hương.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Thời điểm kết trái : mùa rét, mùa hè.
2. Ghi tên các loài cây :

<i>Cây lương thực</i>	<i>Cây ăn quả</i>	<i>Cây lấy gỗ</i>
cây lúa, cây ngô, cây đỗ,...	cây cam, cây lê, cây táo,...	cây lim, cây sến, cây gụ,...

3. Nói :

thân cây – lớn hơn cột đình

cành cây – toà nhà cổ kính

ngọn cây – chót vót giữa trời xanh

rễ cây – những hình thú quái dị, những con rắn hổ mang giện dữ

4. Câu : Người nông dân cấy lúa để làm gì ?

III – TẬP LÀM VĂN

1. Nói lời đáp của em trong những trường hợp sau :

- a) Cảm ơn bạn đã quan tâm và tặng quà.
- b) Cảm ơn những tình cảm bạn đã dành cho mình.
- c) Con cảm ơn bố mẹ đã quan tâm và yêu thương con ạ.

2. Nghe kể chuyện và trả lời câu hỏi :

- a) Ông lão nhặt lên và đem về nhà trồng.
- b) Hoa xin đổi vẻ đẹp thành hương thơm để ông lão có thể thưởng thức hương thơm của hoa.
- c) Hoa dạ lan hương biết cách bày tỏ lòng biết ơn thật cảm động với người đã cứu sống và chăm sóc mình.

3. Nói :

*mười tám cây vạn tuế – tượng trưng cho hàng quân danh dự đứng trang nghiêm
cây và hoa khắp miền đất nước – đậm chồi, khoe sắc, toả ngát hương thơm
những đoá hoa ban – nở lúá đầu
hoa nhài, hoa mộc, hoa ngâu – kết chùm đang toả hương ngào ngạt
cảnh đào Sơn La – khoe khoả vươn lên, reo vui*

4. Qua bài *Cây và hoa bên lăng Bác*, em hiểu tình cảm của người dân Việt Nam đối với Bác như thế nào ? (Học sinh suy nghĩ, tự trả lời.)

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Từ ngữ ca ngợi Bác Hồ : con sông lớn, mặt trời, mặt trăng...

2. a) yêu ; b) nhớ thương ; c) nhớ nhung.

3. M : thương dân, hiền từ, nhân hậu,...

4. Điền dấu chấm, dấu phẩy vào chỗ thích hợp :

Trên quảng trường Ba Đình lịch sử, lăng Bác uy nghi mà gần gũi.
Cây và hoa khắp miền đất nước về đây tụ hội, phô sắc, toả ngát hương thơm.

Ngay thềm lăng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một hàng cây danh dự đứng trang nghiêm. Hướng chính lăng, cạnh hàng dầu nước thẳng tắp, những đoá hoa ban đã nở lúá đầu.

III – TẬP LÀM VĂN

1. – Em cảm ơn cô đã quan tâm giúp đỡ. Em hứa sẽ cố gắng học tập tốt để cô vui lòng.

– Cháu có làm được gì nhiều đâu ạ.

– Con rất yêu em. Bố mẹ không phải khen đâu ạ.

2. a) Ảnh Bác được treo ở giữa tường phía trên bảng học.

b) Ghi lại những điều mà em quan sát được về Bác :

– đôi mắt : sáng ngời

– vầng trán : rộng

– bộ râu : dài

– mái tóc : bạc phơ

c) Viết một đoạn văn từ 3 – 4 câu (xem lại ý b trong câu hỏi 2).

Tuần 33

I – TẬP ĐỌC

1. c ; 2. b.

3. Nét ngộ nghĩnh đáng yêu của Lượm : loắt choắt, cái xác xinh xinh, cái chân thoăn thoắt, cái đầu nghênh nghênh, ca lô đội lệch, mồm huýt sáo, nhảy trên đường làng.

4. c.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Từ ngữ chỉ phẩm chất : gan dạ, anh hùng.

2. Đặt câu : Lượm là người anh hùng nhỏ tuổi.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Lời đáp :

- Cảm ơn bạn đã an ủi tớ.
- Cảm ơn bạn đã đến thăm và động viên tớ.
- Em cảm ơn cô vì cô tin tưởng và động viên em ạ.

2. Đoạn văn :

Gợi ý :

- Chép bài giúp bạn khi bạn bị ốm (Bạn em bị ốm nên phải nghỉ học. Em lấy vở chép bài hộ bạn để khi khỏi ốm, bạn có bài để học. Em nắn nót từng chữ cho đẹp để bạn vui).
- Giúp bạn giải bài toán khó (Bài toán này khó. Bạn làm mãi vẫn chưa ra kết quả. Em ngồi làm bài cùng bạn và chỉ giúp bạn cách tính. Làm bài xong, em và bạn cùng ra sân chơi).

Tuần 34

I – TẬP ĐỌC

1. Từ ngữ : Trẻ con xúm lại, các bạn ngắm nghía đồ chơi, tò mò xem bác nặn...

2. b ; 3. a ; 4. d.

II – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Cặp từ trái nghĩa :

- những con bê cái / những con bê đực
- những bé gái / những bé trai
- rụt rè / bạo dạn
- (ăn) nhỏ nhẹ, từ tốn / (ăn) ngấu nghiến

2. Từ trái nghĩa :

- đầu tiên / cuối cùng
- kính trọng / khinh thường
- dũng cảm / hèn nhát
- hiền lành / dữ tợn
- biến mất / xuất hiện

3. a) lên / xuống ; b) ngày / đêm.

III – TẬP LÀM VĂN

1. Hãy kể về người thân của em.

- a) Bố em làm công nhân nhà máy dệt.
- b) Hằng ngày, bố em đi làm từ sáng sớm.
- c) Bố em sửa những chiếc máy bị hỏng để cô chú công nhân có máy làm.
- d) Việc làm của bố em đem niềm vui tới cho mọi người.

2. Hãy viết những điều em đã kể ở bài tập 1 thành một đoạn văn.

Bố em làm công nhân nhà máy dệt. Hằng ngày, bố đi làm từ sáng sớm.
Bố em sửa những chiếc máy bị hỏng. Em rất tự hào về bố mình.

Tuần 35

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

1. Học sinh ghi theo thứ tự các bài học từ tuần 28 đến tuần 34.
2. Học sinh ghi lại đoạn thơ hoặc bài thơ mà mình yêu thích.

3. Trả lời câu hỏi :

- a) Truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* nhằm giải thích hiện tượng lũ lụt và việc chống lũ lụt của nhân dân ta.
- b) Truyện ngụ ngôn *Kho báu* khuyên chúng ta phải biết yêu ruộng đất, chăm chỉ lao động mới có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.
- c) Bài thơ *Cháu nhớ Bác Hồ* thể hiện tình cảm nhớ thương và kính yêu Bác Hồ của bạn nhỏ miền Nam đang sống trong vùng giặc chiếm đóng.

4. Xếp các bài văn, bài thơ đã được ghi ra ở bài tập 1 vào bảng sau :

<i>Ca ngợi tinh thần lao động quên mình vì công việc</i>	<i>Ca ngợi những con người giàu lòng yêu nước, thương dân</i>
Đàn bê của anh Hồ Giáo, Chì lao công	Bóp nát quả cam, Lượm

5. Gạch dưới các từ chỉ màu sắc :

tim tím, trắng tinh, vàng vàng, đỏ.

6. Cặp từ trái nghĩa : thấp/ cao ; trong/ ngoài ; trên/ dưới ; nhiều/ ít .

7. a) Hồ Hoàn Kiếm là một thắng cảnh nổi tiếng ở đâu ?

b) Con yêu mẹ như thế nào ?

8. a) Vì sao Thủy Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh ?

b) Hàm răng để làm gì ?

9. Mùa xuân, phượng ra lá. Lá xanh um, mát rượi, ngon lành như lá me non. Lá ban đầu xếp lại, còn e ấp, dần dần xoè ra cho gió đưa đẩy. Lòng học trò phơi phới làm sao. Cậu chăm lo học hành, rồi lâu cũng vô tâm quên màu lá phượng.

Một hôm, bỗng đâu trên những cành cây báo ra một tin thắm : mùa hoa phượng bắt đầu. Đến giờ chơi, học trò ngạc nhiên nhìn trông : hoa nở lúc nào mà bất ngờ dữ vậy.

10. Nói lời đáp của em trong những trường hợp sau :

- a) Cảm ơn các bạn. Mình hứa với các bạn sẽ cố gắng học tập chăm chỉ.
- b) Cảm ơn bạn đã nhắc nhở. Mình sẽ luôn nhớ điều này.
- c) Cảm ơn bạn đã giúp đỡ và lo lắng cho mình.
- d) Con cảm ơn bố mẹ ạ. Con yêu bố mẹ.

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu	3	
	Kiến thức, kĩ năng và đề luyện tập	Giải đáp Gợi ý
Tuần 1	5	111
Tuần 2	8	111
Tuần 3	12	113
Tuần 4	15	114
Tuần 5	19	115
Tuần 6	22	116
Tuần 7	25	117
Tuần 8	28	118
Tuần 9	31	119
Tuần 10	33	119
Tuần 11	36	120
Tuần 12	39	121
Tuần 13	41	121
Tuần 14	44	122
Tuần 15	47	123
Tuần 16	50	124
Tuần 17	53	125
Tuần 18	56	126
Tuần 19	58	127
Tuần 20	62	129

	Kiến thức, kĩ năng và đề luyện tập	Giải đáp Gợi ý
Tuần 21	66	130
Tuần 22	70	131
Tuần 23	73	132
Tuần 24	76	133
Tuần 25	79	134
Tuần 26	82	135
Tuần 27	85	136
Tuần 28	88	137
Tuần 29	91	138
Tuần 30	94	140
Tuần 31	97	140
Tuần 32	100	142
Tuần 33	103	143
Tuần 34	106	143
Tuần 35	109	144

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Tổng biên tập kiêm Phó Tổng Giám đốc NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng biên tập LÊ HỮU TÌNH
Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập lần đầu :

NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO – VŨ THỊ VÂN

Biên tập tái bản :

NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO

Thiết kế sách :

ĐINH XUÂN DUNG

Trình bày bìa :

QUỐC VĂN

Sửa bản in :

NGỌC BẢO

Chế bản :

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ VÀ PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội –
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

TIẾNG VIỆT CƠ BẢN LỚP 2

Mã số : T2E21a3 – ĐTH

Số đăng ký KHXB : 55 – 2013/CXB/56 – 53/GD

In 3.000 bản, khổ 17 x 24 cm.

Tại Công ty TNHH In & TM Sông Lam.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2013.